

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI THEO TÊN KINH

A

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	7
1 A-SÁ-NANG-CHI - 32 Trường II, 549	12
2 ABHIBHÙ - Tăng I, 410	29
3 AGGIVACCHAGOTTA - 72 Trung II, 313..	33
4 AI GIÁO GIỚI - Tăng III, 658.....	46
5 AJITA - Tăng IV, 553	48
6 ALAHÁN - Tăng III, 228.....	52
7 ALAHÁN QUẢ - Tăng III, 241	53
8 ALaHán - Tương III, 286	54
9 ALaHán - Tương IV, 404	55
10 ALaHán - Tương V, 325	57
11 ALaHán - Tương V, 630	58
12 ALaHán 1 - Tương V, 321	60
13 ALaHán hay Phật 2 - Tương V, 321	62
14 AMBATTHA - 3 Trường I, 159.....	64

15	AN TOÀN - Tăng II, 144	97
16	AN TRÚ TÂM - 20 Trung I, 269	99
17	AN ỔN TRÚ - Tăng II, 522	106
18	ANALUẬT - 127 Trung III, 365.....	108
19	ANAN NHỨT DẠ HIỀN GIẢ - 132 Trung III, 447.....	120
20	ANGULIMALA - 86 Trung II, 577	124
21	ANURUDDHA 1 - Tăng I, 513	136
22	ANURUDDHA 2 - Tăng I, 514	138
23	ARAKA - Tăng III, 471	140
24	ASSALAYANA - 93 Trung II, 681	145
25	ATULA PAHÀRÀDA - Tăng III, 557.....	164
26	Abhaya - Tương V, 199.....	174
27	Acela - Tương IV, 471.....	178
28	Aggika Thờ lửa - Tương I, 363	182
29	AlaHán 1 - Tương V, 302.....	185
30	Alava - Tương I, 471	187

31	Alavikhà - Tương I, 283	193
32	Am Tranh - Tương I, 24	195
33	Ambapàli - Tương V, 219	197
34	An Cư Mùa Mưa - Tương V, 589.....	199
35	An Lạc - Tương II, 324.....	202
36	An Lạc - Tương IV, 332	203
37	An Lạc - Tương IV, 573	204
38	Ananda - Tương I, 413	206
39	Ananda - Tương I, 438	208
40	Ananda - Tương III, 191	209
41	Ananda - Tương III, 327.....	212
42	Ananda - Tương III, 51	214
43	Ananda - Tương III, 75.....	216
44	Ananda - Tương III, 76.....	218
45	Ananda - Tương IV, 619	223
46	Ananda - Tương V, 491	225
47	Andhakavinda - Tương I, 338	236

48	Anh - Tương II, 328.....	239
49	Anuruddha - Tương I, 439.....	240
50	Anuràdha - Tương III, 210	242
51	Anuràdha, 584.....	249
52	Anàthapindika Cấp Cô Độc - Tương I, 128 .	258
53	Ao Hồ - Tương V, 665.....	261
54	Arittha - Tương V, 469	263
55	Arunàvati - Tương I, 340.....	267
56	Assaji - Tương III, 226	273
57	Asurindaka - Tương I, 356	280
58	ÀNANDA - Tăng I, 237	283
59	ÀNANDA - Tăng III, 135	285
60	ÀNANDA - Tăng IV, 444	289
61	Ànanda - Tương V, 532.....	291
62	ÁC GIỚI - Tăng II, 332	295
63	ÁC GIỚI PHÁ GIỚI - Tăng II, 716	298
64	ÁC HÀNH - Tăng III, 265.....	301

65	ÁC NGÔN - Tăng III, 268.....	302
66	ÁC THUYẾT - Tăng II, 606	303
67	ÁC TÁNH - Tăng II, 247	308
68	ÁI - Tăng II, 225	310
69	ÁI - Tăng IV, 140	314
70	ÁI SANH - 87 Trung II, 591	315
71	ÁNH CHIẾU - Tăng II, 80	326
72	ÁNH LỬA - Tăng II, 80	327
73	ÁNH SÁNG - Tăng II, 79	328
74	ÁNH ĐÈN - Tăng II, 80	329
75	ÁC Giới - Tương II, 290.....	330
76	ÁC Giới hay Anàthapindika 1 - Tương V, 556	331
77	ÁC Giới hay Anàthapindika 2 - Tương V, 561	345
78	ÁC Hành - Tương V, 293	349
79	ÁC Thú 1 - Tương V, 534	351

80	Ách Phược - Tương V, 93	353
81	Ái - Tương II, 434.....	355
82	Ái Nhiễm - Tương IV, 113	357
83	Ái Nhiễm - Tương IV, 115	363
84	Ái Tận - Tương V, 450	366
85	Ái Đoạn Tận - Tương IV, 573	367
86	Ánh Sáng - Tương I, 39	369
87	ĂN CÁC ĐỒ THỰC VẬT - Tăng II, 564....	370
88	ĂN TRỘM - Tăng I, 712	372
89	ĂN TỪ BÌNH BÁT - Tăng II, 666.....	374
90	Ăn Sĩ Ở Bờ Biển Hay Sambara - Tương I, 502	376

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 A-SÁ-NANG-CHI - 32 Trường II, 549

KINH A-SÁ-NANG-CHI (ATANATIYA SUTTANA) – Bài kinh số 32 – Trường II, 549

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời Thế Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá), núi Gijjhakùta (Linh Thú). **Bốn Thiên vương** sau khi sắp đặt trấn giữ bốn phương với đại quân Yakkha (Dạ-xoa), đại quân Gandhabba (Càn-thát-bà), đại quân Kumbhanda (Cừu-bàn-trà) và đại quân Nàga (Na-già), án ngữ bốn phương, bảo trì bốn phương, trong đêm tối thâm sâu, với hào quang tuyệt diệu chói sáng toàn thể núi Linh Thú, đến tại chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Các vị Dạ-xoa, có vị đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có vị nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm, rồi ngồi xuống một bên; có vị nói lên tên họ rồi ngồi xuống một bên; có vị im lặng, rồi ngồi xuống một bên.

2. Sau khi ngồi xuống một bên, **đại vương Vessavana (Tỳ-sa-môn)** bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có những thượng phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn có những thượng phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn,
- Bạch Thế Tôn, có những trung phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn, có những trung phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn.
- Bạch Thế Tôn, có những hạ phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn, có những hạ phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn.
- Bạch Thế Tôn, **nhưng phần lớn các Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn. Vì sao vậy?** Bạch Thế Tôn. Thế Tôn thuyết pháp để từ bỏ sát sanh, thuyết pháp để từ bỏ trộm cắp, thuyết pháp để từ bỏ tà dâm, thuyết pháp để từ bỏ nói láo, thuyết pháp để từ bỏ không uống các loại rượu. Bạch Thế Tôn, tuy vậy phần lớn các Dạ-xoa đều không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cắp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ uống các loại rượu. Đối với họ, Pháp ấy không được ưa thích, không được đón mừng.
- Bạch Thế Tôn, có những đệ tử của Thế Tôn, sống trong chốn thâm sâu cùng cốc, ít tiếng, ít động, có gió mát từ ngoài đồng thổi, che dấu không cho người thấy, thích hợp tịnh tu. Tại chỗ ấy, có những thượng phẩm Dạ-xoa không

tin tưởng lời dạy Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, hãy học chú Atànàtiyarakkha (A-sá-nang-chi Hộ Kinh) **để họ được lòng tin**, để các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ có thể sống an lạc, được che chở, được hộ trì không bị tai họa.

Thế Tôn im lặng chấp thuận.

3. Rồi đại vương Vessavana, biết được Thế Tôn đã chấp thuận, trong giờ phút ấy, đọc lên **bài Atànàtiya Hộ Kinh**:

- *Đảnh lễ Vipassi (Tỳ-bà-thi),
Sáng suốt và huy hoàng!*
- *Đảnh lễ đấng Sikhi (Thi-khí)
Có lòng thương muôn loài!*
- *Đảnh lễ Vessabha (Tỳ-xá-bà),
Thanh tịnh, tu khổ hạnh!*
- *Đảnh lễ Kakusandha (Câu-lâu-tôn),
Vị nhiếp phục ma quân!*
- *Đảnh lễ Konàgamana, (Câu-na-hàm)
Bà-la-môn viên mãn!*
- *Đảnh lễ Kassapa (Ca-diếp),
Vị giải thoát muôn mặt!*
 - *Đảnh lễ Angirasa,
Vị Thích tử huy hoàng,
Đã thuyết chơn diệu pháp,
Diệt trừ mọi khổ đau!*

Ai yếm ly thế giới,
Nhìn đời đúng như chơn,
Vị ấy không hai lười,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
- Cùng đánh lễ Gotama,
Lo an lạc Nhơn Thiên
Trì giới đức viên mãn!
Bậc vĩ đại thanh thoát!

4.

Mặt trời sáng mọc lên,
Vàng thái dương tròn lớn,
Khi mặt trời mọc lên,
Đêm tối liền biến mất.

Khi mặt trời mọc lên
Liền được gọi là ngày.
Biển cả hải triều động,
Như hồ nước thâm sâu.
Ở đây mọi người biết,
Chính biển cả hải triều,
Dân chúng gọi phương ấy
Là phương Purimà, **(phương Đông).**

Vị trị vì phương ấy,
Bậc đại vương danh xưng,
Chủ loài Càn-thát-bà,
Danh gọi **Dhatarattha (Trì Quốc Thiên**

vương).

Càn-thát-bà hầu quanh,
Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nơon cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".

5.

Họ được gọi Peta,
Nói hai lưỡi, sau lưng,
Sát sanh và tham đắm,
Đạo tặc và man trá,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là **phương Dakkhinà (phương Nam).**

Vị trị vì phương ấy,
Bậc đại vương, danh xưng,
Chủ loài Kumbhanda (Cừu-bàn-trà)
Danh gọi Virùlhaka (Tỳ-lâu-lặc).

Kumbhanda hầu quanh,
Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhơn cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,

Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đánh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đánh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".

6.

Mặt trời sáng lặn xuống,
Vàng thái dương trong lớn.
Khi mặt trời lặn xuống.
Ban ngày liền biến mất.
Khi mặt trời lặn xuống,
Liền được gọi là đêm.
Biến cả hải triều động,
Như hồ nước thâm sâu,
Ở đây mọi người biết,
Chính biến cả hải triều,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương **Pacchimà (phương Tây).**
Vị trí vì phương ấy,
Bậc đại vương, danh xưng.
Chủ các loài Nàgà,
Danh Virùpakkha (Tỳ-lâu-bác-xoa).
Loài Nàgà hầu quanh,
Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,

Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhơn cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".

7.

Bắc Lô Châu (Uttarakurù) an lạc
Đại Neru (Tu-di) đẹp đẽ.
Tại đây, mọi người sống
Không sở hữu, chấp trước.
Họ không gieo hạt giống,

Không cần phải kéo cày.
Loài người được thọ hưởng
Lúa chín khỏi nhọc công.
Loại gạo không cám trấu,
Thanh tịnh có hương thơm,
Được nấu chín trên đá,
Và họ ăn gạo ấy.
Chỉ cỡi loài bò cái,
Đi phương này phương khác.
Chỉ dùng các loài thú
Đi phương này phương khác.
Dùng xe đàn bà kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe đàn ông kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe con gái kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe con trai kéo,
Đi phương này phương khác.
Họ lên trên các xe,
Đi khắp mọi phương hướng,
Để phục vụ vua mình.
Họ cỡi xe voi kéo,
Xe ngựa, xe chư Thiên,
Đối với vua danh xưng,
Có lâu đài, có kiệu,
Nhiều thành phố của vua,

*Được xây giữa hư không.
Các thành Atànàtā,
Kusinàtā, Parakusinàtā, Nàttapuriyā,
Parakusitannàtā
Kapivanta thuộc phía Bắc,
Và các thành phố khác,
Như Janogha, Navanavatiya,
Ambara, Ambaravatiya,
Alakamandā,
Là kinh đô của vua,
Chỗ Kuvera ở.*

*Vị vua đáng kính này,
Kinh đô tên Visàṇā.*

Do vậy Kuvera,

Được danh Vessavana.

*Các sứ quán được tên:
Tatolā, Tattalā, Tatotalā,
Ojasi, Tejasi, Tatojasi,
Vua Sūra, Arittha, Nemi.
Đây có vùng nước lớn,
Từ đây mưa đổ xuống,
Được tên Dharanī.
Tại đây mưa đổ xuống,
Được tên Dharanī.
Tại đây có giảng đường,
Tên Bhagalavati,
Chỗ Dạ-xoa tập hội.*

Tại đây nhiều cây trái,
Trên cây chim tụ họp,
Các loại công, loại cò,
Diệu âm chim Kokilà,
Ở đây, chim Jiva,
Kêu tiếng "Hãy sống đi",
Và tiếng chim kêu lên,
"Hãy khởi tâm thích thú".
Nhiều loại chim sai khác,
Ở rừng và ở hồ,
Với con vẹt ồn ào,
Và con chim Mynah,
Các loại chim thần thoại,
Gọi là Dandamānavakā.
Hồ sen Kuvera,
Chiếu sáng tất cả trời,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương Uttarà (phương Bắc).
Vị trị vì phương ấy,
Bậc đại vương danh xưng,
Chủ các loài Dạ-xoa,
Được gọi **Kuvera.**
Các Dạ-xoa hầu quanh,
Hưởng múa hát của chúng.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,

*Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhơn cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".*

8. Tôn giả, **Hộ Kinh Atànàtiya này che chở, hộ trì, ngăn không cho ai làm hại các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ và khiến các vị này sống an lạc.**

Khi một vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ nào sẽ học Hộ Kinh Atanatiya này một cách chín chắn, rõ ràng, nếu có loài phi nhơn nào, Dạ-xoa, Dạ-xoa-ni, con trai Dạ-xoa, con gái Dạ-xoa, đại thần Dạ-

xoa-ni, tùy tùng của Dạ-xoa, hay lao công của Dạ-xoa; hoặc Càn-thát-bà... hoặc Cưu-bàn-trà (Kumbhanda)... hoặc Nàga... đi theo vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ khi vị này đi; đứng gần, khi vị này đứng; ngồi khi vị này ngồi; nằm khi vị này nằm với tâm niệm độc ác, thời này Tôn giả, vị phi nhân ấy trong làng hay trong đô thị sẽ không được ai đón mừng hay kính trọng. Nay Tôn giả, phi nhân ấy, trong kinh đô Alakamada của Ta sẽ không tìm được đất đai hay chỗ ở. Vị phi nhân ấy sẽ không được đi dự hội giữa các Dạ-xoa. Nay Tôn giả, vị phi nhân ấy sẽ không được cưới hỏi. Nay Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ dùng những lời nói hỗn láo xác xược đối với vị ấy. Nay Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ dìm đầu vị ấy xuống. Nay Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ chẻ đầu vị ấy ra làm bảy mảnh.

9. Nay Tôn giả, có hàng phi nhân hung bạo, dữ tợn, khủng khiếp. Chúng không nghe lời các đại vương, không nghe lời đình thần của các vị đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần của các vị đại vương. Nay Tôn giả, các phi nhân này được xem là thù nghịch của các bậc đại vương.

Nay Tôn giả, như các đại tướng cướp vua xứ Magadha bị chinh phục. Cũng vậy, các vị này không nghe lời các vị đại vương, không nghe lời đình thần

của các vị đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần của các vị đại vương. Nay Tôn giả, các vị đại tướng cướp này được xem là kẻ thù nghịch của vua xứ Magadha. Cũng vậy, này Tôn giả, có những vị phi nhân hung bạo, dữ tợn, khủng khiếp. Các vị này không nghe lời các đại vương, không nghe lời đình thần của các vị đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần các vị đại vương. Nay Tôn giả, các vị phi nhân này được xem là kẻ thù nghịch của các bậc đại vương.

Này Tôn giả, nếu có vị phi nhân nào, Dạ-xoa hay Dạ-xoa-ni nào... đi theo vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ hay Nữ cư sĩ khi vị này đi, đứng gần khi vị này đứng; ngồi khi vị này ngồi; nằm khi vị này nằm với tâm niệm độc ác, vị này hãy nói lên, kêu lên, van lên với các những vị Dạ-xoa ấy, đại Dạ-xoa ấy, quân sư, đại quân sư ấy: "*Dạ-xoa này bắt tôi, Dạ-xoa này tấn công tôi, Dạ-xoa này đả thương tôi, Dạ-xoa này hại tôi, Dạ-xoa này làm hại tôi, Dạ-xoa này không thả tôi ra*".

10. Những Dạ-xoa, đại Dạ-xoa, quân sư, đại quân sư nào được kêu gọi ở đây:

*Inda, Soma, và Varuna,
Bhàradvaja, Pajàpati,
Candana, Kàmasettha,*

*Kinnughandu, Nighandu,
Panàda và Opamanna,
Devanita và Matali,
Cittasena và Gandhabba.
Vua Nala, Janesabha,
Sàtàgira Hemavata,
Punnuaka, Karatiya, Gula,
Sivakat và Mucalinda
Vessàmitta, Yugandhara,
Gopàla và Suppagedha,
Hirì, Settì và Mandiya,
Pancàla Canda, Alavaka,
Pajjunna, Sumana, Sumukha,
Dadhimukha Mani Mānicara, Dìgha,
Atha và Serissaka.*

Những vị này là những Dạ-xoa, đại Dạ-xoa, quân sư, đại quân sư cần phải được nói lên, kêu lên, van lên: "Dạ-xoa này bắt tôi, Dạ-xoa này tấn công tôi, Dạ-xoa này đả thương tôi, Dạ-xoa này hại tôi, Dạ-xoa này làm hại tôi, Dạ-xoa này không thả tôi ra".

11. Nay Tôn giả, đây là Hộ Kinh Atànàtiyà che chở, hộ trì, ngăn không cho ai làm hại các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ và khiến các vị này sống an lạc.

- Thừa Tôn giả, nay chúng tôi cần phải đi, chúng tôi có nhiều việc, có nhiều bồn phận.

- Đại vương, Đại vương hãy làm điều gì Đại vương nghĩ là phải thời.

Rồi bốn vị đại vương, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về phía Ngài rồi biến mất tại đây.

Các vị Dạ-xoa ấy, từ chỗ ngồi đứng dậy, có vị đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ; có vị nói lên những lời hỏi thăm xã giao với Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ; có vị chấp tay hướng đến Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ; có vị nói lên tên họ của mình rồi biến mất tại chỗ; có vị im lặng biến mất tại chỗ.

12. Rồi Thế Tôn sau khi đêm đã mãn, liền gọi các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, khi hôm, Bốn vị đại vương cùng với đại quân sư Dạ-xoa:

*"Đánh lễ Vipassi (Tỳ-bà-thi)
Sáng suốt và huy hoàng;
Đánh lễ đáng Sikhi, (Thi-khí)
Có lòng thương muôn loài..."*

Này Tôn giả, đó là hộ kinh Atànàtiyà che chở, hộ trì, ... (như trên) ... rồi biến".

13. Này các Tỷ-kheo, hãy học Hộ Kinh Atànàtiyà này, hãy thuộc lòng Kinh Atànàtiyà này. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ được che chở, được hộ trì, được ngăn khỏi ai làm hại, được sống thoải mái hạnh phúc.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ thọ trì lời dạy Thế Tôn.

2 ABHIBHÙ - Tăng I, 410

ABHIBHÙ – Tăng I, 410

1. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả bạch Thế Tôn:

- Con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được nắm giữ trước mặt Thế Tôn: **"Abhibhù đệ tử Đức Phật Sikhi, đứng ở Phạm Thiên Giới, có thể làm cho ngàn thế giới nghe tiếng của mình".** Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào?
- *Vị ấy chỉ là một đệ tử, này Ànanda. Các Như Lai là vô lượng.*

Lần thứ hai, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Con được nghe trước mặt Thế Tôn, ... có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào?
- Vị ấy chỉ là một đệ tử, này Ànanda. Các Như Lai là vô lượng.

2. Lần thứ ba, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Con được nghe trước mặt Thế Tôn, ... có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào?

- *Này Ànanda, Thầy có được nghe nói đến **tiền thiên thế giới** không?*
- *Nay đã đến thời, bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời, bạch Thiên Thệ, để Thế Tôn nói về vấn đề này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.*
- *Vậy này Ànanda, hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ nói.*
- *Thưa vâng, bạch Thế Tôn.*

Tôn giả Ànanda vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

3. - *Xa cho đến mặt trăng, mặt trời chạy trong quỹ đạo của chúng và chói sáng khắp bốn phương với ánh sáng của chúng, xa như vậy là một ngàn thế giới. Trong ấy có một ngàn mặt trăng, một ngàn mặt trời, một ngàn núi Sinêru (Tu-di), một ngàn Jambudìta (Diêm phù đề), một ngàn Aparagoyanà (Tây ngưu hóa châu), một ngàn Uttarakurù (Bắc-cu-vô châu), một ngàn Pūbbavidehà (Đông thắng thần châu), bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn Đại Vương, 1000 cõi trời Bốn thiên vương, 1000 cõi trời Ba mươi ba, 1000 Dạ ma thiên, 1000 Tusitā (Đâu suất thiên), 1000 Hóa Lạc thiên, 1000 Tha Hóa Tự tại thiên, 1000 Phạm Thiên. *Này Ànanda, đây gọi là một tiểu thiên thế giới.**

- *Này Ānanda, cho đến 1000 lần một tiểu thiên thế giới, được gọi là hai Trung thiên thế giới.*
- *Này Ānanda, cho đến một ngàn trung thiên thế giới được gọi là ba Đại thiên thế giới.*
- *Này Ānanda, Như Lai có thể làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn.*

4. - Làm sao, bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn?

- Ở đây, này Ānanda, *Như Lai chiếu ánh sáng cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới, cho đến khi các chúng sanh nhận thức được ánh sáng ấy. Rồi Thế Tôn phát âm và làm cho tiếng mình được nghe.* Như vậy, này Ānanda, Như Lai làm cho tiếng mình được nghe xa cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới, hay xa hơn nữa nếu muốn.

5. Khi được nói như vậy, Tôn giả Ānanda nói với Tôn giả Udāyī:

- Được lợi thay cho tôi, khéo được lợi thay cho tôi, có được bậc Đạo sư có thần lực như vậy, có uy lực như vậy!

Khi được nghe nói như vậy, Tôn giả Udāyī nói với Tôn giả Ānanda:

- Nay Hiền giả Ànanda, ở đây Hiền giả nghĩ có được gì, nếu bậc Đạo sư của Hiền giả có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy?

Khi được nghe nói như vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Udàyi:

- Chớ có nói như vậy, này Udàyi. Chớ nói vậy, này Udàyi. Nay Udàyi, nếu Ànanda chưa có đoạn tận tham và mệnh chung, nhưng với tâm tịnh tín của mình, vị ấy có thể bảy lần ngự trị trên thế giới chư Thiên, có thể bảy lần ngự trị trên cõi Jambudìpa này. Nhưng này Udàyi, Ànanda ngay trong hiện tại sẽ được Bát-Niết-bàn.

3 AGGIVACCHAGOTTA - 72 Trung II, 313

KINH AGGIVACCHAGOTTA (Aggivacchagotta sutta)

– Bài kinh số 72 – Trung II, 313

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi:

"Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

... (như trên)...

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta

không có tri kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chon, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama thấy có sự nguy hại gì mà Ngài không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến này như vậy?

– Nay Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là thường trú", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Nay Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là vô thường"... (như trên)... "Thế giới là hữu biên"... "Thế giới là vô biên"... "Sinh mạng và thân thể là một"... "Sinh mạng và thân thể là khác"... "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết"... "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết"... "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết"... Nay Vaccha, nghĩ rằng: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. **Nay Vaccha, Ta thấy có sự nguy hại này mà Ta không chấp nhận hoàn toàn những tri**

kiến như vậy.

– Nhưng Tôn giả Gotama có tà kiến nào không?

– Này Vaccha, tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng này Vaccha, **đây là điều Như Lai đã thấy:** "*Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt*". **Do vậy ta nói rằng, với sự đoạn trừ, ly tham, đoạn diệt, xả bỏ, vứt bỏ tất cả ảo tưởng tất cả hôn mê, của tất cả ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên, mà Như Lai được giải thoát, không còn chấp thủ.**

– Thừa Tôn giả Gotama, một Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi chỗ nào?

– Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?

– Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và

không sanh khởi?

– Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?

– Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Khi được hỏi: "Tôn giả Gotama, vị Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi tại chỗ nào?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?" Tôn giả đáp: "Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". *Thưa Tôn giả Gotama, tôi trở thành vô tri về điểm này, tôi trở thành mê mờ về điểm này, và một số tin tưởng tôi đã có đối với Tôn giả Gotama do các cuộc đàm thoại lúc trước đem lại, nay đã biến mất nơi tôi.*

– Nay Vaccha, thôi vừa rồi, vô tri của Ông! Thôi vừa rồi, mê mờ (của Ông)! Nay Vaccha, sâu kín là pháp này, khó thấy, khó giác ngộ, an tịnh, thù thắng, không thể luân bàn, tế nhị, chỉ bậc trí mới hiểu. Thật rất khó cho Ông có thể hiểu được, khi Ông thuộc tri kiến khác, kham nhẫn khác, lý tưởng khác, hành trì khác, Đạo sư khác. Và nay Vaccha, nay Ta trở lại hỏi Ông. Hãy trả lời nếu Ông kham nhẫn. Nay Vaccha, Ông nghĩ thế nào? Nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi?"

– Tôn giả Gotama, nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, tôi có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi".

– Nhưng nếu, nay Vaccha, có người hỏi Ông như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?", nếu được hỏi vậy, nay Vaccha, Ông trả lời như thế nào?

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu có người hỏi tôi như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?", nếu được hỏi vậy, thưa Tôn giả Gotama, tôi sẽ trả lời như sau: "Ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, ngọn lửa này cháy đỏ do duyên nhiên liệu cỏ và củi".

– Này Vaccha, nếu ngọn lửa ấy bị tắt trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi?"

– Tôn giả Gotama, nếu ngọn lửa ấy được tắt trước mặt tôi, tôi sẽ biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi".

– Này Vaccha, nếu có người hỏi Ông như sau: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt Ông, ngọn lửa ấy từ đây đã đi về phương hướng nào, phương Đông, phương Tây, phương Bắc, hay phương Nam?", được hỏi vậy, này Vaccha, Ông trả lời thế nào?

– Không có thể áp dụng ở đây, Tôn giả Gotama. Vì rằng, này Tôn giả Gotama, ngọn lửa ấy đã cháy vì duyên nhiên liệu cỏ và củi. Khi cỏ và củi ấy hết và vì không có nhiên liệu khác, nên được xem là không có nhiên liệu, đã bị tắt.

– Cũng vậy, này Vaccha, do sắc pháp này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, sắc pháp ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt tận gốc rễ, làm cho cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. **Giải thoát khỏi cái gọi là sắc, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương. Khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không**

có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Do thọ này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, thọ ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sinh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là thọ, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng khó dò đến đáy đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Do tướng này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, tướng ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sinh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là tướng, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Do những hành này nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, các hành ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho

như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi những cái gọi là hành, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên, không có áp dụng.

Do thức này, nhờ đó mà một người nhận thức Như Lai có thể nhận thức được, cái thức ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt được tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. **Giải thoát khỏi cái gọi là thức, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.**

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, như một cây tala lớn, không xa làng hay thị trấn, vì vô thường nên cành lá rơi rụng, vỏ và đọt non rơi rụng, giác cây rơi rụng và sau một thời gian, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rơi rụng, với giác cây rơi rụng, cây ấy thuần tịnh chỉ còn lại lõi cây. Cũng vậy, lời nói này của Tôn giả Gotama, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rụng,

với giác cây rơi rụng, lời nói ấy thuần tịnh, chỉ còn lại lỗi cây.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy Pháp và quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

4 AI GIÁO GIỚI - Tăng III, 658

AI GIÁO GIỚI – Tăng III, 658 (cần hỏi lại???
thiếu 1 pháp)

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Thành tựu bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nên được chấp nhận là vị giáo giới cho các Tỷ-kheo-ni?

- Nay Ānanda, thành tựu tám pháp, Tỷ-kheo nên được chấp nhận là vị giáo giới cho các Tỷ-kheo-ni. Thế nào là tám?

2. Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo có:

1. Có giới đức, sống được chế ngự với sự chế ngự của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các pháp.
2. Vị ấy nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe. Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý văn cú cụ túc, đề cao đời sống

Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy đã được nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quan sát, khéo thể nhập chánh kiến.

3. Đối với vị ấy, hai giới bốn Pàtimokkha được khéo trao truyền lại một cách rộng rãi, khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định thành sutta (ngôn ngữ) và thành âm vận.
4. Vị ấy có một giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác.
5. Vị ấy có khả năng thuyết giảng pháp thoại cho chúng Tỷ-kheo-ni, khích lệ, phấn khởi, làm cho hoan hỷ, được phần lớn các Tỷ-kheo-ni ái mộ, thích ý.
6. Trước khi y chỉ Thế Tôn, xuất gia, đắp áo cà-sa, vị ấy không có phạm trọng tội nào.
7. Được hai mươi tuổi an cư hay hơn hai mươi tuổi an cư.

Thành tựu tám pháp này, này Ànanda, vị Tỷ-kheo được chấp nhận là vị giáo giới cho các Tỷ-kheo-ni.

5 AJITA - Tăng IV, 553

AJITA – Tăng IV, 553

1. Bây giờ có du sĩ Ajita đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Ajita nói với Thế Tôn:

- Thừa Tôn giả Gotama, chúng tôi có người đồng Phạm hạnh là vị Hiền trí, vị này có nghĩ đến năm trăm tâm xứ. Với những tâm xứ ấy, các người ngoại đạo khi bị cật nạn, biết rằng: "Chúng tôi đang bị cật nạn".

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- **Này các Tỷ-kheo, các Thầy có thọ trì những căn bản địa của bậc Hiền trí không?**

- Bạch Thế Tôn, nay đến thời, bạch Thiện Thệ, nay đến thời Thế Tôn thuyết. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì!

- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp, bài xích, công kích lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

3. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp bài xích, công kích lời đúng pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

4. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp bài xích, công kích lời đúng pháp và lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

5. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời đúng pháp bài xích, công kích lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la

cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

6. Nay các Tỷ-kheo,

- Phi pháp và pháp, cần phải hiểu biết;
- Phi mục đích và mục đích, cần phải hiểu biết;
- Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp, thế nào là pháp, thế nào là phi mục đích, thế nào là mục đích?

7. **Tà kiến**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp, chánh kiến là pháp, do duyên tà kiến, các pháp ác bất thiện nào khởi lên, đây là phi mục đích; do duyên chánh kiến, các pháp thiện đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Tà tư duy là phi pháp, chánh tư duy là pháp...

Tà ngữ là phi pháp, chánh ngữ là pháp...

Tà nghiệp là phi pháp, chánh nghiệp là pháp...

Tà mạng là phi pháp, chánh mạng là pháp...

Tà tinh tấn là phi pháp, chánh tinh tấn là pháp...

Tà niệm, là phi pháp, chánh niệm là pháp...

Tà định, là phi pháp, chánh định là pháp...

Tà trí, là phi pháp, chánh trí là pháp...

Tà giải thoát, là phi pháp, chánh giải thoát là pháp. Do duyên tà giải thoát, các pháp ác bất thiện nào khởi lên, đây là phi mục đích. Do duyên chánh giải thoát, các pháp thiện đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết. Phi mục đích và mục đích, cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến như vậy.

6 ALAHÁN - Tăng III, 228

ALAHÁN – Tăng III, 228

1. - Do không đoạn tận sáu pháp, này Tỷ-kheo, không có thể chứng được quả A-la-hán.

2. Thế nào là sáu?

- Hôn trầm, thùy miên, trạo cử, hối quá, bất tín, phóng dật.

Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận sáu pháp này, không có thể chứng được quả A-la-hán.

3. Do đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể chứng được quả A-la-hán.

4. Thế nào là sáu?

- Hôn trầm, thùy miên, trạo cử, hối quá, bất tín, phóng dật.

Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận sáu pháp này, có thể chứng quả A-la-hán.

7 ALAHÁN QUẢ - Tăng III, 241

ALAHÁN QUẢ – Tăng III, 241

1. - Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

2. Thế nào là sáu?

- Mạn, ty mạn, quá mạn,
- Tăng thượng mạn, cố chấp, ty liệt mạn.

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

3. Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

4. Thế nào là sáu?

- Mạn, ty mạn, quá mạn,
- Tăng thượng mạn, cố chấp, ty liệt mạn.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

8 ALaHán - Tương III, 286

ALaHán – Tương III, 286

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn.

4) Và khi nào vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, **như thật biết rõ** sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm thủ uẩn này, được giải thoát không có chấp thủ. Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là **vị A-la-hán**, các lậu hoặc được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, được giải thoát nhờ chánh trí.

9 ALaHán - Tương IV, 404

ALaHán – Tương IV, 404

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta trú ở giữa dân chúng Magadha (Ma-kiệt-đà), làng Nàlaka.

Rồi du sĩ Jambukhàdaka đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

2) Ngồi một bên, du sĩ Jambukhàdaka nói với Tôn giả Sàriputta:

3) -- "**A-la-hán, A-la-hán**", này Hiền giả Sàriputta, được gọi là như vậy. Này Hiền giả, thế nào là A-la-hán?

-- Này Hiền giả, **đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, đây gọi là A-la-hán.**

4) -- *Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến chứng đắc A-la-hán ấy?*

-- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến chứng đắc A-la-hán ấy.

5) -- *Này Hiền giả, con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì đưa đến chứng đắc A-la-hán ấy?*

-- Này Hiền giả, đây là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này Hiền giả, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến chứng đắc A-la-hán ấy.

6) -- Này Hiền giả, hiền thiện là con đường, hiền thiện là đạo lộ đưa đến chứng đắc A-la-hán. Thật là vừa đủ, này Hiền giả, để **không phóng dật**.

10 ALaHán - Tương V, 325

ALaHán – *Tương V*, 325

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Lạc** căn, **khổ** căn, **hỷ** căn, **ưu** căn, **xả** căn.

3) Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sau khi như thật rõ biết **sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly** khỏi năm căn này, được giải thoát không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát.

11 ALaHán - Tương V, 630

ALaHán – *Tương V*, 630

1) Tại Sàvatthi...

2) -- Những bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, **thật sự là bậc Chánh Đẳng Giác**, tất cả những vị ấy đã như thật chánh đẳng chánh giác **bốn Thánh đế**.

3) Những bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác nào trong thời vị lai, này các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh Đẳng Giác; tất cả những vị ấy sẽ chánh đẳng chánh giác bốn Thánh đế.

4) Những bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh Đẳng Giác; tất cả những vị ấy hiện đang chánh đẳng chánh giác bốn Thánh đế.

5) Thế nào là bốn?

- Thánh đế về Khổ,
- Thánh đế về Khổ tập,
- Thánh đế về Khổ diệt,
- Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt.

6) Những bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác nào trong thời quá khứ như thật đã chánh đẳng chánh giác... sẽ như thật chánh đẳng chánh giác, hiện như thật chánh đẳng chánh giác; tất cả những vị ấy... hiện đang chánh đẳng chánh giác bốn Thánh đế.

7) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

12 ALaHán 1 - Tương V, 321

ALaHán 1 – *Tương V*, 321

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? **Nhãn** căn, **nhĩ** căn, **tỷ** căn, **thiệt** căn, **thân** căn, **ý** căn.

3) Khi nào Tỷ-kheo, nay các Tỷ-kheo, **sau khi như thật rõ biết** sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi *sáu căn* này, được giải thoát, không có chấp thủ; khi ấy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã gặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn diệt, chánh trí, giải thoát.

ALaHán hay Phật 2 – *Tương V*, 321

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? **Nhãn** căn, **nhĩ** căn, **tỷ** căn, **thiệt** căn, **thân** căn, **ý** căn.

3) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta chưa như thật chứng tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi *sáu căn* này, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta không biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới, như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta như thật chứng tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi *sáu căn* này, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta mới nhận biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới, như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

13 ALaHán hay Phậ 2 - Tương V, 321

ALaHán hay Phậ 2 – Tương V, 321

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? **Nhĩ** căn, **nhĩ** căn, **tỷ** căn, **thiệt** căn, **thân** căn, **ý** căn.

3) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta chưa như thật chứng tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi *sáu căn* này, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta không biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới, như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Ta như thật chứng tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi *sáu căn* này, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta mới nhận biết rõ ý nghĩa về sự chứng ngộ vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với các thế giới, như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

14 AMBATTHA - 3 Trường I, 159

KINH AMBATTHA – Bài kinh số 3 – Trường I, 159

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn đang du hành tại nước Kosala (Cầu tát la), cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị và đến tại một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Icchànakala. Tại đây, Thế Tôn ở tại Icchànakala trong khu rừng tên là Icchànakala.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi ở tại Ukkattha, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, ngũ cốc phong phú, vốn là đất đai của vua, sau vua Pasenadi (Ba tư nặc) cấp cho để hưởng một phần lợi tức.

2. Bà-la-môn Pokkharasàdi nghe đồn: Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích ca, nay đang du hành tại nước Kosala, cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến Icchànakala, ở tại Icchànakala trong khu rừng tên là Icchànakala. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế

Tôn. Ngài đã tự chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết, Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý".

3. Lúc bấy giờ, thanh niên Ambattha là đệ tử của Bà-la-môn Pokkharasàdi, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật, tinh thông ba tập Vệ-đà với tự vựng, lễ nghi, giữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Vị này đọc đáo về ba minh và được công nhận như vậy khiến các thân giáo sư phải nói: "Điều gì ta biết, người cũng biết; điều gì người biết, ta cũng biết".

4. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với thanh niên Ambattha:

– "Này Ambattha thân yêu, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích ca, nay đang du hành tại nước Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến tại Icchànakala trú tại Icchànakala. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Phật, Thế Tôn. Ngài đã chứng ngộ thế giới này với Thiên

giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý". Nay Ambattha thân yêu, hãy đi đến gặp Sa-môn Gotama, và tìm hiểu lời đồn về Tôn giả Gotama là như vậy hay không phải như vậy. Nhờ vậy, chúng ta sẽ được biết về Tôn giả Gotama".

5. - Làm thế nào con được biết về Tôn giả Gotama, được biết lời đồn về Tôn giả Gotama như vậy là đúng hay không, có phải Tôn giả Gotama là như vậy, hay không phải như vậy?

- Ambattha thân yêu, theo truyền thống của chúng ta về ba mươi hai tướng của vị đại nhân, những ai có ba mươi hai tướng ấy sẽ chọn trong hai con đường, không có đường nào khác. Nếu là tại gia, sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương chinh phục mọi quốc độ, đầy đủ bảy châu báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, ma ni báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Và vị này có hơn một ngàn con trai, là những vị anh hùng, oai phong lẫm liệt, chiến thắng ngoại quân. Vị này sống, thống lãnh quả đất cùng tận cho đến đại dương, và trị vì với chánh pháp, không dùng gậy, không dùng dao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia

đình, sống không gia đình, vị này sẽ chứng quả A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quét sạch mê lầm ở đời. Đây Ambattha thân yêu, ta đã cho con chú thuật.

Con đã nhận những chú thuật ấy.

6.- Thừa vâng.

Thanh niên Ambattha vâng theo lời của Bà-la-môn Pokkharasàdi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Bà-la-môn Pokkharasàdi, hướng thân về phía hữu, cỡi xe ngựa cái và cùng một số đông thanh niên khác đi đến khu rừng Icchànakala. Đi xe đến chỗ còn đi được xe, Ambattha liền xuống xe đi bộ và đến tại tịnh xá.

7. Lúc bấy giờ một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Thanh niên Ambattha liền đến các Tỷ-kheo ấy và hỏi: "Các Hiền giả, nay Tôn giả Gotama ở tại chỗ nào? Chúng tôi đến đây để yết kiến Tôn giả Gotama".

8. Các Tỷ-kheo liền nghĩ: "Thanh niên Ambattha này thuộc một gia đình có danh tiếng, là đệ tử của Bà-la-môn Pokkharasàdi, một vị cũng có danh tiếng. Một cuộc đối thoại như vậy giữa Thế Tôn và con một quý tộc như kia, không có khó khăn gì". Những Tỷ-kheo ấy nói với thanh niên Ambattha: "Đây Ambattha, tịnh xá đóng cửa kia là chỗ ở của Ngài. Hãy đến đó một cách yên lặng, không vượt qua hành lang, đằng hắng và gõ vào thanh cửa, Thế Tôn sẽ mở cửa cho ông".

9. Thanh niên Ambattha liền đi đến tịnh xá đóng cửa ấy một cách yên lặng, không vượt quá hành lang, đứng hắng và gõ vào thanh cửa. Thế Tôn mở cửa và thanh niên Ambattha bước vào. Các thanh niên khác cũng bước theo, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên, còn thanh niên Ambattha thoir đi qua đi lại, thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Thế Tôn đang ngồi, hay đứng lại thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Thế Tôn đang ngồi.

10. Lúc bấy giờ Thế Tôn nói với thanh niên Ambattha:

- Có phải, đối với các bậc Bà-la-môn trưởng lão, đứng tuổi, các bậc giáo sư và tổ sư, người cũng nói chuyện như vậy, như người đã đi qua lại thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Ta đang ngồi, hay đứng lại thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Ta đang ngồi?

- Không phải vậy, này Gotama. Phải đi mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang đi. Phải đứng mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang đứng. Phải ngồi mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang ngồi. Phải nằm mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang nằm. Chỉ với những vị Sa-môn hèn hạ, trọc đầu, dê tiện, đen đui, sanh từ nơi chân của bà con

ta, thì ta mới nói chuyện như vậy, như với người, Gotama".

11. - Nay Ambattha, hình như người đến đây với một ý định gì? Người hãy khéo tác ý đến mục đích đã đưa người đến đây. Thanh niên Ambattha này thật vô giáo dục, dầu nó tự cho là có giáo dục. Như vậy là vô giáo dục, có gì khác nữa!

12. Thanh niên Ambattha bị Thế Tôn gọi là vô giáo dục như vậy, liền phẫn nộ, tức tối, muốn nhục mạ Thế Tôn, phỉ báng Thế Tôn, công kích Thế Tôn, và nghĩ: "Sa-môn Gotama có ác ý đối với ta", liền nói với Thế Tôn:

- Nay Gotama, thô bạo là dòng họ Thích ca; này Gotama, ác độc là dòng họ Thích ca; này Gotama, khinh suất là dòng họ Thích ca; này Gotama hung dữ là dòng họ Thích ca. Là đê tiện, thuộc thành phần đê tiện, dòng họ Thích ca không kính nhường Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn . Nay Gotama, như vậy thật không lẽ, thật không đúng pháp, khi dòng họ Thích ca này, những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy, thanh niên Ambattha lần đầu tiên đã buộc tội dòng họ Thích ca là đê tiện.

13. - Nay Ambattha, dòng họ Thích ca đã làm gì phật lòng người?

- Nay Gotama, một thời ta đi đến Kapilavatthu (Ca tỳ la vệ) có việc phải làm cho thầy ta là Bà-la-môn Pokkharasàdi, và đến tại công hội trường của dòng họ Thích. Lúc bấy giờ một số đông dòng họ Thích ca và thanh niên Thích ca đang ngồi trên ghế cao tại công hội trường. Chúng cười với nhau, dùng ngón tay thọc cù nôn với nhau, ta nghĩ chắc chắn ta là mục tiêu cho chúng đùa giỡn với nhau, lại không ai mời ta ngồi. Nay Gotama, như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng pháp, khi chúng Thích ca này là những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy thanh niên Ambattha lần thứ hai đã buộc tội dòng họ Thích ca là đê tiện.

14. - Nay Ambattha, cũng như con chim cáy, con chim cáy con có thể tự hát thỏa thích trong tổ của nó. Nay Ambattha, Kapilavatthu thuộc dòng họ Thích ca. Thật không xứng để cho Ambattha phải phật lòng vì một vấn đề nhỏ mọn này.

15. - Nay Gotama, có bốn giai cấp: Sát đế ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà-la. Nay Gotama, trong bốn giai cấp này, ba giai cấp Sát-đế-ly, Phệ-xá và Thủ-đà-la là đê hèn hạ hàng Bà-la-môn . Nay Gotama,

như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng pháp khi chúng Thích-ca này là những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện, lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy, thanh niên Ambattha lần thứ ba đã buộc tội dòng họ Thích ca là đê tiện.

16. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ: "Thanh niên Ambattha này đã phỉ báng dòng họ Thích-ca đê tiện một cách quá đáng. Nay ta phải hỏi dòng họ của nó". Rồi Thế Tôn hỏi thanh niên Ambattha:

- Dòng họ ngươi là gì?

- Nay Gotama, **dòng họ ta là Kanhàyaana.**

- Nay Ambattha, nếu theo phụ mẫu hệ của ngươi về quá khứ, thời dòng họ Thích ca là thầy của ngươi. **Và ngươi là con của một nữ tỳ của dòng họ Thích ca.**

Này thanh niên Ambattha, **tổ tiên của Thích ca là vua Okkàka.** Thuở xưa, này Ambattha, vua Okkàka muốn trao vương vị cho hoàng tử con bà hoàng hậu chính mà vua thương yêu, bèn đuổi ra khỏi nước những người con đầu của mình là Okkàmukha, Karandu, Hatthiniya, Sinipura. Bị tẩn xuất khỏi nước, những hoàng tử này đến sống tại một khu rừng lớn bên một hồ nước, trên sườn núi Hy-mã-lạp-son. Vì sợ huyết thống của mình bị lẫn

lộn với huyết thống khác, các vị hoàng tử này ăn nằm với những người chị của mình.

Này Ambattha, một hôm vua Okkàka nói với vị đại thần tùy tùng: "Này các khanh, các hoàng tử hiện nay ở đâu?" - "Bạch Đại vương, có một khu rừng lớn, bên một hồ nước trên sườn núi Hy-mã-lạp-sơn. Nay các hoàng tử ở tại chỗ ấy. Các hoàng tử, vì sợ huyết thống của mình lẫn lộn huyết thống khác nên ăn nằm với những người chị của mình".

Này Ambattha, vua Okkàka liền cảm hứng thốt lời tụng hân hoan: **"Các hoàng tử thật là những Sakya (cứng như lõi cây sồi), các hoàng tử thật là những Sakya xuất chúng"**. Này

Ambattha, từ đó trở đi, các hoàng tử được gọi là Sakya và vua Okkàka là vua tổ của dòng họ Thích-ca.

Này Ambattha, vua ấy có một nữ tỳ lên là Disà. Nữ tỳ này sinh hạ một người con da đen. Vừa mới sinh, Kanha liền nói: "Này mẹ, hãy rửa cho con; này mẹ hãy tắm cho con; này mẹ hãy gội sạch đồ bất tịnh này. Và con sẽ giúp ích cho mẹ". Này Ambattha, vì người ta gọi những ác quỷ là ác quỷ nên người ta cũng gọi Kanha là ác quỷ. Chúng nói như thế này: "Đứa trẻ này, vừa mới sanh đã nói. Một Kanha vừa mới sinh". Này Ambattha, từ đó trở đi chữ Kanhàyanà được biết đến. Và Kanha là tổ phụ của dòng họ Kanhàyana. Này Ambattha, nếu

theo phụ mẫu hệ của người về quá khứ, thời dòng họ Thích-ca là thầy của người, và người là con một nữ tỳ của dòng họ Thích ca.

17. Khi Thế Tôn nói vậy, những thanh niên nói với Thế Tôn:

- Nay Gotama, chớ có phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ. Nay Gotama, thanh niên Ambattha sinh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này.

18. Thế Tôn liền nói với những thanh niên ấy.

- Nếu những thanh niên các người nghĩ: "Thanh niên Ambattha không được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha không thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha không phải là bậc đa văn, thanh niên Ambattha không phải là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha không phải là nhà bác học, thanh niên Ambattha không thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này", thời thanh niên Ambattha hãy đứng ra một bên và để các thanh niên biện luận với Ta về vấn đề này. Nếu các người nghĩ: "Thanh niên Ambattha được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên

Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên
Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có
thể biện luận với Gotama về vấn đề này", thời các
người hãy đứng ra một bên và để thanh niên
Ambattha biện luận với ta về vấn đề này.

19. - Nay Gotama, thanh niên Ambattha được sanh
vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà
danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh
niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên
Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có
thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này.
Chúng tôi sẽ đứng im lặng. Thanh niên Ambattha
sẽ cùng với Gotama biện luận về vấn đề này.

20. Thế Tôn liền nói với thanh niên Ambattha:

- Nay Ambattha, câu hỏi hợp lý này được đem ra
hỏi người dẫu không muốn, người cũng phải trả lời.
Nếu người không trả lời, hoặc trả lời tránh qua một
vấn đề khác, hoặc giữ im lặng, hoặc bỏ đi, thời
ngay tại chỗ, **đầu người sẽ bị bể ra làm bảy
mảnh.** Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Người
có nghe các Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, giáo sư
và tổ sư nói đến nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà
không? Ai là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

Nghe nói vậy thanh niên Ambattha giữ im lặng.
Lần thứ hai Thế Tôn nói với thanh niên Ambattha:

- Nay Ambattha, nhà ngươi nghĩ thế nào? Ngươi có nghe các nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà không?

Ai là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

Lần thứ hai thanh niên Ambattha giữ im lặng. Thế

Tôn lại nói với thanh niên Ambattha:

- Ambattha, nay ngươi phải trả lời, nay không phải thời ngươi giữ im lặng nữa. Nay Ambattha ai được Thế Tôn hỏi đến lần thứ ba một câu hỏi hợp lý mà không trả lời, thời đầu của người ấy sẽ bị bẻ ra làm bảy mảnh tại chỗ.

21. Lúc bấy giờ, thần Dạ xoa Vajirapàni đang cầm một chùy sắt to lớn, cháy đỏ, sáng chói đứng trên đầu của thanh niên Ambattha với ý định: "Nếu Thế

Tôn hỏi đến lần thứ ba, một câu hỏi hợp lý mà thanh niên Ambattha không trả lời, thời ta sẽ đánh bẻ đầu nó ra làm bảy mảnh". Chỉ có Thế Tôn và

thanh niên Ambattha mới thấy thần Dạ xoa Vajirapàni. Thanh niên Ambattha thấy vị thần ấy liền sợ hãi, hoảng hốt, lông dựng ngược, chỉ tìm sự che chở nơi Thế Tôn, chỉ tìm sự hỗ trợ nơi Thế Tôn, liền cúi rạp mình xuống và bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama đã nói gì? Mong Tôn giả Gotama nói lại cho.

- Ambattha, ngươi nghĩ thế nào? Ngươi có nghe các vị Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, giáo sư và tổ sư nói đến nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà không? Ai là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

- Tôn giả Gotama, con đã có nghe, đúng như Tôn giả Gotama đã nói. Chính từ đó nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà. Vị ấy là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà.

22. Khi nghe nói vậy, các thanh niên liền la hét lớn:

- Người ta nói thanh niên Ambattha là tiện sanh, người ta nói thanh niên Ambattha là con dòng không phải quý phái; người ta nói thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ của dòng họ Thích-ca; người ta nói dòng họ Thích-ca là chủ của thanh niên Ambattha. Chúng tôi không nghĩ rằng Sa-môn Gotama mà lời nói bao giờ cũng chân thực, lại không phải là người có thể tin được.

23. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: "Các thanh niên đã phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ rồi. Nay Ta hãy giải tỏa cho Ambattha". Rồi Thế Tôn nói với các thanh niên:

- Các thanh niên, các người chớ có phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ. Kanha ấy trở thành một tu sĩ vĩ đại. Vị này đi về miền Nam, học các chú thuật Phạm thiên, rồi về yết kiến vua Okkàka và yêu cầu gả công chúa Khuddarupi cho mình. Vua Okkàka vừa giận, vừa tức, mắng rằng: "Người là ai, con đưa nữ tỳ của ta mà dám xin con gái Khuddarupi của ta", và vua liền lấp tên vào cung. Nhưng vua không thể bắn tên đi, cũng không thể cắt mũi tên xuống. Khi bấy giờ, các thanh niên

thị giả, các đại thần và tùy tùng đến thưa với ả sĩ
Kanha:

- "Đại đức, hãy để cho vua an toàn! Đại đức,
hãy để cho vua được an toàn!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, và nếu nhà vua
bắn mũi tên xuống đất, thời toàn thể quốc độ nhà
vua sẽ bị hạn, khô héo!"

- "Đại đức hãy để cho vua được an toàn!
Hãy để cho quốc độ được an toàn!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, quốc độ sẽ được
an toàn! Nhưng nếu nhà vua bắn tên lên trời, thời
toàn thể quốc độ sẽ không mưa trong bảy năm!"

- "Đại đức, hãy để cho nhà vua được an toàn,
hãy để cho quốc độ được an toàn! Và hãy để cho
trời mưa!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, quốc độ sẽ được
an toàn và trời sẽ mưa. Nhưng vua hãy nhắm cây
cung đến phía thái tử. Một sợi lông của thái tử cũng
sẽ được an toàn!"

Khi bấy giờ, các thị giả trẻ tuổi, các đại thần nói với
Okkàka: "Okkàka hãy nhắm cây cung đến phía thái
tử. Một sợi lông của thái tử sẽ được an toàn".

Vua Okkàka nhắm cây cung đến phía thái tử và một
sợi lông của thái tử cũng được an toàn. Vua Okkàka
hoảng sợ, khiếp đảm sự trừng phạt, thuận cho con
gái Khuddàrùpi. Nay các thanh niên, chớ có phỉ

báng thanh niên Ambattha một cách quá đáng là con của một nữ tỳ. Kanha là một vị ân sĩ vĩ đại.

24. Khi bấy giờ, Như Lai nói với thanh niên Ambattha:

- "Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Một thanh niên Sát-đế-ly cưới một thiếu nữ Bà-la-môn.

Do sự sum họp ấy, một người con trai được sinh. Một người sanh từ một thanh niên Sát-đế-ly và một thiếu nữ Bà-la-môn có thể thọ lãnh chỗ ngồi hay nước giữa những người Bà-la-môn không?"

- Tôn giả Gotama, có thể thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng món đồ ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy các chú thuật hay không?

- Tôn giả Gotama, có dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, mở cửa.

- Và những người Sát-đế-ly có quán đánh cho người ấy để thành một Sát-đế-ly không?

- Tôn giả Gotama, thưa không.

- Tại sao không?

- Vì nó không được sinh (là Sát đế lý) từ mẫu hệ.

25. - Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Ở đây **một thanh niên Bà-la-môn cưới một thiếu nữ Sát-đế-ly.**

Do sự sum họp này, một người con trai được sanh.

Một người sanh từ một thanh niên Bà-la-môn và một thiếu nữ Sát-đế-ly có thể thọ lãnh chỗ ngồi hay nước giữa những Bà-la-môn hay không?

- Tôn giả Gotama, có thể thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng các món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng theo thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, có dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, chúng mở cửa.

- Và những người Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh cho người ấy để thành một Sát-đế-ly không?

- Tôn giả Gotama, thưa không.

- Tại sao vậy?

- Tôn giả Gotama, vì không được sinh (là Sát đế lý) từ phụ hệ.

26. - Nay Ambattha, nếu so sánh đàn bà với đàn bà, đàn ông với đàn ông, thì giai cấp Sát đế ly là ưu, Bà-la-môn là liệt.

Nay Ambattha, nhà ngươi nghĩ thế nào? Ở đây, giả sử do một nguyên nhân gì **những người Bà-la-môn cao đầu một người Bà-la-môn**, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố. Người ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi và nước giữa những người Bà-la-môn không?

- Tôn giả, không được.

- Và những người Bà-la-môn, có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng các món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, không có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, không dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, đóng cửa.

27. - Ambattha, nhà ngươi nghĩ thế nào? Ở đây giả sử do một nguyên nhân gì, **những người Sát đế ly cao đầu một người Sát đế ly**, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố, người ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi và nước uống giữa những người Bà-la-môn không?

- Tôn giả Gotama, được thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết, hay dùng những món ăn cúng dường, hoặc đồ ăn cúng cho thiên thần, hay đồ ăn gửi đến như những tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, có dạy:

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, mở cửa.

- Nay Ambattha, đến như vậy là sự đọa lạc tột cùng của người Sát-đế-ly, đã bị những người Sát-đế-ly cạo đầu, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố, như vậy, này Ambattha, **khi người Sát-đế-ly bị đọa lạc tột cùng, các Sát đế ly vẫn giữ phần ưu thắng và các Bà-la-môn vẫn ở địa vị hạ liệt.**

28. - Nay Ambattha, bài kệ này do **Phạm thiên**

Sanam Kumàra thuyết:

"Đối với chúng sanh tin tưởng ở giai cấp, Sát-đế-ly chiếm địa vị tối thắng ở nhân gian.

Những vị nào giới hạnh và trí tuệ đầy đủ, vị này chiếm địa vị tối thắng giữa Người và chư Thiên".

(Xong tụng phẩm thứ nhất).

1. - Tôn giả Gotama, nghĩa chữ Giới hạnh trong bài kệ ấy là gì? Nghĩa chữ Tuệ trong bài kệ ấy là gì?

- Này Ambattha, một vị đã thành tựu vô thượng trí đức không có luận nghị đến sự thọ sanh, không có luận nghị đến giai cấp hay không có luận nghị đến ngã mạn với lời nói: "Người bằng ta hay người không bằng ta". Chỗ nào nói đến cưới hỏi hay rước dâu đi, hay cả hai, chỗ đó mới có luận nghị đến sự thọ sanh, luận nghị đến giai cấp hay luận nghị đến ngã mạn với lời nói: "Người bằng ta hay không bằng ta".

Này Ambattha, những ai còn chấp trước lý thuyết thọ sanh, còn chấp trước lý thuyết giai cấp, còn chấp trước lý thuyết kiêu mạn, hoặc còn chấp trước cưới hỏi rước dâu, những người ấy còn rất xa sự thành tựu vô thượng trí đức. Này Ambattha, không chấp trước lý thuyết thọ sanh, không chấp trước lý thuyết giai cấp, không chấp trước lý thuyết kiêu mạn, không chấp trước cưới hỏi, đưa dâu, người ấy tức chứng ngộ vô thượng trí đức.

2. - Tôn giả Gotama, thế nào là Giới đức trong bài kệ ấy? Thế nào là Trí tuệ trong bài kệ ấy?

- Ở đây, này Ambattha, Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc:
... (xin xem kinh Sa-môn quả, từ số 40 đến số 98 tới câu: "Không có đời sống nào khác nữa" chỉ khác

danh từ xưng hô và câu kết từng đoạn. Như đoạn này, câu kết là "Như vậy, này Ambattha, là vị Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh".)

- Này Ambattha, **như vậy gọi là Tỷ-kheo thành tựu trí tuệ, thành tựu giới đức, thành tựu giới đức và trí tuệ**. Này Ambattha, không có sự thành tựu trí đức nào khác siêu việt hơn, cao thượng hơn sự thành tựu trí đức này.

3. Này Ambattha, có bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu **vô thượng trí đức này. Thế nào là bốn?**

Này Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, lại mang dụng cụ của nhà đạo sĩ, đi vào rừng sâu và nguyện: "**Ta chỉ ăn trái cây rừng mà sống**". Nhất định **người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức**. Này Ambattha, đó là nguyên nhân thứ nhất đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

Lại nữa, này Ambattha ở đây có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, và chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, lại mang theo cuộc và giỏ đi vào rừng sâu và nguyện: "**Ta chỉ ăn củ, rễ và trái cây để sống**". Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức. Này Ambattha, đó là nguyên nhân

thứ hai đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

Lại nữa, này Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây để sống và chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, lại **nhện lửa tại cuối làng hay sống thờ lửa ấy**. Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức. Này Ambattha đó là nguyên nhân thứ ba đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

Lại nữa Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt được pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, chưa thấu đạt pháp tôn thờ lửa, lại **xây dựng một ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường, sống và nguyện: "Từ bốn phương nếu có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào lại, thì ta sẽ cúng dường, tùy theo khả năng, tùy theo sức lực của ta"**. Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức. Này Ambattha, đó là nguyên nhân thứ tư đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này. Này Ambattha đó là bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

4. Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Người và thầy người có được xem là đã thành tựu vô thượng trí đức này không?

- Bạch không, Tôn giả Gotama. Con và thầy con là gì, Tôn giả Gotama, để có thể so sánh với sự thành tựu vô thượng trí đức. Tôn giả Gotama, con và thầy con còn rất xa sự thành tựu vô thượng trí đức.

- Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, nhà người có đem theo dụng cụ của nhà đạo sĩ, đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta và thầy ta chỉ ăn trái cây rừng mà sống?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, người có mang theo cuốc và giỏ đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta và thầy ta chỉ ăn rễ và trái cây để sống không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, người có nhen lửa tại cuối làng hay

cuối xóm và sống thờ lửa ấy với thầy người không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống và chưa thấu đạt sự thờ lửa, người và thầy người có xây dựng một ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường với lời nguyện: "Từ bốn phương, nếu có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào lại, thì ta sẽ cúng dường tùy theo khả năng, tùy theo sức lực của ta không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, như vậy người và thầy người còn khiếm khuyết sự thành tựu vô thượng trí đức này, còn khiếm khuyết bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này, Ambattha, thế mà những lời này lại do thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi thốt ra: "Những hạng Sa-môn giả hiệu, đầu trọc, dê tiện, đen dui, sanh từ nơi chân bà con ta là ai mà có thể đàm luận với những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ đà". Một vị tự mình chưa thành tựu được những pháp đưa đến sự thất bại (cho những pháp cao thượng hơn). Nay Ambattha, người xem, thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi đã lỗi lầm như thế nào?

6. Nay Ambattha, Bà-la-môn Pokkharasàdi hưởng thọ sự cung cấp của vua Pasenadi nước Kosala. Vua Pasenadi nước Kosala cũng không cho phép thầy người diện kiến. Nếu vua hội nghị với thầy người thời chỉ nói thầy người ngang qua một tấm màn.

Nay Ambattha, tại sao vua Pasenadi nước Kosala lại không cho phép thầy người diện kiến, người mà vua cung cấp thực phẩm thuần tịnh chân chánh.

Nay Ambattha, người xem thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi đã lỗi lầm như thế nào?

7. Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Như vua Pasenadi nước Kosala hoặc ngồi trên cổ voi, hoặc ngồi trên lưng ngựa, hoặc đứng trên lưng ngựa, hoặc đứng trên tấm thảm xe cùng các vị đại thần hay vương tử, luận bàn quốc sự. Nếu vua rời khỏi chỗ ấy hay đứng qua bên, một người Thủ đà hay đầy tớ của một người Thủ đà đến. Người này cũng đứng tại chỗ ấy, cũng luận bàn quốc sự và nói:

"Vua Pasenadi nước Kosala đã nói như vậy". **Dẫu người ấy nói như lời nói của vua, luận bàn như lời luận bàn của vua, người ấy có thể là vua hay là vị phó vương không?**

- "Không thể được, Tôn giả Gotama".

8. Nay Ambattha, nhà người cũng vậy. Thuở xưa, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm, những Thánh cú mà nay

những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ẩn sĩ ấy tên là Atthaka (A xá ca), Vàmaka (Bà-ma), Vàmadeva (Bà-ma -đề-bà), Vessàmitta (Tì-bà-thầm-sá), Yamataggi (Gia-bà -đề-bà), Angirasa (Ương-kỳ-la). Bhàradvaja (Bạt-la-đà thầm-xà), Vàsettha (Bà-ma-sá) Kassapa (Ca-diếp), Bhagu (Bà-cửu). *Dầu người có thể nói "Ta, một đệ tử, học thuộc lòng những chú thuật của các vị ấy", chỉ với điều kiện này, người có thể được xem là một vị ẩn sĩ hay đã chứng địa vị của một ẩn sĩ không?* Việc này không thể có được.

9. Ambattha, người nghĩ thế nào? Người có được nghe những vị Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, những vị giáo sư và tổ sư nói đến không? Thuở xưa những vị ẩn sĩ, giữa các Bà-la-môn, những tác giả của chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn, cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ẩn sĩ ấy tên là Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvaja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu. *Những vị ấy có khéo tắm, khéo chải chuốt, tóc và râu khéo sửa soạn, trang điểm với vòng hoa và ngọc, mặc toàn đồ trắng, tận hưởng và tham đắm năm món dục lạc, như người và thầy của người hiện nay không?*

- Không có vậy. Tôn giả Gotama.

10. - *Các vị ẩn sĩ ấy có dùng cơm nấu từ gạo trắng thượng hạng mà các hạt đen được gạn bỏ ra, dùng các món canh, các món đồ ăn nhiều loại không, như người và thầy người hiện nay không?*

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- *Hay các vị ấy được những thiếu nữ có đường eo và thắt lưng có tua hầu hạ như người và thầy người hiện nay không?*

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- *Hay những vị ấy đi trên những xe do những con ngựa cái có bờm, đuôi được bện và dùng những dây roi và gậy dài như người và thầy người hiện nay không?*

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- *Hay những vị ấy sống được che chở trong những thành lũy có những chiến hào bao bọc, có những cửa thành hạ xuống, có những chiến sĩ mang gươm dài hộ vệ như người và thầy người hiện nay không?*

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

Như vậy, này Ambattha, người và thầy người không phải là một ẩn sĩ, không giống đời sống của nhà ẩn sĩ. Này Ambattha, nếu có gì nghi ngờ, có gì phân vân về Ta, hãy hỏi Ta và Ta sẽ trả lời.

11. Lúc bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi tịnh xá và bắt đầu đi kinh hành. Thanh niên Ambattha đi theo sau Thế

Tôn đang đi kinh hành và tìm đếm ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

12. Khi bấy giờ, Thế Tôn nghĩ rằng: "Thanh niên Ambattha này thấy ở nơi ta gần đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của vị đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài".

Thế Tôn liền dùng thần thông khiến thanh niên Ambattha thấy tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai, rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vàng trán. Lúc bấy giờ, thanh niên Ambattha liền nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân, không phải không đầy đủ". Và nói với Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, nay chúng tôi xin đi, chúng tôi rất bận, có nhiều việc cần phải làm".

- Nay Ambattha, hãy làm những gì người nghĩ là phải thời.

Rồi thanh niên Ambattha leo lên xe do ngựa cái kéo và ra đi.

13. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Pokkharasàdi ra khỏi Ukkattha với một đại chúng Bà-la-môn, ngồi tại hoa viên của mình và chờ đợi thanh niên Ambattha.

Khi thanh niên Ambattha đi đến hoa viên, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Bà-la-môn pokkharasàdi đang ngồi. Đến xong, thanh niên Ambattha đánh lễ Bà-la-môn Pokkharasàdi và ngồi xuống một bên. Sau khi thanh niên Ambattha ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói:

14. - Nay Ambattha thân mến, người đã thấy Samôn Gotama chưa?

- Chúng con thấy Tôn giả Gotama rồi.

- Nay Ambattha thân mến, có phải Tôn giả Gotama đúng với tin đồn đã truyền đi, chớ không phải khác?

- Tôn giả Gotama đúng với tin đồn đã truyền đi, chớ không phải khác. Tôn giả Gotama là như vậy, chớ không phải khác. Tôn giả Gotama đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân, chớ không phải thiếu.

- Nay Ambattha thân mến, con có cùng với Tôn giả Gotama đàm luận không?

- Con có đàm luận với Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha thân mến, cuộc đàm luận ấy như thế nào?

Thanh niên Ambattha liền thuật cho Bà-la-môn Pokkharasàdi rõ tất cả cuộc hội đàm với Tôn giả Gotama.

15. Nghe nói như vậy, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với thanh niên Ambattha:

- Người thật là nhà học giả đồn mạt của chúng ta! Người thật là nhà đa văn đồn mạt của chúng ta! Người thật là nhà tinh thông ba quyền Vệ đà đồn mạt của chúng ta. Người ta nói những ai có sự cư xử như vậy, khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục. Này Ambattha, người càng công kích Tôn giả Gotama bao nhiêu, lại càng bị Tôn giả Gotama lật tẩy chúng ta bấy nhiêu. Người thật là nhà học giả đồn mạt của chúng ta! Người thật là nhà đa văn đồn mạt của chúng ta! Người thật là nhà tinh thông ba quyền Vệ đà đồn mạt của chúng ta! Người ta nói, những ai có sự cư xử như vậy, khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục.

Bà-la-môn Pokkharasàdi tức giận, bực bội, dùng chân đá thanh niên Ambattha bổ lộn nhào rồi lập tức muốn đi gặp đến Thế Tôn.

16. Khi ấy, những người Bà-la-môn này thưa với Bà-la-môn Pokkharasàdi: "Hôm nay thì giờ đã quá trễ để đi thăm Sa-môn Gotama. Ngày mai Tôn giả Pokkharasàdi hãy đi thăm Sa-môn Gotama".

Tuy vậy, Bà-la-môn Pokkharasàdi vẫn cho làm các món ăn thượng vị, loại cứng loại mềm tại nhà riêng, chở trên các xe, và dưới ánh sáng của những ngọn đuốc từ Ukkattha đi ra và đi đến khóm rừng

Icchànankala. Vị này đi xe cho đến chỗ còn đi xe được rồi xuống xe đi bộ đến Thế Tôn. Khi đi đến, liền nói với Thế Tôn những lời hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên,

Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với Thế Tôn:

17. - Tôn giả Gotama, đệ tử của chúng tôi, thanh niên Ambattha có đến đây không?

- Nay Bà-la-môn, đệ tử người, thanh niên Ambattha có đến đây.

- Tôn giả Gotama, Ngài có cùng với thanh niên Ambattha đàm luận không?

- Nay Bà-la-môn, ta có đàm luận với thanh niên Ambattha.

- Tôn giả Gotama, cuộc đàm luận của Ngài với thanh niên Ambattha như thế nào?

Cuộc đàm luận với thanh niên Ambattha như thế nào, Thế Tôn kể lại tất cả cho Bà-la-môn Pokkharasàdi.

Nghe nói vậy, Bà-la-môn nói với Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, thanh niên Ambattha thật là ngu si! Tôn giả Gotama, hãy tha thứ cho thanh niên Ambattha!

- Nay Bà-la-môn, cầu cho thanh niên Ambattha được hạnh phúc.

18. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi tìm đếm ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân trên thân Thế Tôn. Bà-la-môn thấy gần đủ ba mươi hai tướng

tốt của bậc đại nhân trên thân Thế Tôn, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của bậc đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, hai tướng là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

19. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: "Bà-la-môn Pokkharasàdi thấy gần đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân ở nơi Ta, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của bậc đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài". Thế Tôn liền dùng thần thông khiến Bà-la-môn Pokkharasàdi thấy tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai, rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vàng trán.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi nghĩ rằng: "Sa môn Gotama có đầy ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân, không phải không đầy đủ", liền nói với Thế Tôn: "Hôm nay xin mời Tôn giả Gotama cùng chúng Tỷ-kheo đến dùng cơm với con". Thế Tôn nhận lời với sự im lặng.

20. Khi Bà-la-môn Pokkharasàdi được biết Thế Tôn đã nhận lời liền báo thì giờ cho Thế Tôn: Tôn giả Gotama, cơm đã sẵn sàng. Khi ấy Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, và cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến cư xá của Bà-la-môn Pokkharasàdi. Khi

đi đến, liền ngồi trên chỗ soạn sẵn. Bà-la-môn Pokkharasàdi tự tay làm cho Thế Tôn thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, còn các thanh niên Bà-la-môn thì tiếp đại chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi, sau khi biết Thế Tôn dùng cơm đã xong, đã rửa tay và bát, liền lấy một ghế ngồi thấp khác và ngồi xuống một bên.

21. Thế Tôn liền thứ lớp giảng pháp cho Bà-la-môn Pokkharasàdi đang ngồi một bên nghe, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Pokkharasàdi đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phân khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng như tấm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, chính chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Pokkharasàdi: "**Phàm pháp gì được tập khởi lên đều bị tiêu diệt**".

22. Khi ấy Bà-la-môn Pokkharasàdi, thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư. Bà-la-môn Pokkharasàdi liền bạch Phật:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Tôn giả Gotama, con, con của con, vợ của con, tùy tùng của con, bạn hữu của con, xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Như Tôn giả Gotama đến thăm các gia đình cư sĩ khác ở Ukkattha, mong Tôn giả Gotama cũng đến thăm các gia đình Pokkharasàdi. Tại đây, các thanh nam hay thanh nữ Bà-la-môn sẽ đánh lễ Thế Tôn Gotama, hoặc đứng dậy, hoặc mời chỗ ngồi, hoặc mời nước, hoặc khiến tâm hoan hỷ. Như vậy chúng sẽ hưởng hạnh phúc, lợi ích trong một thời gian lâu dài.

- Này Bà-la-môn lời người nói thật là chí thiện.

15 AN TOÀN - Tăng II, 144

AN TOÀN – Tăng II, 144

1.- Này các Tỷ-kheo, **không một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhân, Màra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với bốn pháp**. Thế nào là bốn?

- Bản tánh bị **già**, mong rằng không già, không một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhân, Màra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với pháp này.
- Bản tánh bị **bệnh**, mong rằng không bệnh, không một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhân ... đối với pháp này.
- Bản tánh bị **chết**, mong rằng không bị chết, không một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhân ... đối với pháp này.
- **Khổ quả của những ác nghiệp** ấy (những nghiệp) tập nhiễm, đưa đến tái sanh, đưa lại phiền muộn, đem lại khổ quả dị thực sanh, già, chết trong tương lai, kết quả của những nghiệp ấy mong rằng không có hiện hữu, không một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhân, Màra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với bốn pháp này.

Này các Tỷ-kheo, không một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhân, Màra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với bốn pháp này.

16 AN TRÚ TÂM - 20 Trung I, 269

KINH AN TRÚ TÂM (**Vitakkasanthana sutam**)

– Bài kinh số 20 – *Trung I*, 269

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- "Chư Tỷ-kheo".

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **muốn thực tu tăng thượng tâm cần phải thường thường tác ý năm tướng**. Thế nào là năm?

Ở đây, Tỷ-kheo y cứ tướng nào, tác ý tướng nào, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si sanh khởi, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải **tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện không phải tướng kia**. Nhờ tác ý một tướng

khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. *Chư Tỷ-kheo, ví như một người thợ mộc thiện xảo hay đẽ từ một người thợ mộc, dùng một cái nệm nhỏ đánh bật ra, đánh tung ra, đánh văng ra một cái nệm khác.* Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, khi một Tỷ-kheo y cứ một tướng nào, tác ý một tướng nào, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si sanh khởi, thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia. Nhờ tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, khác với tướng kia, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy khi tác ý một tướng khác với tướng kia, liên hệ đến thiện, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy **cần phải quán sát các nguy hiểm của những tầm ấy**: "Đây là những tầm bất thiện, đây là những tầm có tội, đây là những tầm có khổ báo". Nhờ quán sát các nguy hiểm của những tầm ấy, các bất thiện tầm

liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. *Chư Tỷ-kheo, ví như một người đàn bà hay người đàn ông trẻ tuổi, trong tuổi thanh xuân, tánh ưa trang sức nếu một xác rắn, hay xác chó, hay xác người được quàng vào cổ, người ấy phải lo âu, xấu hổ, ghê tởm.* Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy nhờ quán sát... nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi quán sát các nguy hiểm của những tầm ấy, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy **cần phải không ức niệm, không tác ý những tầm ấy**. Nhờ không ức niệm, không tác ý các tầm ấy, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. *Chư Tỷ-kheo, ví như một người có mắt, không muốn thấy các sắc pháp nằm trong tầm mắt của mình, người ấy nhắm mắt lại hay ngó qua một bên.* Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy, trong khi không ức niệm, không tác ý... được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi không

ức niệm, không tác ý các tâm ấy, các ác, bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên. Chư Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy **cần phải tác ý đến hành tướng các tâm và sự an trú các tâm ấy**. Nhờ tác ý đến hành tướng các tâm và sự an trú các tâm ấy, các ác, bất thiện tâm liên hệ đến dục... được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. *Ví như một người đang đi mau, suy nghĩ: "Tại sao ta lại đi mau? Ta hãy đi chậm lại". Trong khi đi chậm, người ấy suy nghĩ: "Tại sao ta lại đi chậm? Ta hãy dừng lại". Trong khi dừng lại, người ấy suy nghĩ: "Tại sao Ta lại dừng lại? Ta hãy ngồi xuống". Trong khi ngồi, người ấy suy nghĩ: "Tại sao ta-lại ngồi? Ta hãy nằm xuống".* Chư Tỷ-kheo, như vậy người ấy bỏ dần các cử chỉ thô cứng nhất và làm theo các cử chỉ tế nhị nhất. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy tác ý đến... (như trên)... được an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi tác ý đến hành tướng các tâm và sự an trú các tâm, các ác, bất thiện tâm liên hệ... đến si vẫn khởi lên, thời chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy **phải nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm**. Nhờ nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục... liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong... được

an trú, an tịnh nhất tâm, định tĩnh. *Ví như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu, hay nắm lấy vai, có thể chế ngự, nhiếp phục, và đánh bại.* Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi tác ý hành tướng các tầm và sự an trú các tầm ấy, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải nhiếp rãng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Nhờ nhiếp rãng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ trừ diệt chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo, trong khi y cứ tướng nào, tác ý tướng nào, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si sanh khởi:

- *Tỷ-kheo ấy tác ý một tướng khác, liên hệ đến thiện, khác với tướng kia, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ trừ diệt chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.*

- Tỷ-kheo ấy, nhờ quán sát sự nguy hiểm các tâm ấy, các ác, bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.
- Tỷ-kheo ấy, nhờ không ức niệm, không tác ý các tâm ấy, các ác, bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.
- Tỷ-kheo ấy tác ý hành tướng các tâm và an trú các tâm, các ác, bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.
- Tỷ-kheo ấy nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác, bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là đã an trú trong đạo tâm pháp môn. Vị ấy có thể tác ý đến tâm

nào vị ấy muốn, có thể không tác ý đến tâm nào vị ấy không muốn. Vị ấy đã đoạn trừ khát ái, đã giải thoát các kiết sử, khéo chinh phục kiêu mạn, đã chấm dứt khổ đau.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

17 AN ÔN TRÚ - Tăng II, 522

AN ÔN TRÚ – Tăng II, 522

1. - **Này các Tỷ-kheo, có năm an ôn trú này,**
2. Thế nào là năm?
 - Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú **từ thân nghiệp** đối với các đồng Phạm hạnh, cả trước mặt và sau lưng;
 - An trú **từ khẩu nghiệp** đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng;
 - An trú **từ ý nghiệp** đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng;
 - Đối với các **giới** không bị bề vụn, không bị sút mẻ, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định, vị ấy sống thành tựu các giới như vậy đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng,
 - Đối với **tri kiến** này, thuộc bậc Thánh đưa đến xuất ly, được người thực hành chân chánh đoạn diệt khổ đau, vị ấy sống thành tựu tri kiến như vậy đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm an ổn trú.

18 ANALUẬT - 127 Trung III, 365

KINH ANALUẬT (Anuruddha sutta)

– Bài kinh số 127 – Trung III, 365

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Jetavana, chỗ
tinh xá của ông Anathapindika. Rồi thợ mộc
Pancakanga bảo một người.

– Hãy đến, này Người kia, hãy đi đến Tôn giả
Anuruddha, nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Tôn
giả Anuruddha và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, thợ
mộc Pancakanga cúi đầu đánh lễ Tôn giả
Anuruddha, và thưa: Mong rằng Tôn giả
Anuruddha cùng ba vị nữa, ngày mai nhận lời dùng
bữa ăn với thợ mộc Pancakanga. Mong rằng Tôn
giả Anuruddha đến thật sớm, vì thợ mộc
Pancakanga có nhiều công việc, có nhiều bồn phận
phải làm đối với vua".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người ấy vâng đáp thợ mộc Pancakanga, đi đến
Tôn giả Anuruddha, sau khi đến đánh lễ Tôn giả
Anuruddha, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống
một bên, người ấy thưa Tôn giả Anuruddha:

– Thợ mộc Pancakanga cúi đầu đánh lễ Tôn giả Anuruddha và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, mong rằng Tôn giả Anuruddha với ba vị nữa ngày mai đến dùng bữa ăn với thợ mộc Pancakanga. Thưa Tôn giả, mong rằng Tôn giả Anuruddha đến cho thật sớm, vì thợ mộc Pancakanga có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm đối với vua". Tôn giả Anuruddha im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Anuruddha, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ thợ mộc Pancakanga, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi thợ mộc Pancakanga tự tay mời mọc và làm cho thỏa mãn Tôn giả Anuruddha với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Và sau khi Tôn giả Anuruddha đã ăn xong, đã cất tay khỏi bình bát, thợ mộc Pancakanga lấy một ghế thấp rồi ngồi xuống một bên, Ngồi xuống một bên, thợ mộc Pancakanga thưa cùng Tôn giả Anuruddha:

– Ở đây, thưa Tôn giả, các Trưởng lão Tỷ-kheo đến và nói như sau: "Này Gia chủ, hãy tu tập vô lượng tâm giải thoát". Có một số vị Trưởng lão lại nói như sau: "Này Gia chủ, hãy tu tập đại hành tâm giải thoát". Thưa Tôn giả, vô lượng tâm giải thoát và đại hành tâm giải thoát, các pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn, hay đồng nghĩa, chỉ khác biệt về văn?

– Nay Gia chủ, hãy nói lên những điều gì Ông nghĩ về vấn đề này, nhờ vậy, vấn đề này sẽ trở thành xác thật cho Ông.

– Thừa Tôn giả, con nghĩ như sau: "Vô lượng tâm giải thoát và đại hành tâm giải thoát, các pháp này đồng nghĩa nhưng khác văn".

– Nay Gia chủ, **vô lượng tâm giải thoát và đại hành tâm giải thoát, những pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn**. Do vậy, này "Cư sĩ, đây cần phải hiểu đúng với pháp môn, nghĩa là các pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn.

Và này Cư sĩ, thế nào là Vô lượng tâm giải thoát?

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hạn, không sân.

... Với tâm câu hữu với bi, với tâm câu hữu với hỷ, an trú biến mãn, một phương với tâm câu hữu với xả ... quảng đại, vô biên, không hạn, không sân. Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là Vô lượng tâm giải thoát.

Này Cư sĩ, thế nào là Đại hành tâm giải thoát?

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến một gốc cây, an trú, biến mãn và thâm nhuần lớn cho đến như vậy

(trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến một ruộng làng an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba ruộng làng, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ được gọi là đại hành tâm giải thoát.

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến một đại vương quốc, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba đại vương quốc an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.

Do vậy, này Cư sĩ, đây cần phải hiểu đúng với pháp môn này, nghĩa là các pháp này vừa khác nghĩa, vừa khác văn.

*Này Cư sĩ, có **bốn hữu sanh** này (bhavuppattiyo: bốn sự sanh khởi cho một đời sống mới). Thế nào là bốn?*

Ở đây, này Cư sĩ, có người, với hào quang hạn lượng (parittabha) an trú, biến mãn và thấm nhuần.

Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với **chư Thiểu Quang thiên**.

Ở đây, này Cư sĩ, có người với hào quang vô lượng, an trú, biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với **chư Vô Lượng Quang thiên**.

Ở đây, này Cư sĩ có người với hào quang tạp nhiễm, an trú biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với **chư Tạp Nhiễm Quang thiên**.

Ở đây, này Cư sĩ, có người với hào quang thanh tịnh an trú, biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với **chư Biến Tịnh Quang thiên**.

Này Cư sĩ, có bốn loại hữu sanh này.

– Có thời, này Cư sĩ, chư Thiên kia tập hợp tại một chỗ. Khi các vị này tập hợp tại một chỗ, có thấy sự sai khác về màu sắc, không có thấy sự sai khác về hào quang. *Ví như, này Cư sĩ, có người cầm nhiều cây đèn dầu đi vào trong một nhà. Khi các cây đèn dầu ấy được đem vào trong nhà, có thấy sự sai khác về ngọn lửa, nhưng không có thấy sự sai khác về*

ánh sáng. Cũng vậy, này Cư sĩ, có thời chư Thiên kia tập họp tại một chỗ. Khi các vị này tập họp tại một chỗ, có thấy sự sai khác về màu sắc, không có thấy sự sai khác về hào quang.

Có thời, này Cư sĩ, chư Thiên ấy, đi ra khỏi từ chỗ kia. Khi chư Thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về hào quang. *Ví như, này Cư sĩ, có người đem nhiều cây đèn dầu ra khỏi ngôi nhà ấy, khi các cây đèn dầu ấy được đem ra khỏi ngôi nhà kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về ánh sáng.* Cũng vậy, này Cư sĩ, có thời chư

Thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia. Khi chư Thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về hào quang.

Này Cư sĩ, chư Thiên ấy không có nghĩ: "Đây là thường còn, thường trú, thường hằng cho chúng tôi". Nhưng chỗ nào chư Thiên ấy an trú, tại chỗ ấy, chư Thiên kia sống trong thoải mái. *Ví như, này Cư sĩ, khi các con ruồi bị mang đi trong đòn gánh hay trong cái giỏ, chúng nó không có nghĩ: "Đây là sự thường còn, thường trú hay thường hằng cho chúng tôi". Nhưng chỗ nào, chỗ nào các con ruồi kia an trú, tại chỗ ấy các con ruồi ấy sống trong thoải mái.* Cũng vậy, này Cư sĩ, chư Thiên ấy không có nghĩ: "Đây là thường còn, thường trú hay thường hằng cho chúng tôi". Nhưng chỗ nào, chỗ nào chư

Thiên ấy an trú, tại chỗ ấy, chư Thiên kia sống trong thoải mái.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccana thưa với Tôn giả Anuruddha!

– Tốt lành thay, Tôn giả Anuruddha! Ở đây, tôi có câu này cần phải hỏi thêm. *Thưa Tôn giả, chư Thiên có hào quang, tất cả đều có hào quang có hạn lượng? Hay là ở đây có một số chư Thiên có hào quang vô lượng?*

– Này Hiền giả Kaccana, tùy theo trường hợp, ở đây một số chư Thiên có hào quang có hạn lượng, nhưng ở đây cũng có một số chư Thiên có hào quang vô lượng.

– *Thưa Tôn giả Anuruddha, do nhân gì, do duyên gì, dầu cho chư Thiên ấy được sanh khởi trong một Thiên chúng, lại có một số chư Thiên có hào quang hạn lượng và có một số chư Thiên khác có hào quang vô lượng?*

– Này Hiền giả Kaccana, ở đây Ta sẽ hỏi Hiền giả. Nếu Hiền giả kham nhẫn, Hiền giả sẽ trả lời. Này Hiền giả Kaccana, Hiền giả nghĩ thế nào? *Tỷ-kheo cho đến một gốc cây, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo cho đến hai hay ba gốc cây, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm này, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?*

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Này Hiền giả Kaccana, Hiền giả nghĩ thế nào? Tỷ-kheo cho đến hai hay ba gốc cây, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo, cho đến một ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền) **trong hai sự tu tập tâm này, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?**

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo cho đến một ruộng làng, an trú, biến mãn, và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Này Hiền giả Kaccana, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền) **trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?**

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo, cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (Trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccana, Tỷ-kheo cho đến một đại vương, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo cho đến hai hay ba đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), **trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?**

– Thừa Tôn giả Anuruddha, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần rộng lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccana, Hiền giả nghĩ thế nào? Tỷ-kheo cho đến hai hay ba đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo cho đến giải đất tận hải biên, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), **trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?**

– Thừa Tôn giả, Tỷ-kheo cho đến giải đất tận hải biên, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccana, do nhân này, do duyên này, giữa các chư Thiên ấy được sanh khởi trong một Thiên chúng, có một số chư Thiên có hào

quang có hạn lượng nhưng có một số chư Thiên có hào quang vô lượng.

– Lành thay, Tôn giả Anuruddha! Tôi có một câu cần phải hỏi thêm nữa. *Thưa Tôn giả, về hào quang chư Thiên, có phải tất cả hào quang là tạp nhiễm hay có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh?*

– Tùy theo trường hợp, này Hiền giả Kaccana, ở đây có một số chư Thiên có hào quang tạp nhiễm, nhưng ở đây cũng có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh.

– *Thưa Tôn giả Anuruddha, do nhân gì, do duyên gì, trong chư Thiên ấy được sanh khởi trong một Thiên chúng, có một số hào quang tạp nhiễm, nhưng có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh?*

Này Hiền giả Kaccana, Ta sẽ cho Hiền giả một ví dụ. Nhờ ví dụ ở đây, người có trí hiểu được ý nghĩa của lời nói.

Ví như, này Hiền giả Kaccana, một cây đèn đang cháy với dầu không được sạch sẽ, với tim đèn cũng không được sạch sẽ. Vì dầu không được sạch sẽ, và cũng vì tim đèn không được sạch sẽ, nên cây đèn cháy rất lu mờ. Cũng vậy, này Hiền giả Kaccana, ở đây Tỷ-kheo an trú biến mãn và thấm nhuần với hào quang tạp nhiễm. Thân tâm hạnh của vị ấy không được khéo chấm dứt, hôn trầm thụy miên không được khéo đoạn trừ, trao cử hồi quá không

được khéo nhiếp phục. Vì không được khéo chấm dứt thân dâm hạnh, vì không khéo đoạn trừ hôn trầm thụy miên, vì không khéo nhiếp phục trạo cử hồi quá, nên vị ấy được cháy lên một cách lu mờ.

Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên có hào quang tạp nhiễm.

Ví như, này Hiền giả Kaccana, một ngọn đèn dầu được đốt cháy, với dầu sạch sẽ và với tim đèn cũng được sạch sẽ. Do dầu được sạch sẽ và cũng do tim đèn được sạch sẽ, nên cây đèn ấy được cháy không có mù mờ. Cũng vậy, này Hiền giả Kaccana, ở đây

Tỷ-kheo an trú biến mãn và thâm nhuần với hào quang thanh tịnh. Thân dâm hạnh của vị này được khéo chấm dứt, hôn trầm thụy miên được khéo đoạn trừ, trạo cử hồi quá được khéo nhiếp phục. Do thân dâm hạnh được khéo chấm dứt, do hôn trầm thụy miên được khéo đoạn trừ, do trạo cử hồi quá được khéo nhiếp phục, vị ấy được cháy lên không có mù mờ. Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh cộng trú với chư Thiên có hào quang thanh tịnh.

Này Hiền giả Kaccana, do nhân này, do duyên này, giữa chư Thiên ấy sanh khởi cùng trong một Thiên chúng, có một số chư Thiên có hào quang tạp nhiễm, nhưng có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccana thừa với Tôn giả Anuruddha:

– Thật lành thay, Tôn giả Anuruddha! Thừa Tôn giả, Tôn giả Anuruddha không có nói như sau: "Như vậy tôi nghe". hay "sự việc đúng như vậy". Trái lại, thừa Tôn giả, Tôn giả Anuruddha chỉ nói: "Chư Thiên này là như vậy và chư Thiên kia là như vậy". Thừa Tôn giả, tôi nghĩ như sau: "Tôn giả Anuruddha chắc chắn đã sống từ trước, đã đàm thoại từ trước, đã đàm luận từ trước với chư Thiên ấy".

– *Này Hiền giả Kaccana, lời nói này của Hiền giả đến gần như thử thách Ta phải tuyên bố, nhưng Ta sẽ trả lời cho Hiền giả. Này Hiền giả Kaccana, đã từ lâu, Ta đã sống từ trước, đã đàm thoại từ trước, đã đàm luận từ trước với chư Thiên ấy.*

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccana nói với thợ mộc Pancakanga:

– Thật lợi ích thay cho Ông, này Cư sĩ, rằng Ông đã đoạn trừ được điều nghi ngờ từ trước, và cũng được dịp nghe pháp môn này.

19 ANAN NHỨT DẠ HIỀN GIẢ - 132

Trung III, 447

KINH ANAN NHỨT DẠ HIỀN GIẢ (**Ananda Bhaddekaratta sutta**)

– *Bài kinh số 132 – Trung III, 447*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ Tôn giả Ananda tại hội trường thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. (Tôn giả) giảng Nhứt Dạ Hiền Giả, tổng thuyết và biệt thuyết. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy đi đến hội trường, sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, ai tại hội trường đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. Ai đã giảng Nhứt Dạ Hiền Giả, tổng thuyết và biệt thuyết?

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Ananda tại hội trường đã thuyết thị, khích lệ, làm cho thích thú, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. (Tôn giả) đã giảng Nhứt Dạ Hiền Giả, tổng thuyết và biệt thuyết.

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- Nhưng như thế nào, này Ananda, Ông đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp? Ông có phải đã giảng Nhứt Dạ Hiền Giả, tổng thuyết và biệt thuyết?
- Đúng vậy, bạch Thế Tôn, con đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. Con đã giảng Nhứt Dạ Hiền Giả, tổng thuyết và biệt thuyết:

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng.
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến,
Chỉ có pháp hiện tại
Tuệ quán chính ở đây.*

*Không động, không rung chuyển
Biết vậy, nên tu tập,
Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được,
Với đại quân thần chết,
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

Này các Hiền giả, thế nào là truy tìm quá khứ? Vị ấy nghĩ: "Nhu vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Nhu vậy là thọ của tôi trong quá khứ ". Và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy... (như Kinh trước, thay đổi "này các Hiền giả" cho chữ "này các Tỷ-kheo") ... Như vậy, này các Hiền giả, là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...*

*Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

Nhu vậy, bạch Thế Tôn, con đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo. Con đã giảng Nhứt Dạ Hiền Giả, tổng thuyết và biệt thuyết.

– Lành thay, lành thay, này Ananda! Lành thay, này Ananda! Ông đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. Ông đã giảng Nhứt Dạ Hiền Giả, tổng thuyết và biệt thuyết.

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...*

*xứng gọi Nhứt dạ hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

– Và thế nào, này Ananda, là truy tìm quá khứ?...
(như trước)... Như vậy, này Ananda là truy tìm quá
khứ. Và này Ananda thế nào là không truy tìm quá
khứ?... (như trên)... Như vậy, này Ananda, là không
truy tìm quá khứ. Và này Ananda, thế nào là ước
vọng tương lai?... (như trên)... Như vậy này Ananda
là ước vọng tương lai. Và này Ananda, thế nào là
không ước vọng tương lai? ... (như trên) ... Như
vậy, này Ananda là không ước vọng tương lai. Và
này Ananda thế nào là bị lôi cuốn trong các pháp
hiện tại?... (như trên)... Như vậy, này Ananda là bị
lôi cuốn trong các pháp hiện tại. Và này Ananda,
thế nào là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện
tại?... (như trên)... Như vậy này Ananda là không bị
lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...*

*Xứng gọi Nhứt Dạ hiện,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

20 ANGULIMALA - 86 Trung II, 577

KINH ANGULIMALA

– Bài kinh số 86 – Trung II, 577

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú tại Savatthi, Jetavana, ở tinh xá ông Anthapindika. Lúc bảy giờ, trong lãnh thổ của quốc vương Pasenadi (Ba-tư-nặc), nước Kosala, có tên cướp Angulimala một thợ săn, tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sanh. Vì nó, các làng trở thành không làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, quốc độ trở thành không quốc độ. Do nó luôn luôn giết người, nó mang một vòng hoa làm bằng ngón tay người. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Savatthi để khát thực. Sau khi khát thực ở Savatthi, ăn xong, dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, Ngài quay trở về và đi trên con đường dẫn đến tên cướp Angulimala. Các người chăn bò, các người chăn thú, các người làm ruộng, các người bộ hành (padhavino?) thấy Thế Tôn đang đi trên con đường dẫn đến tên cướp Angulimala, thấy vậy liền bạch Thế Tôn: "*Thưa Sa-môn, chớ có đi trên con đường này. Thưa Sa-môn, trên con đường này có tên cướp Angulimala, là một thợ săn, tay vấy máu, sát hại,*

bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sanh. Vì nó, các làng trở thành không làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, các quốc độ trở thành không quốc độ. Do nó luôn luôn giết người, nó mang một vòng hoa làm bằng ngón tay người. Thưa Sa-môn, trên đường này, có mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người tụ họp lại, tụ họp lại rồi cùng đi. Tuy vậy, họ vẫn rơi vào tay của tên cướp Angulimala". Được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng, vẫn tiếp tục đi.

Lần thứ hai, các người chăn bò, các người chăn thú, các người làm ruộng, các người đi đường bạch Thế Tôn: "Thưa Sa-môn, chớ có đi con đường ấy... (như trên)... rơi vào tay của tên cướp Angulimala". Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng, vẫn tiếp tục đi.

Lần thứ ba, các người chăn bò, các người chăn thú, các người làm ruộng, các người đi đường bạch Thế Tôn: "Thưa Sa-môn, chớ có đi con đường ấy... (như trên)... rơi vào tay của tên cướp Angulimala". Thế Tôn giữ im lặng, vẫn tiếp tục đi.

Tên cướp Angulimala thấy Thế Tôn từ xa đi lại, sau khi thấy liền nghĩ: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Con đường này, cho đến mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người tụ họp lại, tụ họp lại rồi cùng đi; tuy vậy, chúng vẫn rơi vào tay của ta. Nay người Sa-môn này, chỉ có một mình, không có người thứ hai,

lại đi đến, hình như do một sức mạnh gì? Vậy ta giết hại mạng sống của người Sa-môn này! "

Rồi tên cướp Angulimala lấy kiếm và tám khiên, đeo cung và tên vào, và đi theo sau lưng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn hiện thần thông lực một cách làm cho tên cướp Angulimala, dầu cho đi với tất cả tốc lực của nó cũng không có thể bắt kịp Thế Tôn đang đi với tốc lực bình thường.

Rồi tên cướp Angulimala suy nghĩ: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Ta trước đây đuổi theo con voi đang chạy và bắt kịp nó, đuổi theo con ngựa đang chạy và bắt kịp nó, đuổi theo chiếc xe đang chạy và bắt kịp nó, đuổi theo con nai đang chạy và bắt kịp nó. Nay dầu ta đi với tất cả tốc lực của ta cũng không thể bắt kịp Sa-môn này đang đi với tốc lực bình thường". Nó thưa với Thế Tôn:

- Hãy đứng lại, Sa-môn! Hãy đứng lại, Sa-môn!
- Ta đã đứng rồi, này Angulimala! Và Ngươi hãy đứng lại!

Rồi tên cướp Angulimala suy nghĩ: "Những Sa-môn Thích Tử này là những người nói sự thật và chấp nhận sự thật. Và Sa-môn này dầu cho đang đi lại nói: "Ta đã đứng rồi, này Angulimala! Và Ngươi hãy đứng lại". Vậy ta hãy hỏi vị Sa-môn này". Rồi tên cướp Angulimala với bài kệ nói với Thế Tôn:

- Ngươi đi lại nói: "Ta đã đứng rồi",
Ta đứng, Ngươi nói: "Sao ta không đứng?"

*Sa-môn, ta hỏi về ý nghĩa này,
Sao Ngươi đứng lại, còn ta không đứng?
– Angulimala, Ta đã đứng rồi.*

*Với mọi chúng sanh, Ta bỏ trượng, kiếm,
Còn Ngươi hữu tình, không tự kiềm chế,
Do vậy, Ta đứng, còn Ngươi chưa đứng.*

*– Đã lâu tôi kính, bậc Đại Tiên Nhân,
Nay Sa-môn này bước vào Đại Lâm.*

*Không lâu, tôi sẽ đoạn trừ ác pháp,
Sau khi được nghe pháp kệ của Ngài.*

*Nói xong tên cướp liền quăng bỏ kiếm,
Quăng bỏ khí giới xuống vực thâm sâu,
Tên cướp đánh lễ dưới chân Thiện Thệ,
Ngay tại chỗ ấy, xin được xuất gia.*

*Đức Phật từ bi, bậc Đại Tiên Nhân,
Đạo Sư Nhân giới, cùng với Thiên giới,
Ngài đã trả lời: "Thiện lai Tỷ-kheo".*

Uy đức Tỷ-kheo được Ngài xác chứng.

Rồi Thế Tôn cùng Tôn giả Angulimala là Sa-môn tùy tùng, bắt đầu du hành đi đến Savatthi, và tuần tự du hành, Thế Tôn đến Savatthi. Ở đây, Thế Tôn trú tại Savatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anthapindika.

Lúc bảy giờ, tại cửa nội cung vua Pasenadi nước

Kosala, một số đông quần chúng tụ họp lại, cao tiếng, lớn tiếng nói lên: "Tâu Đại vương, trong lãnh thổ Đại vương, có tên cướp tên Angulimala, là tên thợ săn, bàn tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có

lòng từ mẫn đối với chúng sanh. Do vì nó, các làng trở thành không làng, thị trấn trở thành không thị trấn, quốc độ trở thành không quốc độ. Do nó luôn luôn giết người, nó mang một vòng hoa làm bằng ngón tay người. Đại vương hãy tấn xuất nó".

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, với khoảng năm trăm con ngựa, sáng sớm đi ra khỏi Savatthi, đi đến tinh xá, đi xe đến chỗ nào còn đi xe được, rồi vua xuống xe, đi bộ đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với vua Pasenadi xứ Kosala đang ngồi một bên:

– Thưa Đại vương, có phải vua Seniya Bimbisara nước Magadha tức giận với Đại vương, hay các người Licchavi ở Vesali, hay một địch vương nào khác?

– Bạch Thế Tôn, vua Seniya Bimbisara xứ Magadha không có tức giận với con, không phải các người Licchavi ở Vesali, cũng không phải có địch vương nào khác. Bạch Thế Tôn, trong lãnh thổ của con, có tên cướp tên là Angulimala, một tên thợ săn, bàn tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sanh. Vì nó, các làng trở thành không làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, các quốc độ trở thành không quốc độ. Bạch Thế Tôn, nhưng con không có thể tấn xuất nó được (napatisedhissami).

– Thưa Đại vương, nếu Đại vương được thấy Angulimala cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, ăn một ngày một bữa, sống Phạm hạnh, giữ giới, hành trì thiện pháp. Đại vương sẽ làm gì với Angulimala?

– Bạch Thế Tôn, con sẽ đánh lễ, hay đứng dậy, hay đưa ghế mời ngồi, hay lo liệu bốn sự cúng dường Angulimala, tức là y phục, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh, hay chúng con bảo vệ, hộ trì đúng pháp. *Nhưng Bạch Thế Tôn, từ đâu một người phá giới, làm các ác pháp lại có thể trở thành giữ giới, biết chế ngự như vậy?*

Lúc bấy giờ tôn giả Angulimala ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi Thế Tôn duỗi cánh tay mặt và nói với vua Pasenadi:

– Thưa Đại vương, đây là Angulimala.

Vua Pasenadi nước Kosala liền hoảng sợ, run sợ, lông tóc dựng ngược. Thế Tôn biết được vua Pasenadi nước Kosala, hoảng sợ, khiếp sợ, lông tóc dựng ngược, bèn nói với vua Pasenadi, nước Kosala:

– Chớ có sợ hãi, thưa Đại vương! Chớ có sợ hãi, thưa Đại vương. Ở đây, không có gì đáng sợ hãi cho Đại vương.

Rồi sự hoảng sợ, khiếp sợ, lông tóc dựng ngược của vua Pasenadi, nước Kosala được tan biến. Rồi vua

Pasenadi nước Kosala đến Gân Tôn giả
Angulimala, sau khi đến, thưa với Tôn giả
Angulimala:

- Thưa Tôn giả, có phải Tôn giả là Angulimala?
 - Thưa phải, Đại vương.
- Thưa Tôn giả, phụ thân Tôn giả thuộc dòng họ gì? Mẫu thân thuộc dòng họ gì?
 - Thưa Đại vương, phụ thân tôi thuộc dòng họ Gagga, mẫu thân thuộc dòng họ Mantani.
- Thưa Tôn giả, mong Tôn giả Gagga Mantaniputta được hoan hỷ. Tôi sẽ cố gắng lo bốn sự cúng dường là y phục, ẩm thực, sàng tọa, y dược trị bệnh cho tôn giả.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Angulimala theo hạnh ở rừng núi, đi khát thực mà ăn, sống chỉ với ba y. Rồi Tôn giả Angulimala nói với vua Pasenadi nước Kosala:

- Thôi vừa rồi, thưa Đại vương, tôi đã đủ ba y.
- Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến gần Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! *Làm sao Thế Tôn lại nhiếp phục được người không thể nhiếp phục, làm cho an tịnh được người không thể an tịnh, làm cho tịch diệt được người không có thể tịch diệt. Bạch Thế Tôn, đối với người con không thể nhiếp phục với gậy, với*

kiếm, Thế Tôn đã có thể nhiếp phục được, với không gậy, không kiếm. Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi. Chúng con có nhiều công việc, có nhiều trách nhiệm phải làm.

– Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pasenadi, nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và ra đi.

Rồi Tôn giả Angulimala, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Savatthi để khát thực. Trong khi đi khát thực từng nhà một ở Savatthi, **Tôn giả Angulimala thấy một người đàn bà đang sanh đẻ, rất là nguy kịch và đau đớn.** Thấy vậy, Tôn giả suy nghĩ: "*Thật*

đau khổ thay các chúng sanh! Thật đau khổ thay các chúng sanh! " Rồi Tôn giả Angulimala, sau khi đi khát thực ở Savatthi, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Angulimala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, con vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào thành Savatthi để khát thực. Bạch

Thế Tôn, trong khi đi khát thực từng nhà một ở Savatthi, con thấy một người đàn bà đang sanh đẻ, rất là nguy kịch, đau đớn. Thấy vậy, con suy nghĩ: "*Thật đau khổ thay các chúng sanh! Thật đau khổ thay các chúng sanh!* "

– Nay Angulimala, Ông hãy đi đến Savatthi, sau khi đến, nói với người đàn bà ấy như sau: "Này Bà chị, vì rằng tôi từ khi sanh ra chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn, và sanh để được an toàn! "

– Bạch Thế Tôn, nếu làm vậy, thời con là cố ý nói láo. Bạch Thế Tôn, con đã cố ý giết hại mạng sống rất nhiều chúng sanh rồi.

– Vậy thì, nay Angulimala, Ông hãy đi đến Savatthi, sau khi đến hãy nói với người đàn bà ấy như sau: *"Này Bà chị, vì rằng tôi từ khi được Thánh sanh đến nay chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn và sanh để được an toàn! "*

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Angulimala, sau khi vâng đáp Thế Tôn, đi đến Savatthi, sau khi đến nói với người đàn bà ấy như sau: "Thưa Bà chị, vì rằng tôi từ khi được Thánh sanh đến nay chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn, và sanh để được an toàn! " Và người đàn bà được an toàn, sanh để được an toàn.

Rồi Tôn giả Angulimala, sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và không bao lâu sau, tự thân chứng ngộ với thắng trí, chứng đắc và an trú ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử

xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, từ nay không còn trở lui đời này nữa". Vì ấy biết như vậy. Và như vậy, Tôn giả Angulimala trở thành một vị A-la-hán nữa.

Rồi Tôn giả Angulimala buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Savatthi để khát thực. Lúc bảy giờ, một cuc đất do một người ném, rơi trên thân Tôn giả Angulimala, rồi một cây gậy do một người khác quăng, rơi trên thân Tôn giả Angulimala, rồi một hòn sỏi do một người khác quăng, rơi trên thân Tôn giả Angulimala.

Rồi Tôn giả Angulimala bị lỗ đầu, chảy máu, bình bát bị bể, ngoại y bị rách, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy Tôn giả Angulimala từ xa đi đến, thấy vậy, liền nói với Tôn giả Angulimala: "Hãy kham nhẫn, này Bà-la-môn! Hãy kham nhẫn, này Bà-la-môn! Ông đang gặt hái ngay trong hiện tại quả báo của nghiệp mà đáng lẽ Ông phải chịu nấu sôi ở địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm".

Rồi Tôn giả Angulimala sống độc cư, Thiền tịnh, cảm thọ được giải thoát lạc, và trong lúc ấy nói lên lời cảm khái sau đây:

*"Ai trước phóng dật, sau không phóng dật,
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây,
Ai làm ác nghiệp, nhờ thiện chặn lại,
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây."*

Niên thiếu Ty-kheo trung thành Phật giáo,
 Sáng chói đời này, như trăng thoát mây.
 Mong kẻ địch ta, nghe giảng Pháp thoại!
 Mong kẻ địch ta, trung thành Phật giáo!
 Mong kẻ địch ta, thọ lãnh chánh pháp,
 (Thân tâm) an tịnh, san sẻ mọi người.
 Mong kẻ địch ta, từ bậc Thuyết nhân,
 Từ bậc Tán thán, vô oán hận tâm.
 Thời thời nghe pháp, y pháp hành trì.
 Một kẻ như vậy, không có hại ta,
 Cũng không làm hại một người nào khác.
 Vị ấy sẽ chứng tối thượng tịch tịnh.
 Hộ trì mọi người, kẻ tham người không,
 Như người dẫn nước, hướng dẫn nước chảy,
 Như kẻ làm tên uốn cong thân tên,
 Như người thợ mộc uốn nắn cây gỗ.
 Kẻ trí tự mình, tự điều phục mình.
 Có kẻ được điều bởi gậy, roi, móc,
 Riêng Ta được điều không gậy, không kiếm.
 (Bởi bậc như vậy).
 Ta tên Vô Hại, trước ta sát hại,
 Nay được chánh danh, vì chẳng hại ai.
 Trước ta được tên Angulimala,
 Bị nước thác cuốn, ta quy y Phật.
 Trước tay vấy máu, danh xưng (Anguli) mala,
 Xem ta quy y, đoạn dây sanh tử,
 Làm nghiệp như vậy phải sanh ác thú,

*Khi lãnh nghiệp báo, không nợ ta hưởng.
Kẻ ngu vô trí, đam mê phóng dật,
Còn người có trí, giữ không phóng dật,
Như giữ tài sản, tối thượng, tối quý,
Chớ mê phóng dật, chớ mê dục lạc.
Giữ không phóng dật, luôn luôn Thiền định,
Chứng đắc đại lạc, quảng đại vô lượng,
Thiện lai, ta đến, không đi lạc hướng,
Không ai khuyên ta theo tư tưởng ác.
Giữa các chân lý (được khéo) giảng dạy,
Chân lý ta theo, chân lý tối thượng,
Thiện lai ta đến, không đi lạc hướng,
Không ai khuyên ta theo tư tưởng ác,
Ba mình ta chứng, Phật lý viên thành.*

21 ANURUDDHA 1 - Tăng I, 513

ANURUDDHA 1 – Tăng I, 513

1. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, với thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, con thấy phần lớn các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. *Do đầy đủ với bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?*

2. - Do đầy đủ ba pháp, này Anuruddha, các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là ba?

Ở đây, này Anuruddha:

- *Nữ nhân vào buổi sáng, sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của xan lãn;*
- *Vào buổi trưa, sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của tật đố.*
- *Vào buổi chiều, sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của dục tham.*

Do đầy đủ ba pháp này, này Anuruddha, các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

22 ANURUDDHA 2 - Tăng I, 514

ANURUDDHA 2 – Tăng I, 514

1. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuruddha nói với Tôn giả Sàriputta:

- Thừa Tôn giả Sàriputta, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhiên, tôi có thể nhìn một ngàn thế giới. Phấn chán là tinh tấn của tôi, không có thụ động; niệm được an trú, không có thất niệm; tâm được khinh an, không có cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh nhất tâm. Tuy vậy, tâm của tôi chưa được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có không chấp thủ.

2.

- Đây Hiền giả Anuruddha, Hiền giả suy nghĩ như sau: "Với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhiên, tôi có thể nhìn một ngàn thế giới". *Đây là kiêu mạn của Hiền giả.*
- Đây Hiền giả Anuruddha, nếu Hiền giả suy nghĩ như sau: "Phấn chán là tinh tấn của tôi, không có thụ động; niệm được an trú, không có thất niệm; tâm được khinh an, không có cuồng

nhật; tâm được định tĩnh nhất tâm", đây là trạo cử của Hiền giả.

- *Này Hiền giả Anuruddha, Hiền giả suy nghĩ như sau: "Tuy vậy, tâm của tôi chưa được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có không chấp thủ"; đây là hồi quá của Hiền giả.*

Lành thay, nếu Tôn giả Anuruddha đoạn trừ ba pháp này, không tác ý ba pháp này, hãy chú tâm vào giới bất tử.

3. Rồi Tôn giả Anuruddha, sau một thời gian, sau khi đoạn trừ ba pháp này, sau khi không tác ý ba pháp này, chú tâm vào giới bất tử. Rồi Tôn giả Anuruddha sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà một thiện nam tử chon chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, sau khi chứng ngộ, chứng đạt, vị ấy an trú. Vị ấy chứng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa. Tôn giả Anuruddha trở thành một vị A-la-hán nữa.

23 ARAKA - Tăng III, 471

ARAKA – Tăng III, 471

1. - Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có Đạo sư tên là Araka thuộc ngoại đạo **đã ly tham đối với các dục**. Này các Tỷ-kheo, Đạo sư Araka có đến hàng trăm đệ tử. Đạo sư Araka thuyết pháp cho các đệ tử như sau:

2. "Này Bà-la-môn, ít ỏi là đời sống của loài Người, nhỏ bé, không đáng kể, nhiều khổ đau, nhiều ưu não. **Với bùa chú**, hãy giác ngộ! Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử.

Ví như, này Bà-la-môn, giọt sương trên đầu ngọn cỏ, khi mặt trời mọc, mau chóng biến mất, không tồn tại lâu dài. Cũng vậy, này Bà-la-môn, như giọt sương là đời sống loài Người, nhỏ bé, không đáng kể, nhiều khổ đau, nhiều ưu não. Với bùa chú, hãy giác ngộ! Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử.

Ví như, này Bà-la-môn, khi trời mưa nặng hạt, bong bóng nước trên nước mau chóng biến mất, không tồn tại lâu dài. Cũng vậy, này Bà-la-môn, như bong bóng nước là đời sống của loài Người, nhỏ bé, không đáng kể, nhiều khổ đau, nhiều ưu não. Với bùa chú, hãy

giác ngộ! Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh!
Với người đã sanh, không có bất tử.

Ví như, này Bà-la-môn, con sông trên núi chảy xa, dòng nước chảy nhanh, lôi cuốn theo vật này vật khác, không có sát-na nào, không có giây phút nào, không có thời khắc nào có dừng nghỉ, nó phải chảy tới, cuồn cuộn chảy, thúc đẩy chảy tới. Cũng vậy, này Bà-la-môn, ví như con sông ấy là đời sống của loài Người, nhỏ bé, không đáng kể... với người đã sanh, không có bất tử.

Ví như, này Bà-la-môn, người lực sĩ **tụ lại một cục nước miếng trên đầu lưỡi và nhổ đi không có phí sức.** Cũng vậy, này Bà-la-môn, ví dụ với cục nước miếng là đời sống loài Người, nhỏ bé, không đáng kể... Với người đã sanh, không có bất tử.

Ví như, này Bà-la-môn, **một miếng thịt được quăng vào một nồi sắt được hâm nóng cả ngày, mau chóng biến mất, không tồn tại lâu dài.** Cũng vậy, này Bà-la-môn, ví như miếng thịt là đời sống con người, nhỏ bé, không đáng kể... Với người đã sanh, không có bất tử.

Ví như, này Bà-la-môn, **con bò cái sắp bị giết, được dắt đến lò thịt, mỗi bước chân giơ lên là bước gần đến bị giết, gần đến chết.** Cũng vậy, này Bà-la-môn,

ví dụ với con bò cái sắp bị giết là đời sống con người, nhỏ bé, không đáng kể, nhiều khổ đau, nhiều ưu não. Với bùa chú, hãy giác ngộ, hay làm điều lành, hãy sống Phạm hạnh. Với người đã sanh, không có bất tử".

3. *Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, tuổi thọ của loài Người lên đến 60.000 năm. Người con gái 500 tuổi có thể đến tuổi lấy chồng. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, loài Người có sáu loại bệnh: lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện.*

Này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư Araka ấy, với loài Người thọ mạng dài như vậy, sống lâu như vậy, ít bệnh như vậy, lại thuyết pháp cho các đệ tử như vậy: " Ít oi, này Bà-la-môn, là đời sống loài Người, nhỏ bé không đáng kể, nhiều khổ đau, nhiều ưu não. *Với bùa chú*, hãy giác ngộ! Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử "

*Nay, này các Tỷ-kheo, ai nói một cách chơn chánh, phải nói như sau: "Ít oi, là đời sống loài Người, nhỏ bé, không đáng kể, nhiều khổ đau, nhiều ưu não. **Với trí tuệ, hãy giác ngộ!** Hãy làm điều lành, hãy sống Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử".*

- Nay, này các Tỷ-kheo, ai sống lâu, vị ấy sống một trăm tuổi, ít hơn hay nhiều hơn.

- Mạng sống 100 tuổi, này các Tỷ-kheo, được chia thành 300 mùa: một trăm mùa đông, một trăm mùa hạ, một trăm mùa mưa.
- Này các Tỷ-kheo, dầu cho sống ba trăm mùa, người ấy sống 12 lần 100 tháng: 400 tháng lạnh, 400 tháng nóng, 400 tháng mưa.
- Này các Tỷ-kheo, dầu cho sống 12 lần 100 tháng, người ấy sống 24 lần một trăm nửa tháng: 800 nửa tháng lạnh, 800 nửa tháng nóng, 800 nửa tháng mưa.
- Này các Tỷ-kheo, dầu cho sống 24 lần một trăm nửa tháng, người ấy sống 36 lần 1000 đêm: 12.000 đêm lạnh, 12.000 đêm nóng, 12.000 đêm mưa.
- Này các Tỷ-kheo, dầu cho sống 36 lần 1000 đêm, người ấy ăn chỉ có 72 ngàn bữa cơm: 24 ngàn bữa cơm vào mùa lạnh, 24 ngàn bữa cơm vào mùa nóng, 24 ngàn bữa cơm vào mùa mưa.
Đây gồm có với sữa mẹ và thời gian không có đồ ăn. Ở đây, có những khi không có bữa ăn này, nghĩa là tức giận không ăn cơm, khổ đau không ăn cơm, bệnh hoạn không ăn cơm, trai giới không ăn cơm, không thâu hoạch được, không ăn cơm.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, tuổi thọ một trăm năm của loài Người được Ta gọi là tuổi thọ, được gọi là lượng

của tuổi thọ, được gọi là thời tiết, được gọi là năm, được gọi là tháng, được gọi là nửa tháng, được gọi là đêm, được gọi là đêm ngày, được gọi là bữa ăn, được gọi là giữa bữa ăn.

4. Này các Tỷ-kheo, những gì bậc Đạo sư phải làm, vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đệ tử, những việc ấy Ta đã làm, vì lòng thương tưởng các Thầy. Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà không tịnh. Này các Tỷ-kheo, hãy Thiền định, chớ có phóng dật, chớ hồi tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Ta cho các Thầy.

24 ASSALAYANA - 93 Trung II, 681

KINH ASSALAYANA (Assalayana sutta)

– Bài kinh số 93 – Trung II, 681

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ khoảng năm trăm Bà-la-môn từ nhiều quốc độ khác nhau trú tại Savatthi vì một vài công việc. Những vị Bà-la-môn ấy suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này chủ trương bốn giai cấp đều thanh tịnh. Ai có thể cùng với Sa-môn Gotama thảo luận vấn đề này?"

Lúc bấy giờ thanh niên Assalayana trú ở Savatthi, trẻ tuổi, đầu cao trọc, chỉ có mười sáu tuổi, tinh thông ba tập Veda, với tự vựng, lễ nghi, ngũ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng.

Rồi các Bà-la-môn ấy suy nghĩ: "Thanh niên Assalayana này trú ở Savatthi, trẻ tuổi, đầu cao trọc, chỉ có mười sáu tuổi, tinh thông ba tập Veda, với tự vựng, lễ nghi, ngũ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Vị ấy có

thể thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này".

Rồi những Bà-la-môn ấy đi đến thanh niên
Assalayana, sau khi đến nói với thanh niên

Assalayana:

– Tôn giả Assalayana, Sa-môn Gotama chủ trương
bốn giai cấp đều thanh tịnh. Tôn giả Assalayana
hãy đến thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề
này.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Assalayana nói với
các Bà-la-môn ấy:

– Sa-môn Gotama là vị nói đúng pháp. Và những ai
nói đúng pháp thật rất khó thảo luận. Tôi không có
thể thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này.

Lần thứ hai các Bà-la-môn nói với thanh niên

Assalayana:

– Tôn giả Assalayana, Sa-môn Gotama này chủ
trương bốn giai cấp đều thanh tịnh. Tôn giả
Assalayana hãy đến thảo luận với Sa-môn Gotama
về vấn đề này. Tôn giả Assalayana đã sống đời
sống của vị du hành khát sĩ.

Lần thứ hai, thanh niên Assalayana nói với các vị
Bà-la-môn ấy:

– Sa-môn Gotama là bậc nói đúng pháp. Và những
người nói đúng pháp thật rất khó thảo luận. Tôi
không có thể thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn
đề này.

Lần thứ ba, những vị Bà-la-môn ấy nói với thanh niên Assalayana:

– Tôn giả Assalayana, Sa-môn Gotama này chủ trương bốn giai cấp đều thanh tịnh. Tôn giả Assalayana, hãy đến thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này. Tôn giả Assalayana đã sống đời sống của vị du hành khát sĩ. Tôn giả Assalayana chớ có bị chiến bại trong một cuộc chiến bại không có binh khí chống cự.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Assalayana nói với các vị Bà-la-môn ấy:

– Thật sự tôi không chấp nhận được (lời yêu cầu) chư Tôn giả. Tôn giả Gotama là bậc nói đúng pháp. Và những ai nói đúng pháp thật rất khó thảo luận. Tôi không có thể thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này. Tuy vậy tôi cũng sẽ đi, như lời chư Tôn giả yêu cầu.

Rồi thanh niên Assalayana cùng với đại chúng Bà-la-môn đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Assalayana bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, các vị Bà-la-môn nói như sau: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là màu da trắng, giai cấp khác là màu da đen; chỉ có Bà-la-

môn là thanh tịnh, các giai cấp phi Bà-la-môn không được như vậy. Chỉ có Bà-la-môn mới là con chính thống Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự Phạm thiên". Ở đây, Tôn giả Gotama nói thế nào?

Nhưng này Assalayana, các nữ Bà-la-môn, vợ các Bà-la-môn được thấy là có kinh nguyệt, có mang thai, có sanh con, có cho con bú. Dầu vậy, các vị Bà-la-môn ấy sanh ra từ nữ căn lại nói: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt. Chỉ có Bà-la-môn là màu da trắng, giai cấp khác là màu da đen; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các giai cấp phi Bà-la-môn không được như vậy. Chỉ có Bà-la-môn mới là con chính thống Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự Phạm thiên".

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng các vị Bà-la-môn vẫn tự nghĩ rằng: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên".

Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào? Ông có nghe chăng? Tại các biên địa quốc độ khác như Yona và Kamboja, chỉ có hai giai cấp: chủ nhân và đầy tớ. Sau khi làm chủ nhân, lại trở thành đầy tớ; sau khi làm đầy tớ, lại trở thành chủ nhân?

- Thừa vâng, con có nghe. Trong các quốc độ biên địa như Yona, Kamboja, chỉ có hai giai cấp: chủ nhân và đầy tớ. Sau khi làm chủ nhân, lại trở thành đầy tớ, sau khi làm đầy tớ, lại trở thành chủ nhân.
 - Ở đây, này Assalayana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của các Bà-la-môn, mà ở đây các vị Bà-la-môn lại nói: "Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên"?
 - Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây vị Bà-la-môn vẫn nghĩ như sau: "Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên".
- Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào? Chỉ có người Khattiya (Sát-đế-ly) sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tâm tham, có tâm sân, có tà kiến: sau khi thân hoại mạng chung mới bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Bà-la-môn không phải như vậy? Và chỉ có người Vessa và người Sudda sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham tâm, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, mới bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các Bà-la-môn không phải như vậy?

– Không phải như vậy, Tôn giả Gotama. Người Khattiya cũng vậy, Tôn giả Gotama, nếu sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham tâm, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, cũng bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Bà-la-môn cũng vậy, Tôn giả Gotama Vessa cũng vậy, Tôn giả Gotama, Sudda cũng vậy, Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, Tôn giả Gotama, nếu sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham tâm, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

– Ở đây, này Assalayana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của Bà-la-môn, mà các Bà-la-môn lại nói: "Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên"?

– Dầu Tôn giả Sa-môn có nói như vậy, nhưng ở đây, các Bà-la-môn vẫn nghĩ như sau: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên". Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào? Chỉ có Bà-la-môn từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, không

có tham tâm, không có sân tâm, (có chánh kiến) sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Khattiya không được vậy, Vessa không được vậy, Sudda không được vậy?

– Không phải vậy, Tôn giả Gotama. Khattiya cũng vậy, Tôn giả Gotama, nếu từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến, thì sau khi thân hoại mạng chung cũng được sanh vào thiện thú, Thiên giới; cõi đời này. Bà-la-môn cũng vậy, Tôn giả Gotama; Vessa cũng vậy, Tôn giả Gotama; Sudda cũng vậy,

Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, Tôn giả Gotama, nếu từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến, thì sau khi thân hoại mạng chung, đều được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

– Ở đây, này Assalayana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của Bà-la-môn, mà các Bà-la-môn lại nói: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên".?

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây, các Bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: "Chỉ có Bà-la-

môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên".

Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào? Chỉ có Bà-la-môn mới có thể trong quốc độ này tu tập từ tâm, không hận, không sân, Khattiya không thể được, Vessa không thể được, Sudda không thể được?

– Không phải vậy, Tôn giả Gotama. Khattiya, Tôn giả Gotama, cũng có thể trong quốc độ này tu tập từ tâm, không hận, không sân. Bà-la-môn cũng vậy, Tôn giả Gotama; Vessa cũng vậy, Tôn giả Gotama; Sudda cũng vậy, Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, Tôn giả Gotama, đều có thể trong quốc độ này tu tập từ tâm, không hận, không sân.

– Ở đây, này Assalayana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của Bà-la-môn, mà ở đây các Bà-la-môn lại nói như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên"?

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây các Bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên).

Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào? Chỉ có Bà-la-môn mới có thể, sau khi cầm cào lung và bột tắm đi đến sông tắm sạch bụi bặm, Khattiya không thể được, Vessa không thể được, Sudda không thể được?

– Không phải vậy, thưa Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama, Khattiya cũng có thể, sau khi cầm cào lung và bột tắm, đi đến sông tắm sạch bụi bặm. Bà-la-môn cũng vậy Tôn giả Gotama; Vessa cũng vậy, Tôn giả Gotama; Sudda cũng vậy, Tôn giả Gotama.

Tất cả bốn giai cấp, Tôn giả Gotama, đều có thể, sau khi cầm cào lung và bột tắm, đi đến sông tắm sạch bụi bặm.

– Ở đây, này Assalayana, do sức mạnh gì, xác tín gì của các Bà-la-môn, mà ở đây các Bà-la-môn lại nói như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên"?

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây các Bà-la-môn vẫn nghĩ như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên".

Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, nếu có vua Khattiya đã làm lễ quán đảnh, cho hội họp một trăm người thuộc nhiều chủng tánh khác nhau và nói: "Quý vị hãy đến đây, quý vị nào thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn, sanh ra từ hoàng tộc, hãy đem đến phần trên của đồ quay lửa, bằng cây sala, hay cây salala, hay cây chiêm-đàn, hay cây sen, quay cho lửa và sức nóng hiện ra. Còn những người thuộc gia đình Chiên-đà-la (hạ tiện), thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre,

thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đồ phân, hãy đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây y lan (eland: cây thu đủ thầu dầu), và quay cho bậc lửa và sức nóng hiện ra".

Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào? Có phải chỉ có ngọn lửa được nhen lên và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn sanh từ hoàng tộc, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa, làm bằng cây sala, hay cây salala, hay cây chiêm-đàn, hay cây sen, chỉ có lửa ấy mới có ngọn, mới có màu sắc, mới có ánh sáng, và chỉ có ngọn lửa ấy mới dùng được vào các công việc do lửa đem lại. Còn ngọn lửa được nhen lên và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình hạ tiện, thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình làm đồ phân, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây y-lan, lửa ấy không có ngọn, không có màu sắc, không có ánh sáng, và ngọn lửa ấy không có thể dùng được vào các công việc do lửa đem lại?

– Không phải vậy, thưa Tôn giả Gotama. Ngọn lửa được nhen lên, sức nóng được tạo ra, Tôn giả Gotama, từ người thuộc gia đình Khattiya, thuộc

gia đình Bà-la-môn sanh từ hoàng tộc, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa, làm bằng cây sala, hay cây salala, hay cây chiên-đàn, hay cây sen, lửa ấy có ngọn, có màu sắc, có ánh sáng, ngọn lửa ấy dùng được vào các công việc do lửa đem lại. Và ngọn lửa được nhen lên, và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình hạ tiện, thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đổ phân, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa, làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây y-lan, lửa ấy cũng có ngọn, cũng có màu sắc, cũng có ánh sáng, và ngọn lửa ấy có thể dùng được vào công việc do lửa đem lại. Thưa Tôn giả

Gotama, tất cả loại lửa đều có ngọn, đều có màu sắc, đều có ánh sáng; tất cả loại lửa đều có thể được dùng vào các công việc do lửa đem lại.

— Ở đây, này Assalayana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của các Bà-la-môn mà các Bà-la-môn ở đây lại nói: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt. Chỉ có Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen. Chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các giai cấp phi Bà-la-môn không phải như vậy. Chỉ có Bà-la-môn mới là con chính thống Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự Phạm thiên"?

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây các Bà-la-môn vẫn nghĩ như sau: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt...

(như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên".

Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào? Ở đây một nam tử Khattiya cưới một nữ nhân Bà-la-môn làm vợ.

Do hôn phối này, họ sanh được đứa con trai. Đứa con trai ấy sanh ra từ nam tử Khattiya và nữ nhân Bà-la-môn. Nó giống mẹ nó hay giống cha nó; nó được gọi là Khattiya hay được gọi là Ba La Môn?

– Thừa Tôn giả Gotama, đứa con trai ấy sanh ra từ nam tử Khattiya và nữ nhân Bà-la-môn; nó giống mẹ nó và cũng giống cha nó, và được gọi là

Khattiya và cũng được gọi là Bà-la-môn.

Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, một nam tử Bà-la-môn cưới một nữ nhân Khattiya và do hôn phối này, họ sanh được đứa con trai. Người con trai ấy được sanh từ nam tử Bà-la-môn và nữ nhân

Khattiya; nó giống mẹ nó, hay giống cha nó; nó được gọi là Khattiya, (hay) cũng được gọi là Bà-la-môn?

– Thừa Tôn giả Gotama, người con trai sanh ra từ nam tử Bà-la-môn và nữ nhân Khattiya; nó giống mẹ nó; và giống cha nó, và nó được gọi là Khattiya, và cũng được gọi là Bà-la-môn.

– Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có con ngựa cái giao phối với con lừa. Do sự giao phối

này, chúng sanh được con la. Con la ấy sanh ra từ con ngựa cái và con lừa; nó giống mẹ nó, hay giống cha nó; nó được gọi là ngựa, hay nó được gọi là lừa?

– Tôn giả Gotama, do sự giao phối khác giống như vậy, nó là con la. Đó là sự sai khác, thưa Tôn giả Gotama, mà tôi thấy ở đây. Nhưng ở chỗ khác, đối với sự vật khác, tôi không thấy sai biệt gì.

Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có hai anh em thanh niên, đồng mẹ khác cha; một người đọc tụng, thông hiểu Thánh điển; một người không đọc tụng, không hiểu Thánh điển. Ở đây, giữa hai vị này, các Bà-la-môn sẽ cúng dường ai trước các vật cúng cho người chết, các thực vật tế đàn, các món ăn trong các lễ hy sinh, các đồ ăn đãi khách?

– Thưa Tôn giả Gotama, vị thanh niên nào đọc tụng, thông hiểu Thánh điển, các Bà-la-môn sẽ cúng dường người ấy trước, các vật cúng cho người chết, các thực vật tế đàn, các món ăn trong các lễ hy sinh, các đồ ăn đãi khách. Bởi vì, thưa Tôn giả Gotama, cúng dường cho người không đọc tụng, không thông hiểu Thánh điển làm sao có quả lớn được.

Này Assalayana, nhà người nghĩ thế nào? Ở đây, có hai anh em thanh niên (Bà-la-môn) đồng mẹ khác cha; một người đọc tụng thông hiểu Thánh điển, theo ác giới, hành ác pháp; một người không đọc

tụng, không thông hiểu Thánh điển, trì giới, hành thiện pháp. Ở đây, các người Bà-la-môn cúng dường cho ai trước các vật cúng cho người chết, các thực vật tế đàn, các món ăn trong các lễ hy sinh, hay các đồ ăn đãi khách?

– Thưa Tôn giả Gotama, vị thanh niên nào không đọc tụng, không thông hiểu Thánh điển, nhưng trì giới, hành thiện pháp; ở đây, các Bà-la-môn cúng dường cho người ấy trước, các vật cúng cho người chết, các thực vật tế đàn, các món ăn trong các lễ hy sinh, hay các đồ ăn đãi khách. Bởi vì, thưa Tôn giả Gotama, cúng dường cho người theo ác giới, hành ác pháp làm sao có quả lớn được!

Này Assalayana, trước hết Ông đi về sanh chủng. Bỏ sanh chủng, Ông đi về Thánh điển. Bỏ Thánh điển, Ông đi về sự thanh tịnh của bốn giai cấp mà Ta đã chủ trương.

Nghe nói vậy, thanh niên Assalayana ngồi im lặng, ủ rũ, co vai, cúi đầu, sưng sờ, mở miệng không ra lời.

Rồi Thế Tôn sau khi biết được thanh niên Assalayana im lặng ủ rũ, co vai, cúi đầu, sưng sờ, mở miệng không ra lời, liền nói với thanh niên Assalayana:

– Thuở xưa, này Assalayana, trong khi bảy ân sĩ Bà-la-môn thảo luận trong những am thất bằng lá tại một khu rừng, ác kiến sau đây được khởi lên:

"Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên". Nay Assalayana, **ân sĩ Asita Devala được nghe**: "Trong khi bảy ân sĩ Bà-la-môn thảo luận trong những am thất bằng lá, tại một khu rừng, ác kiến sau đây được khởi lên: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... con cháu thừa tự Phạm thiên".? Ân sĩ Asita Devala, sau khi sửa soạn râu tóc, đắp y vải màu đỏ tía, đi dép với nhiều lớp (đường viền) kiên cố, cầm một cây gậy bằng vàng, liền hiện ra trong hành lang am thất của bảy vị ân sĩ Bà-la-môn. Rồi này Assalayana, ân sĩ Asita Devala đi qua, đi lại trong hành lang am thất của bảy vị ân sĩ Bà-la-môn và nói:

– "Nay những Tôn giả ân sĩ Bà-la-môn này đi đâu? Nay những Tôn giả ân sĩ Bà-la-môn này đi đâu?"
Rồi này Assalayana, bảy vị ân sĩ Bà-la-môn suy nghĩ như sau: "Kẻ kia là ai đang đi qua lại trong hành lang am thất bảy vị ân sĩ Bà-la-môn như một con bò đi vòng tròn, lại nói như sau: "Nay những vị ân sĩ Bà-la-môn này đi đâu? Nay những vị ân sĩ Bà-la-môn này đi đâu?" **Chúng ta hãy dùng chú thuật trừ yếm Ông ta".**

Rồi này Assalayana, bảy ân sĩ Bà-la-môn dùng chú thuật trừ yếm ân sĩ Asita Devala: **"Hãy trở thành tro tàn hạ liệt"**. Nhưng này Assalayana, bảy ân sĩ **càng**

dùng chú thuật trừ yểm, ản sĩ Asita Devala càng trở thành đẹp đẽ, trở thành dễ nhìn, trở thành khả ái.

Rồi này Assalayana, bảy vị ản sĩ Bà-la-môn suy nghĩ như sau: "Thật trống rỗng thay, khổ hạnh của chúng ta! Phạm hạnh của chúng ta không có hiệu quả. Trước kia, khi chúng ta dùng chú thuật trừ yểm người nào: "Hãy trở thành tro tàn hạ liệt" Người ấy trở thành tro tàn ngay. Nhưng nay chúng ta càng dùng chú thuật trừ yểm người này, người này lại càng trở nên đẹp đẽ, trở thành dễ nhìn, trở thành khả ái".

"– Khổ hạnh, chư Tôn giả, không phải trống rỗng, Phạm hạnh (quý vị) không phải không hiệu quả. Chư Tôn giả, hãy từ bỏ tâm oán hận đối với ta".

"– Có tâm oán hận nào đối với Tôn giả, chúng tôi sẽ bỏ. Tôn giả là ai?"

"– Chư Tôn giả có nghe nói đến ản sĩ Asita Devala không?"

"_ Thưa có nghe, Tôn giả".

"– Chư Tôn giả, vị ấy là ta".

Rồi này Assalayana, bảy ản sĩ Bà-la-môn đến đánh lễ ản sĩ Asita Devala. Rồi ản sĩ Asita Devala nói với bảy ản sĩ Bà-la-môn:

"– Chư Tôn giả, tôi có nghe như sau: "Trong khi bảy vị ản sĩ Bà-la-môn thảo luận tại am thất bằng lá trong khu rừng, ác tà kiến như sau khởi lên: Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là

hạ liệt. Chỉ có Bà-la-môn màu da trắng, giai cấp khác màu da đen. Chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các giai cấp phi Bà-la-môn không được như vậy. Chỉ có Bà-la-môn là con chính thống Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự Phạm thiên".

"– Thừa vâng, Tôn giả".

"– Nhưng chư Tôn giả, chư tôn giả có biết mẹ sanh của họ chỉ giao hợp với các Bà-la-môn, không với phi Bà-la-môn?"

"– Thừa không vậy, Tôn giả".

"– Nhưng chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết mẹ sanh của họ, cho đến bảy đời tổ mẫu của họ chỉ giao hợp với các Bà-la-môn, không với phi Bà-la-môn?"

"– Thừa không vậy, Tôn giả".

"– Nhưng chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết cha sanh của họ chỉ giao hợp với các nữ Bà-la-môn không với phi nữ Bà-la-môn?"

"– Thừa không vậy, Tôn giả".

"– Nhưng chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết cha sanh của họ, cho đến bảy đời tổ phụ của họ chỉ giao hợp với các nữ Bà-la-môn, không với phi Bà-la-môn?"

"– Không phải vậy, Tôn giả".

"– Chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết nhập thai là như thế nào?"

"– Thừa Tôn giả, chúng con biết nhập thai như thế này. Ở đây, mẹ cha phải giao hợp, người mẹ phải trong thời (có thể thọ sanh), hương ẩm (gandhabha) phải hiện hữu, ba sự như vậy có hòa hợp, nhập thai mới thành tựu".

"– *Chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết hương ẩm ấy là Khattiya, hay Bà-la-môn, hay Vessa, hay Sudda?*"

"– Thừa Tôn giả, chúng tôi không biết hương ẩm ấy là Khattiya, hay Bà-la-môn, hay Vessa, hay Sudda".

"– *Chư Tôn giả, sự tình là như vậy, chư Tôn giả có biết chư Tôn giả là ai không?*"

"– Thừa Tôn giả, sự tình là như vậy, chúng tôi không có biết chúng tôi là ai".

Này Assalayana, bảy vị ẩn sĩ Bà-la-môn ấy bị ẩn sĩ Asita Devala, chất vấn, cật vấn, nạn vấn về vấn đề sanh chủng (jativada) của họ, không có thể ứng đáp được. **Làm sao nay Ông bị ta chất vấn, cật vấn, nạn vấn về vấn đề sanh chủng của Ông lại có thể ứng đáp được,** khi Ông cùng một Đạo sư với họ và không có Punna, người biết sử dụng thìa đồ sữa (làm lễ tế tự).

Khi được nói vậy, thanh niên Assalayana bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Mong Tôn giả Gotama nhận

con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn
đời quy ngưỡng.

25 ATULA PAHÀRÀDA - Tăng III, 557

ATULA PAHÀRÀDA – Tăng III, 557

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Veranjà, dưới gốc cây Nalerupucimanda. Rồi vua A-tu-la Pahàràda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với vua A-tu-la Pahàràda đang đứng một bên:

- *Này Paràhàda, có phải các A-tu-la thích thú biển lớn?*

- Bạch Thế Tôn, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- *Này Paràhàda, có bao nhiêu sự vi diệu trong biển lớn mà do chúng thấy, các A-tu-la thích thú biển lớn?*

- Bạch Thế Tôn, **có tám vi diệu chưa từng có trong biển lớn** mà do chúng thấy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Thế nào là tám?

2. Bạch Thế Tôn, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Vì rằng bạch Thế Tôn, vì rằng biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng,

tuần tự sâu dần, không có thành linh như một vực thẳm, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

3. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Vì rằng bạch Thế Tôn, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ, bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ hai, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

4. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ ba, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

5. Lại nữa, bạch Thế Tôn, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Sarabhù, Sông Mahì, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn. Vì rằng, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng ... trở thành biển lớn, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ tư, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

6. Lại nữa, bạch Thế Tôn, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có voi có đầy. Vì rằng, bạch Thế Tôn, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có voi có đầy, bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

7. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

8. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như chân trâu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như chân trâu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não, bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

9. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramینگالà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình do tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn là trú xứ các loài chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramینگالà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình do tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ tám, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Nhưng bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo có thích thú trong Pháp và Luật này?

- Nay Pahàrada, Tỷ-kheo có thích thú trong Pháp và Luật này.

- Bạch Thế Tôn, trong Pháp và Luật này có bao nhiêu pháp vi diệu chưa từng có mà do thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong pháp và luật này?

10. - Nay Pahàrāda, **có tám pháp vi diệu này chưa từng có trong Pháp và Luật mà do thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong pháp và luật này.**

Thế nào là tám?

11. *Ví như, nay Pahàrāda, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lình như một vực thẳm.*

Cũng vậy, nay Pahàrāda, trong Pháp và Luật này, **các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể chấp chánh trí thành lình.** Nay Pahàrāda, vì rằng trong pháp và luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể chấp chánh trí thành lình, nên nay Pahàrāda, đây là vi diệu chưa từng có **thứ nhất** do mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

12. *Ví như, nay Pahàrāda, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ.*

Cũng vậy, nay Pahàrāda, **khi các học pháp được ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua.** Nay Pahàrāda, vì rằng các học pháp được ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của ta, dầu cho vì nhân sinh

mạng, cũng không vượt qua, nên này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ hai do mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

13. Ví như, này Pahàràda, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền.

Cũng vậy, này Pahàràda, người nào là ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn, nhưng tự nhận là Sa-môn, không phải sống Phạm hạnh nhưng tự nhận có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh. Chúng Tăng không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo Tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy.

Vì rằng, này Pahàràda, người ấy là ác giới, theo ác pháp, ... tánh tình bất tịnh ... và chúng Tăng sống xa vị ấy, nên này Pahàràda, trong pháp và luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

14. Ví như, này Pahàrāda, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông hằng, sông Yamunà, sông Aciravatì, sông Sarabhù, Sông Mahì, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn.

Cũng vậy, này Pahàrāda, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đa, sau khi từ bỏ gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố, ho từ bỏ tên và họ của họ từ trước, và ho trở thành những Sa-môn Thích tử.

Này Pahàrāda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

15. Ví như, này Pahàrāda, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có vơi có đầy.

Cũng vậy, này Pahàrāda, nếu có nhiều Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vơi có đầy.

Này Pahàrāda, nếu có nhiều vị Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vơi có đầy. Này Pahàrāda,

trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ năm mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

16. *Ví như, này Pahàràda, biển lớn chỉ có một vi măn.*

Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật cũng chỉ có một vi là vi giải thoát.

Này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ sáu mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

17. *Ví như, này Pahàràda, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như chân trâu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não.*

Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành.

Này Pahàràda, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như Bốn niệm xứ ..., Thánh đạo tám ngành,

nên này Pahàràdan, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

18. Ví như, này Pahàràda, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramingalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình do tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần.

Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật là trú xứ của các loài chúng sanh lớn. Ở đây có những chúng sanh này: bác Dư lưu, bác đã hướng đến chúng ngô Dư lưu quả, bác Nhất Lai, bác đã hướng đến chúng ngô Nhất lai quả, bác Bất lai, bác đã hướng đến chúng ngô Bất lai quả, bác A-la-hán, bác đã hướng đến chúng ngô quả A-la-hán.

Này Pahàràda, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các loại chúng sanh lớn. Ở đây có những chúng sanh này ... quả A-la-hán. Này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này Pahàràda, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và luật và do thấy vậy, do thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

26 Abhaya - Tương V, 199

Abhaya – *Tương V*, 199 (Vô úy)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại núi Linh Thứu.

2) Rồi hoàng tử Abhaya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, hoàng tử Abhaya bạch Thế Tôn:

3) -- *Bạch Thế Tôn, Pūraṇa Kassapa nói như sau: "Không có nhân, không có duyên để không biết, không thấy. Không biết, không thấy không có nhân, không có duyên. Không có nhân, không có duyên để biết, để thấy. Biết và thấy không có nhân, không có duyên". Ở đây, Thế Tôn đã nói như thế nào?*

4) -- *Này Hoàng tử, có nhân, có duyên để không biết, để không thấy. Không biết, không thấy có nhân, có duyên. Này Hoàng tử, có nhân, có duyên để biết, để thấy. Biết và thấy có nhân, có duyên.*

I

5) -- Do nhân nào, do duyên nào, bạch Thế Tôn, để không biết, để không thấy? Như thế nào không biết, không thấy có nhân, có duyên?

6) -- Nay Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham chi phối và như thật không biết, không thấy sự xuất ly khỏi dục và tham đã sanh; đây là nhân, đây là duyên, nay Hoàng tử, để không biết, để không thấy. Như vậy, không biết, không thấy có nhân, có duyên.

7) Lại nữa, nay Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị sân xâm chiếm, bị sân chi phối...

8) Lại nữa, nay Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị hôn trầm thuy miên xâm chiếm, bị hôn trầm thuy miên chi phối...

9) Lại nữa, nay Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm, bị trạo hối chi phối...

10) Lại nữa, nay Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối, và thật sự không biết, không thấy sự xuất ly khỏi nghi hoặc đã sanh; đây là nhân, đây là duyên, nay Hoàng tử, để không biết, không thấy. Như vậy, không biết, không thấy có nhân, có duyên.

11) -- *Bạch Thế Tôn, pháp môn này được gọi là gì?*

-- Đây Hoàng tử, *được gọi là các triền cái.*

-- Thật vậy, chúng là triền cái, bạch Thế Tôn. Thật vậy, chúng là triền cái, bạch Thiện Thệ. Chỉ bị chinh phục bởi một triền cái mà thôi, bạch Thế Tôn, cũng không có thể biết như thật, thấy như thật, còn nói gì bị cả năm triền cái chinh phục.

II

12) -- *Nhưng, bạch Thế Tôn, do nhân nào, do duyên nào để biết, để thấy? Như thế nào biết và thấy có nhân, có duyên?*

13) -- Ở đây, này Hoàng tử, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Vì ấy nhờ tâm được tu tập niệm giác chi nên như thật biết và thấy. Đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử, để biết, để thấy. Như vậy, biết và thấy có nhân, có duyên.

14-18) Lại nữa, này Hoàng tử, Tỷ-kheo...

19) Lại nữa, này Hoàng tử, Tỷ-kheo tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Vì ấy nhờ tâm được tu tập xả giác chi nên như thật biết và thấy. Đây là

nhân, đây là duyên để biết, để thấy. Như vậy, thấy và biết có nhân, có duyên.

20) -- Bạch Thế Tôn, *pháp môn này được gọi là gì?*

-- Nay Hoàng tử, *được gọi là các giác chi.*

-- Thật vậy, chúng là giác chi, bạch Thế Tôn. Thật vậy, chúng là giác chi, bạch Thiện Thệ. Bạch Thế Tôn, chỉ được đầy đủ với một giác chi mà thôi đã có thể như thật thấy và biết, còn nói gì đầy đủ cả bảy giác chi.

Bạch Thế Tôn, sự mệt nhọc về thân và mệt nhọc về tâm khi con leo lên núi Linh Thứu đã được khinh an, nhẹ nhàng và pháp đã được con hoàn toàn chứng đắc.

27 Acela - Tương IV, 471

Acela – Tương IV, 471 (Lỏa thê)

1). ..

2) Lúc bấy giờ lỏa thê Kassapa đã đi đến Macchikàsanda, một bạn cũ của gia chủ Citta khi còn là gia chủ.

3) Gia chủ Citta ngheỏa thê Kassapa, một bạn cũ của mình khi còn là gia chủ, đã đến Macchikàsanda.

Rồi gia chủ Citta đi đếnỏa thê Kassapa; sau khi đến, nói lên vớiỏa thê Kassapa những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

4) Ngồi một bên, gia chủ Citta nói vớiỏa thê Kassapa:

-- *Tôn giả Kassapa, Tôn giả xuất gia đã bao lâu?*

-- Nay Gia chủ, ta đã xuất gia khoảng ba mươi năm.

5) -- *Thưa Tôn giả, trong ba mươi năm ấy, Tôn giả có chứng được pháp thượng nhơn nào, tri kiến thù thắng nào xứng đáng bậc Thánh và được lạc trú?*

-- Nay Gia chủ, trong suốt ba mươi năm ấy, ta không chứng được và không được lạc trú một pháp thượng nhân nào, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, ngoại trừ sự hỏa thể, sự trọc đầu, sự phủ bụi và đất cát (pàvālanipphotana).

6) Khi nghe nói vậy, gia chủ Citta nói với hỏa thể Kassapa:

-- Thật là bất tư nghi, thật là hy hữu, **chánh pháp** được thuyết trong suốt ba mươi năm ấy, không chứng được, không được lạc trú một pháp thượng nhân nào, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh!

7) -- *Này Gia chủ, đã bao lâu Ông làm người cư sĩ?*

-- Thưa Tôn giả, tôi thành người cư sĩ đã được ba mươi năm.

8) -- *Trong suốt ba mươi năm ấy, này Gia chủ, Ông có chứng được và được lạc trú pháp thượng nhân nào, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?*

-- **Sao lại không vậy được, thưa Tôn giả! Nếu tôi muốn**, thưa Tôn giả, tôi ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Nếu tôi muốn, thưa Tôn

giả, tôi chỉ tịnh tâm và từ... chúng và trú Thiền thứ hai. Nếu tôi muốn, thừa Tôn giả, ly hỷ... tôi chúng và trú Thiền thứ ba. Nếu tôi muốn, thừa Tôn giả, đoạn tận lạc... tôi chúng và trú Thiền thứ tư. *Nếu tôi mệnh chung sớm hơn Thế Tôn, thừa Tôn giả, không có gì lạ, nếu Thế Tôn sẽ nói về tôi như sau: "Không có một kiết sử nào, do bị trói buộc bởi kiết sử ấy, Citta trở lui tại thế giới này nữa".*

9) Khi nghe nói vậy, lửa thể Kassapa nói với gia chủ Citta:

-- Thật là vi diệu, thừa Tôn giả! Thật là hy hữu, thừa Tôn giả, Chánh pháp được khéo thuyết. Một gia chủ mặc áo trắng lại có thể chúng đạt được, lại có thể lạc trú pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh! Thừa Gia chủ, **hãy cho tôi được xuất gia trong Pháp và Luật này. Hãy cho tôi thọ đại giới.**

10) Rồi gia chủ Citta đưa lửa thể Kassapa đến một số Tỷ-kheo trưởng lão; sau khi đến, thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

-- Bạch chư Thượng tọa, lửa thể Kassapa này là một người bạn của chúng con khi chúng con còn là gia chủ. Chư Thượng tọa hãy cho người này xuất gia, cho thọ đại giới. Con sẽ cố gắng cúng dường các vật

liệu như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh.

11) Lỗa thể Kassapa được xuất gia trong Pháp và Luật này, được thọ đại giới. Được thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Kassapa sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu vị ấy đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến: đó là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, tự mình chứng tri với thượng trí, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

12) Và Tôn giả Kassapa trở thành một vị A-la-hán nữa.

28 Aggika Thờ lửa - Tương I, 363

Aggika Thờ lửa – *Tương I*, 363

- 1) Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha, Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.
- 2) Lúc bảy giờ, một món ăn gồm gạo và sữa đông được sửa soạn cho Bà-la-môn Aggika Bhàradvāja để vị này sắp đặt: "Tôi sẽ tế lửa, tôi sẽ làm lễ cúng dường lửa".
- 3) Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Ràjagaha để khát thực. Trong khi đi khát thực thứ lớp ở Ràjagaha, Thế Tôn đi đến trú xứ của Bà-la-môn Aggika Bhàradvāja; sau khi đến, Thế Tôn đứng một bên.
- 4) Bà-la-môn Aggika Bhàradvāja thấy Thế Tôn đi khát thực đến, thấy vậy liền nói lên bài kệ với Thế Tôn:

*Vị đây đủ ba mình,
Thiện sanh và nghe nhiều,
Minh hạnh được trọn vẹn,
Hãy thọ món ăn này!*

(Thế Tôn):

5) *Dầu lảm bảm nhiều chú,
Nhưng không vì thọ sanh,
Được gọi Bà-la-môn.
Nội ô nhiễm bất tịnh,
Y cứ trên lừa đảo.*

*Thấy thiên giới ác thú,
Đoạn diệt được tái sanh,
Thắng trí, bậc Mâu-ni,
Đầy đủ ba minh này,
Ba minh, Bà-la-môn,
Minh hạnh được đầy đủ,
Hãy thọ món ăn này.*

6) - Mong Tôn giả thọ lãnh món ăn này. Tôn giả
Gotama thật là bậc Bà-la-môn.

(Thế Tôn):

7) *Ta **không** có hưởng thọ,
Vị tụng hát kệ chú,
Thường pháp không phải vậy,
Đôi vị có tri kiến.
Chư Phật đã loại bỏ,
Tụng hát các kệ chú,
Chân thật niệm Chánh pháp,
Sở hành là như vậy.
Bậc Đại Sĩ vẹn toàn,*

*Cúng dường phải khác biệt,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Dao động được lắng dịu.
Với những bậc như vậy,
Ăn uống phải cúng dường,
Thật chính là phước điền,
Cho những ai cầu phước.*

8) Được nghe như vậy, Bà-la-môn Aggika Bhàradvāja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay Tôn giả Gotama!...

9) Và Tôn giả Bhàradvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.

29 AlaHán 1 - Tương V, 302

AlaHán 1 – Tương V, 302

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn.

3) Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, **sau khi như thật rõ biết** sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, được giải thoát không có chấp thủ; khi ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là **vị A-la-hán**, lậu hoặc đã được đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát.

ALaHán 2 – Tương V, 303

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn.

3) Khi nào Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, **sau khi như thật rõ biết** sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự

nguy hiểm và sự xuất ly của năm căn này, **được giải thoát không có chấp thủ**; khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là **vị A-la-hán**, các lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã được đoạn tận, chánh trí, giải thoát.

30 Alava - Tương I, 471

Alava – *Tương I*, 471

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Àlavi, tại trú xứ của Dạ-xoa Alavakka.

2) Rồi Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra!

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi vào.

3) Lần thứ hai, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi vào.

4) Lần thứ ba, Dạ-xoa Alavika nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn nói và đi vào.

5) Lần thứ tư, Dạ-xoa Alavika nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

6) - Này Hiền giả, Ta không đi ra. Hãy làm gì Ông nghĩ là phải làm.

7) - Nay Sa-môn, ta sẽ hỏi Ông một câu hỏi. Nếu Ông không trả lời ta được, ta sẽ làm tâm Ông điên loạn, hay ta làm Ông bể tim, hay nắm lấy chân, ta sẽ quăng Ông qua bờ bên kia sông Hằng.

8) - Nay Hiền giả, Ta không thấy một ai, ở thế giới chư Thiên, Ma giới hay Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người có thể làm tâm Ta điên loạn, hay làm bể tim Ta hay nắm lấy chân, quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, nay Hiền giả, hãy hỏi đi như Ông muốn.

(Dạ-xoa):

9) *Cái gì đối người đời,
Là tài sản tối thượng?
Cái gì khéo hành trì,
Đem lại chơn an lạc?
Cái gì giữa các vị,
Là vị ngọt tối thượng?
Phải sống như thế nào,
Được gọi sống tối thượng?*

(Thế Tôn):

10) **Lòng tin** đối người đời,
Là tài sản tối thượng.
Chánh pháp khéo hành trì,
Đem lại chơn an lạc.

Chân lý giữa các vị,
Là vị ngọt tối thượng.
Phải **sống với trí tuệ**,
Được gọi sống tối thượng.

(Dạ-xoa):

11) *Làm sao vượt bực lưu?*
Làm sao vượt biển lớn?
Làm sao siêu khổ não?
Làm sao được thanh tịnh?

(Thế Tôn):

12) Với **tín**, vượt bực lưu.
Không phóng dật, vượt biển.
Tinh tấn, siêu khổ não.
Với Trí, được thanh tịnh.

(Dạ-xoa):

13) *Làm sao được trí tuệ?*
Làm sao được tài sản?
Làm sao đạt danh xưng?
Làm sao kết bạn hữu?
Đời này qua đời khác,
Làm sao không sầu khổ?

(Thế Tôn):

14) Ai **tin tưởng Chánh pháp**

Của bậc A-la-hán,
Pháp ấy khiến đạt được,
Niết-bàn (chơn an lạc),
Khéo học, không phóng dật,
Minh nhãn khéo phân biệt,
Nhờ hành trì như vậy,
Vị ấy **được trí tuệ**.

Làm gì khéo thích hợp,
Gánh vác các trách nhiệm,
Phấn chấn, thích hoạt động,
Như vậy **được tài sản**,

Chơn thật đạt danh xưng,
Bố thí kết bạn hữu,
Đời này qua đời khác,
Như vậy **không sầu khổ**.

Tín nam gia chủ nào,
Tìm cầu bốn pháp này,
Chơn thực và chế ngự,
Kiên trì và xả thí,
Vị ấy sau khi chết,
Không còn phải sầu khổ.
Đời này qua đời khác,
Sau chết, không sầu khổ.

Ta muốn Ông đến hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,

*Có những pháp nào khác,
Tốt hơn bốn pháp này:
Chơn thực và chế ngự,
Xả thí và kham nhẫn.*

(Dạ-xoa):

*15) Làm sao nay ta hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Khi nay ta được biết,
Nguyên nhân của đời sau.
Phật đến Alavi,
Thật lợi ích cho ta.
Nay ta được biết rõ,
Cho gì được quả lớn.
Nên ta sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đánh lễ Phật Chánh Giác,
Cùng đánh lễ Chánh pháp,
Các vị chứng **Pháp tánh**.*

31 Alavikhà - Tương I, 283

Alavikhà – Tương I, 283

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) **Tỷ-kheo-ni Alavikhà**, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, Tỷ-kheo-ni đi đến rừng Andha để tìm sự yên tĩnh viễn ly.

3) Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Alavikhà run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn nàng từ bỏ yên tĩnh viễn ly, nên đi đến Tỷ-kheo-ni Alavikhà và nói lên bài kệ:

*Đời không có xuất ly,
Sống viễn ly làm gì?
Hãy trọn hưởng dục lạc,
Chớ hối hận về sau.*

4) Tỷ-kheo-ni Alavikhà suy nghĩ: " Ai đã nói lên bài kệ này? Người hay không phải người? "

5) Tỷ-kheo-ni Alavikà suy nghĩ: " Chính Ác ma muốn làm ta run sợ, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, muốn làm ta từ bỏ yên tĩnh viễn ly nên đã nói lên bài kệ đó ".

6) Tỷ-kheo-ni Alavikà biết được: " Đây là Ác ma ", liền nói lên bài kệ:

*Ở đời có xuất ly,
Nhờ trí tuệ, ta chứng.
Này Bà con phóng dật,
Biết sao được pháp ấy?
Ái dục như kiếm thương,
Đài chém đầu các uẩn.
Điều Ông gọi dục lạc,
Ta gọi là bất lạc.*

7) Ác ma biết được: " Tỷ-kheo-ni Alavikà đã biết ta ", nên buồn khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

32 Am Tranh - Tương I, 24

Am Tranh – Tương I, 24

Ngài không có am tranh,
Ngài không có tổ ấm,
Ngài không có dây giăng,
Ngài thoát khỏi hệ phược.

(Thế Tôn):

Ta không có am tranh,
Ta không có tổ ấm,
Ta không có dây giăng,
Ta thoát khỏi hệ phược.

(Vị Thiên):

Con nói am là gì?
Nói tổ ấm là gì?
Nói dây giăng là gì?
Nói hệ phược là gì?

(Thế Tôn):

Ông nói am là mẹ,
Nói tổ ấm là vợ,
Nói dây giăng là con,
Nói hệ phược là ái.

(Vị Thiên):

Lành thay, Ngài không am!

Lành thay, không tổ ấm!

Lành thay, không dây giăng!

Lành thay, Ngài thoát phược!

33 Ambapàli - Tương V, 219

Ambapàli – Tương V, 219

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli, tại rừng Ambapàli.

2) Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

3) -- *Có con đường độc nhất này, này các Tỷ-kheo, khiến cho các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt qua được sầu bi, chấm dứt khổ ưu, chứng đạt chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn. Tức là **bốn niệm xứ**.* Thế nào là bốn?

4) -- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên **thân**, **niệt tâm**, **tỉnh giác**, **chánh niệm**, **nihiếp phục tham ưu ở đời**... trú, quán **thọ** trên các cảm thọ, **niệt tâm**, **tỉnh giác**, **chánh niệm**... trú, quán **tâm** trên **tâm**, **niệt tâm**, **tỉnh giác**... trú, quán **pháp** trên các pháp, **niệt tâm**, **tỉnh giác**, **chánh niệm**, **nihiếp phục tham ưu ở đời**.

5) Có con đường độc nhất này, này các Tỷ-kheo, khiến cho các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt qua

được sâu bi, chấm dứt khổ ưu, chúng đạt chánh lý, chúng ngộ Niết-bàn. Con đường ấy tức là bốn niệm xứ.

6) Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn nói.

34 An Cư Mùa Mưa - Tương V, 589

An Cư Mùa Mưa – *Tương V*, 589

- 1) Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anàthapindika.
- 2) Lúc bảy giờ, một Tỷ-kheo, sau khi an cư mùa mưa ở Sàvatthi xong, đi đến Kapilavatthu vì một vài công việc.
- 3) Các họ Thích ở Kapilavatthu được nghe một Tỷ-kheo, sau khi an cư mùa mưa xong ở Sàvatthi, đã đến Kapilavatthu.
- 4) Rồi các họ Thích ở Kapilavatthu đi đến Tỷ-kheo ấy; sau khi đến, đánh lễ Tỷ-kheo ấy rồi ngồi xuống một bên. Các họ Thích ở Kapilavatthu thưa với Tỷ-kheo ấy:
- 5) -- Thưa Tôn giả, Thế Tôn có sức khỏe không, có khỏe mạnh không?
- Này chư Hiền, Thế Tôn có sức khỏe, có khỏe mạnh.

-- Thừa Tôn giả, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Moggallàna có sức khỏe không, có khỏe mạnh không?

-- Nay chư Hiền, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Moggallàna có sức khỏe, có khỏe mạnh.

-- Thừa Tôn giả, chúng Tỷ-kheo có sức khỏe không, có khỏe mạnh không?

-- Nay chư Hiền, chúng Tỷ-kheo có sức khỏe, có khỏe mạnh.

6) -- Thừa Tôn giả, trong dịp an cư này, Tôn giả có tự thân nghe, tự thân lãnh thọ gì từ Thế Tôn?

-- Nay chư Hiền, tôi có tự thân nghe, tự thân lãnh thọ từ Thế Tôn như sau: *"Thật là ít, này các Tỷ-kheo, là các Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Và nhiều hơn là các Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đấy nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa".*

7) Lại nữa, nay chư Hiền, tôi tự thân nghe, tự thân lãnh thọ từ Thế Tôn như sau: *"Thật là ít, này các Tỷ-kheo, là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt năm hạ*

phân kiết sử, được hóa sanh, từ đây nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Và **nhieu** hơn là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si là **bạc Nhất lai**, chỉ một lần trở lui đời này nữa để chấm dứt khổ đau".

8) Lại nữa, này chư Hiền, tôi tự thân nghe, tự thân lãnh thọ từ Thế Tôn như sau: "Thật là **ít**, này các Tỷ-kheo, là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, thành **bạc Nhất lai**, chỉ một lần trở lui đời này nữa để chấm dứt khổ đau. Và **nhieu** hơn là những Tỷ-kheo, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, thành **bạc Dục lưu**, không còn phải thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ".

35 An Lạc - Tương II, 324

An Lạc – Tương II, 324

1) Trú ở Sàvatthi...

2) Vô thí là luân hồi này, này các Tỷ-kheo...

3) Này các Tỷ-kheo, khi các Ông thấy an lạc, may mắn, các Ông phải đi đến kết luận: "Chúng ta chịu đựng như vậy trong thời gian dài này".

4) Vì sao? Vô thí là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải** thoát đối với tất cả các **hành**.

36 An Lạc - Tương IV, 332

An Lạc – Tương IV, 332

1-2) ...

3) -- Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Đây, này các Tỷ-kheo, là ba thọ.

*1) Lạc thọ hay khổ thọ,
Cùng bất khổ bất lạc,
Nội thọ và ngoại thọ,
Phàm có cảm thọ gì.*

*2) **Biết được: "Đây là khổ",
Hư nguy và biến hoại,
Thấy xúc, xúc biến diệt,
Ở đây, sống ly tham.***

37 An Lạc - Tương IV, 573

An Lạc – *Tương IV, 573* (Sivam)...

1) -- **Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về an lạc, và về con đường đưa đến an lạc. Hãy lắng nghe.**

2) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là an lạc? Này các Tỷ-kheo, sự đoạn tận **tham**, sự đoạn tận **sân**, sự đoạn tận **si**.* *Này các Tỷ-kheo, đây gọi là an lạc.*

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến an lạc? **Thân niệm...***, *này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến an lạc.*

4) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta thuyết về an lạc, Ta thuyết về con đường đưa đến an lạc.

5) Này các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả, Ta đã làm cho các Ông.

6) Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, hãy tu tập Thiên định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

38 Ananda - Tương I, 413

Ananda – Tương I, 413

- 1) Một thời Tôn giả Ananda trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).
- 2) Rồi Tôn giả Ananda vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khất thực với Tôn giả Vangisa là Sa-môn thị giả.
- 3) *Lúc bấy giờ Tôn giả Vangisa tâm sanh bất mãn, bị lòng dục quấy phá.*
- 4) Rồi Tôn giả Vangisa nói lên bài kệ với Tôn giả Ananda:

*Dục ái đốt cháy tôi,
Tâm tôi bị thiêu cháy.
Thật là điều tốt lành,
Đệ tử Gotama,
Vì lòng từ thương tưởng,
Nói pháp tiêu lửa hừng.*

(Ananda):

*5) Chính vì điên đảo tưởng,
Tâm Ông bị thiêu đốt,
Hãy từ bỏ tịnh tưởng,*

Hệ lụy đến tham dục,
Nhìn các hành **vô thường**,
Khổ đau, **không phải ngã**,
Dập tắt đại tham dục,
Chớ để bị cháy dài;
Hãy tu tâm **bất tịnh**,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Tu tập **thân niệm trú**,
Hành nhiều **hạnh yếm ly**;
Hãy tập **hạnh vô tướng**,
Đoạn diệt **mạn tùy miên**,
Nhờ quán sâu kiêu mạn,
Hạnh Ông được an tịnh.

39 Ananda - Tương I, 438

Ananda – Tương I, 438

1) Một thời, Tôn giả Ananda trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

2) Lúc bảy giờ, Tôn giả Ananda sống quá bận rộn bởi nhiều liên hệ với cư sĩ.

3) Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy thương xót Tôn giả Ananda, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến Tôn giả Ananda. Sau khi đến, vị ấy nói lên những bài kệ với Tôn giả Ananda:

*Ông đã quyết lựa chọn,
Đời sống dưới gốc cây,
Tâm Ông quyết nhập một
Với mục đích Niết-bàn.
Cù-đàm, hãy Thiên tư,
Và sống, chớ phóng dật,
Đối với Ông, ích gì,
Tạp thoại, vô vị ấy?*

4) Tôn giả Ananda, được vị Thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

40 Ananda - Tương III, 191

Ananda – Tương III, 191

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Ananda ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Ở đây, Tôn giả Ananda gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.

- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda nói như sau:

3) - **Chư Hiền giả, Tôn giả Punna Mantaniputta, lúc chúng ta mới tu học, đã giúp đỡ chúng ta nhiều. Vị ấy giáo giới chúng ta với lời giáo giới này: *Này Hiền giả Ananda, do chấp thủ, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ.***

4) *Do chấp thủ gì, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ?*

Do chấp thủ sắc, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ. Do chấp thủ **thọ... tưởng...** các

hành... Do chấp thủ **thức**, khởi lên (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ.

5) *Này Hiền giả Ananda, ví như một người đàn bà hay người đàn ông, hay người trẻ tuổi, ưa thích trang điểm, ngấm bóng mặt của mình trong một tấm gương sạch sẽ, trong sáng, hay trong một bát nước trong, thấy được do duyên chấp thủ, không phải không chấp thủ.* Cũng vậy, này Hiền giả Ananda, do chấp thủ sắc, nên có (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ. Do chấp thủ thọ... tưởng... các hành... do chấp thủ thức, nên có (tư tưởng) "Tôi là", không phải không chấp thủ.

6) *Hiền giả Ananda, Hiền giả nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?*

- Là vô thường, Hiền giả.

7-10) Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, Hiền giả.

11-12) - Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự

giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

13) Chư Hiền giả, Tôn giả Punna Mantàniputta, khi chúng tôi mới tu học, đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều. Tôn giả ấy giảng cho chúng tôi lời giáo giới này. Sau khi nghe Tôn giả Punna Mantàniputta thuyết pháp, chúng tôi hoàn toàn chứng tri (Chánh) pháp.

Ananda – Tương III, 327

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi...
- 2) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến...
bạch Thế Tôn:
- 3) -- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, để sau khi nghe pháp, con sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.
- 4) -- *Ông nghĩ thế nào, này Ananda, sắc là thường hay vô thường?*
-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.
-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
-- Là khổ, bạch Thế Tôn.
-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này tự ngã của tôi"?
-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

5-8) -- **Thọ... Tưởng... Các hành... Thức** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi "?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

9) **Thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử **nhàm chán** đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... **nhàm chán** đối với thức. Do **nhàm chán**, vị ấy **ly tham**. Do ly tham, vị ấy **giải thoát**. Trong sự **giải thoát**, **trí** khởi lên: "*Ta đã được giải thoát*". Vị ấy **biết rõ**: "*Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa*".

42 Ananda - Tương III, 51

Ananda – Tương III, 51

- 1) Ở tại Sàvatthi... trong vườn...
- 2) Lúc bảy giờ Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.
- 3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- "Đoạn diệt, đoạn diệt", bạch Thế Tôn, chúng con được nghe nói đến. Do đoạn diệt những pháp nào, bạch Thế Tôn, được gọi là đoạn diệt?
- 4) **Sắc**, này Ananda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của sắc được gọi là đoạn diệt.
- 5) **Thọ**, này Ananda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của thọ được gọi là đoạn diệt.
- 6-7) **Tưởng**, này Ananda, là vô thường...

Các **hành**, này Ananda, là vô thường...

8) **Thức**, này Ananda, là vô thường, hữu vi, do nhân duyên sanh khởi, chịu sự đoạn tận, chịu sự hoại diệt, chịu sự ly tham, chịu sự đoạn diệt. Sự đoạn diệt của thức được gọi là đoạn diệt.

9) Sự đoạn diệt của những pháp này, này Ananda, được gọi là đoạn diệt.

43 Ananda - Tương III, 75

Ananda – Tương III, 75

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

*- Này Ananda, nếu có người hỏi Ông: "Này Hiền giả Ananda, những pháp nào **sự sanh khởi** được thấy rõ, **sự diệt mất** được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Nếu được hỏi vậy, này Ananda, Ông trả lời như thế nào?*

4) -Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: "Này Hiền giả Ananda, những pháp nào sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như sau:

5) "Trong **sắc**, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong **thọ**... Trong **tướng**... Trong các **hành**... Trong **thức**, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ". Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như vậy.

6) -**Lành thay, lành thay, này Ananda!** Này Ananda, trong sắc sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong thọ... Trong tưởng... Trong các hành... Trong thức, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Này Ananda, trong những pháp này, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. **Được hỏi vậy, Này Ananda, Ông phải trả lời như vậy.**

44 Ananda - Tương III, 76

Ananda – Tương III, 76

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) *Này Ananda, nếu Ông được hỏi như sau: "Trong những pháp nào, này Hiền giả Ananda, **sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ?** Trong những pháp nào sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Được hỏi như vậy, này Ananda, Ông trả lời như thế nào?*

4) -Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi như sau: "Trong những pháp nào, này Hiền giả Ananda, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ? Trong những pháp nào, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau:

5) "Đối với **sắc quá khứ**, này Hiền giả, **đã đoạn diệt**, đã biến hoại, đối với sắc ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với **thọ** quá khứ, đã đoạn diệt, đã biến hoại, sự sanh khởi của thọ ấy được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với **tưởng**... Đối với các **hành**... Đối với **thức quá khứ**, đã đoạn diệt, đã biến hoại, sự sanh khởi của thức ấy đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Trong những pháp này, Này Hiền giả, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ.

6) Đối với **sắc chưa sanh**, này Hiền giả, **chưa hiện hữu**, trong sắc ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với **thọ chưa sanh**, chưa hiện hữu, trong thọ ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với **tưởng**... Đối với các **hành**... Đối với **thức chưa sanh**, chưa hiện hữu, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Trong những pháp này, này Hiền giả, sự sanh khởi

sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ.

7) Đối với **sắc đã sanh**, này Hiền giả, **đã hiện hữu**, trong sắc ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Đối với **thọ đã sanh**, đã hiện hữu... Đối với **tưởng đã sanh**, đã hiện hữu... Đối với các **hành đã sanh**, đã hiện hữu... Đối với **thức đã sanh**, đã hiện hữu, trong thức ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ. Trong những pháp này, này Hiền giả, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ ".

Nếu con được hỏi như vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như vậy.

8) -**Lành thay, lành thay, này Ananda!** Này Ananda, đối với sắc thuộc quá khứ đã đoạn diệt, đã biến hoại; đối với sắc ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức, thuộc quá khứ đã đoạn diệt, đã biến hoại, trong thức ấy, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự diệt mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ. Trong các pháp này, này Ananda, sự sanh khởi đã được thấy rõ, sự biến

mất đã được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi đã được thấy rõ.

9) Đối với sắc chưa sanh, này Ananda, chưa hiện hữu, trong sắc ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức chưa sanh khởi, chưa hiện hữu, trong thức ấy, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ. Đối với những pháp này, này Ananda, sự sanh khởi sẽ được thấy rõ, sự diệt mất sẽ được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi sẽ được thấy rõ.

10) Đối với sắc đã sanh, này Ananda, đã hiện hữu, đối với sắc ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Đối với thọ... Đối với tưởng... Đối với các hành... Đối với thức đã sanh, đã hiện hữu, đối với thức ấy, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. Trong những pháp này, sự sanh khởi được thấy rõ, sự diệt mất được thấy rõ, trong khi tồn tại, sự biến đổi được thấy rõ. **Được hỏi như vậy, này Ananda, Ông cần phải trả lời như vậy.**

45 Ananda - Tương IV, 619

Ananda – *Tương IV, 619* (hay Sự có mặt của ngã)

1). ..

2) Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, du sĩ Vacchagotta thưa với Thế Tôn:

-- Thưa Tôn giả Gotama, có tự ngã không?

Khi được hỏi vậy, **Thế Tôn im lặng.**

-- Thưa Tôn giả Gotama, có tự ngã không?

Lần thứ hai, Tôn giả Gotama giữ im lặng.

Rồi du sĩ Vacchagotta từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

4) Rồi Tôn giả Ananda, sau khi du sĩ Vacchagotta ra đi không bao lâu, liền bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn không trả lời câu hỏi của du sĩ Vacchagotta?

5) -- *Này Ananda, nếu được hỏi: "Có tự ngã không?", và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: "Có tự ngã", như vậy, này Ananda, thuộc về phái các Sa-môn, Bà-la-môn chấp thường kiến.*

6) *Và này Ananda, nếu được hỏi: "Có phải không có tự ngã?" và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: "Không có tự ngã", như vậy, này Ananda, là thuộc về phái các Sa-môn, Bà-la-môn chấp đoạn kiến.*

7) *Lại nữa, này Ananda, nếu được hỏi: "Có tự ngã không?" và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: "Có tự ngã", như vậy, câu trả lời của Ta có phù hợp với trí khởi lên rằng: "Tất cả các pháp là vô ngã"?*

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

8) -- *Lại nữa, này Ananda, nếu được hỏi: "Có phải không có tự ngã?" và Ta trả lời cho du sĩ Vacchagotta là: "Không có tự ngã", như vậy, này Ananda, lại làm cho du sĩ Vacchagotta càng ngờ ngác bối rối hơn nữa: "Trước đây ta có tự ngã, nay không có tự ngã nữa".*

46 Ananda - Tương V, 491

Ananda – Tương V, 491

1-2) Sàvatthi...

Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

3) -- *Bạch Thế Tôn, có **một** pháp nào được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn **bốn** pháp? Bốn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn **bảy** pháp? Bảy pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn **hai** pháp?*

-- Này Ananda, **có** một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bốn pháp. Bốn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bảy pháp. Bảy pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn hai pháp.

4) -- *Một pháp ấy là gì, bạch Thế Tôn, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bốn pháp? Bốn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bảy pháp? Bảy pháp được tu tập được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn hai pháp?*

-- Này Ananda,

- **Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra** được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn **Bốn niệm xứ**.
- Bốn niệm xứ được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn **Bảy giác chi**.
- Bảy giác chi được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn **Minh và Giải thoát**.

I

5) **Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, làm cho viên mãn Bốn niệm xứ?**

6-12) Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt; vị ấy chánh niệm hơi thở vô, chánh niệm hơi thở ra.

- Tỷ-kheo **thở vô dài**, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô dài".
- Hay khi Tỷ-kheo thở ra dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra dài".
- Hay khi Tỷ-kheo **thở vô ngắn**, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô ngắn".

- Hay khi Tỷ-kheo thở ra ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra ngắn".
- "**Cảm giác toàn thân**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**An tịnh thân hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Cảm giác hỷ thọ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Cảm giác lạc thọ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Cảm giác tâm hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**An tịnh tâm hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Cảm giác về tâm**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Với tâm hân hoan**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Với tâm định tĩnh**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Với tâm giải thoát**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

- Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "Quán ly tham, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

13-14) Lúc nào, này Ananda,

- Tỷ-kheo **thở vô dài**, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô dài".
- Hay khi Tỷ-kheo thở ra dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra dài".
- Hay khi Tỷ-kheo **thở vô ngắn**, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô ngắn".
- Hay khi Tỷ-kheo thở ra ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra ngắn".
- "**Cảm giác toàn thân**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**An tịnh thân hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Này Ananda, sống **quán thân** trên thân, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vì sao?

Này Ananda, **Ta tuyên bố rằng, tùy thuộc về thân, tức là hơi thở vô, hơi thở ra.** Do vậy, này Ananda, quán thân trên thân, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

15-16) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo:

- "**Cảm giác hỷ thọ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "**Cảm giác hỷ thọ**, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Cảm giác lạc thọ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "**Cảm giác lạc thọ**, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Cảm giác tâm hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "**Cảm giác tâm hành**, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**An tịnh tâm hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "**An tịnh tâm hành**, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Trong khi **quán thọ** trên các cảm thọ, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vì sao?

Này Ananda, **Ta tuyên bố rằng, tùy thuộc về thọ, tức là hơi thở vô, hơi thở ra, được khéo tác ý.** Do vậy,

này Ananda, quán thọ trên các cảm thọ, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

17-18) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo:

- "**Cảm giác về tâm**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "**Cảm giác về tâm**, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Với tâm hân hoan**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "**Với tâm hân hoan**, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Với tâm định tĩnh**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "**Với tâm định tĩnh**, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Với tâm giải thoát**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "**Với tâm giải thoát**, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Trong khi **quán tâm** trên tâm, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vì sao?

Này Ananda, **Ta tuyên bố rằng sự tu tập chánh niệm hơi thở vô, hơi thở ra không phải cho người thất niệm và không tỉnh giác.** Do vậy, này Ananda, quán tâm trên tâm, Tỷ-kheo trong khi ấy, trú nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

19) Trong khi Tỷ-kheo, này Ananda,

- "**Quán vô thường**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

- "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Quán ly tham**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Quán đoạn diệt**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "**Quán từ bỏ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Trong khi **quán pháp** trên các pháp, này Ananda, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời, đoạn tận các tham ưu; **sau khi thấy với trí tuệ, vị ấy khéo trú xả**. Do vậy, này Ananda, quán pháp trên các pháp, Tỷ-kheo trú như vậy, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

20) **Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này Ananda, được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, làm viên mãn Bốn niệm xứ.**

II

21) **Tu tập như thế nào, này Ananda, làm cho sung mãn như thế nào, Bốn niệm xứ làm cho viên mãn Bảy giác chi?**

22) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo trú, quán **thân** trên thân, **niệm** được an trú; khi ấy, này Ananda, Tỷ-kheo có niệm, không phải thất niệm.

- Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo an trú niệm, không phải thất niệm, thời niệm giác chi, đối với Tỷ-kheo ấy được thành tựu.
- Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, niệm giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn. Vì ấy trú chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát, thành tựu quán pháp ấy.

23) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo sống chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết **trạch**, tư sát và đi đến quán sát ấy; khi ấy, này Ananda, trạch pháp giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

- Trong khi Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi; khi ấy, nhờ tu tập, trạch pháp giác chi đi đến viên mãn.
- Trong khi vị ấy với trí tuệ, quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời tinh tấn, không thụ động bắt đầu phát khởi nơi vị ấy.

24) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời **tinh tấn**, không thụ động phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

- Trong khi Tỷ-kheo tu tập tinh tấn giác chi; khi ấy, nhờ tu tập, tinh tấn giác chi đi đến viên mãn.
- Với vị có tinh cần, có tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên.

25) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo tinh cần, tinh tấn, **hỷ không** liên hệ đến vật chất khởi lên; khi ấy, hỷ giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

- Trong khi Tỷ-kheo tu tập hỷ giác chi; khi ấy, nhờ tu tập, hỷ giác chi đi đến viên mãn.
- Với vị có ý hoan hỷ, thân được khinh an, tâm được khinh an.

26) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo với ý hoan hỷ, thân được **khinh an**, tâm được khinh an; khi ấy, khinh an giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

- Trong khi Tỷ-kheo tu tập khinh an giác chi; khi ấy, nhờ tu tập, khinh an giác chi đi đến viên mãn.
- Với vị có thân khinh an, lạc hiện hữu.
- Với vị có lạc, tâm được định tĩnh.

27) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo có tâm khinh an, được an lạc, tâm được **định** tĩnh; khi ấy, này các

Tỷ-kheo, định giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

- Trong khi, Tỷ-kheo tu tập định giác chi; khi ấy, định giác chi, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.
- Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy, khéo trú xả nhìn sự vật.

29) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo với tâm định tĩnh khéo trú **xả** nhìn sự vật như vậy; khi ấy, này Ananda, xả giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

- Trong khi Tỷ-kheo tu tập xả giác chi; khi ấy, xả giác chi, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

29-31) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo trú, quán **thọ** trên các cảm thọ... quán **tâm** trên tâm... quán **pháp** trên các pháp... (như trên, từ đoạn số 22-28)

32) *Tu tập như vậy, này Ananda, làm cho sung mãn như vậy, **Bốn niệm xứ** làm viên mãn **Bảy giác chi**.*

III.

33) *Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, **Bảy giác chi** làm viên mãn **Minh và Giải thoát**?*

34) Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo tu tập **niệm giác chi** liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập **xả giác chi** liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

35) *Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, **Bảy giác chi** làm viên mãn **Minh** và **giải thoát**.*

47 Andhakavinda - Tương I, 338

Andhakavinda – Tương I, 338

- 1) Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại Andhakavinda.
- 2) Lúc bảy giờ Thế Tôn ngồi ở ngoài trời, trong bóng đêm, trong khi trời mưa từng hạt một.
- 3) Rồi **Phạm thiên Sahampati**, trong khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Andhakavinda, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.
- 4) Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Hãy ở chỗ núi non,
Xa vắng các xóm làng,
Hãy sống đời giải thoát,
Tì bỏ các kiết sử!*

*Nếu tại đây không đạt
Điều Ông ưa, Ông thích,
Hãy sống giữa chúng Tăng,
Hộ trì, giữ chánh niệm,
Và bộ hành khát thực,*

*Nhà này đến nhà khác,
Các căn được hộ trì,
Thận trọng, giữ chánh niệm.*

*Hãy ở chỗ núi non,
Xa vắng các xóm làng,
Thoát ly mọi sợ hãi,
Vô úy, sống giải thoát.*

*Những chỗ có rắn độc,
Có đêm chớp, sấm vang,
Trong đêm đen tối mịt,
Vị Tỷ-kheo lặng ngòi,
Không run, không hoảng sợ,
Lông tóc không dựng ngược,
Chính mắt con thấy vậy,
Không phải chỉ nghe đồn.
Chính trong một Phạm hạnh,
Ngàn người thoát tử thân.
*Hơn năm trăm hữu học,
Mười, mười lần một trăm,
Tất cả chứng Dự lưu,
Khởi sanh loại bàng sanh.
Còn các vị còn lại,
Theo con đều hưởng phước,
Con đếm không kể xiết,
Sợ rơi vào vọng ngữ.**

48 Anh - Tương II, 328

Anh – Tương II, 328

1) Trú tại Sàvatthi.

2) Nay các Tỷ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh, trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm **anh**.

3) Vì sao? Vô thỉ là luân hồi, nay các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, nay các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, nay các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải thoát** đối với tất cả các **hành**.

49 Anuruddha - Tương I, 439

Anuruddha – Tương I, 439

1) Một thời Tôn giả Anuruddha trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

2) Rồi một Thiên nữ ở chúng Tàvatimsa, tên là Jàlinii, đời trước là vợ của Tôn giả Anuruddha, đi đến Tôn giả Anuruddha.

3) Sau khi đến, vị ấy nói lên bài kệ với Tôn giả Anuruddha:

*Hãy hướng tâm tư Ông,
Vào đời trước của Ông,
Giữa Tam thập tam thiên,
Mọi ái dục thành tựu,
Và Ông được chói sáng,
Giữa Thiên nữ đoanh vây.*

(Anuruddha):

4) Bất hạnh thay Thiên nữ,
Họ kiên trú **thân kiến**,
Cũng bất hạnh, họ sanh,
Bị Thiên nữ chinh phục.

(Jàlinii):

5) *Họ chưa biết hạnh phúc,
Chưa thấy Dandana,
Trú xứ các Thiên nhơn,
Danh xưng giới Tam thập.
(Anuruddha):*

6) *Kẻ ngu, Bà không biết,
Lời nói bậc La-hán,
Mọi hành là vô thường,
Phải chịu luật sanh diệt,
Chúng sanh rồi chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

*Hiện nay đối với ta,
Không còn chỗ trú xứ,
Trên cảnh giới chư Thiên,
Ôi này Jàlinì!
Đường sanh tử đứt đoạn,
Nay tái sanh không còn.*

50 Anuràdha - Tương III, 210

Anuràdha – Tương III, 210

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Vesàli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Anuràdha ở một cái chòi trong rừng, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

3) Rồi nhiều ngoại đạo du sĩ đi đến Tôn giả Anuràdha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuràdha những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, các ngoại đạo du sĩ ấy nói với Tôn giả Anuràdha:

- Này Hiền giả Anuràdha, bậc Như Lai ấy là Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được Tối thắng quả, bậc Như Lai ấy, được xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: "Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

5) Được nói vậy, Tôn giả Anuràdha nói với các ngoại đạo du sĩ ấy:

- Nay Chư Hiền, bậc Như Lai, Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, bậc đã đạt được Tối thắng quả, **bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau:** "Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

6) Được nghe nói vậy, các ngoại đạo du sĩ nói với Tôn giả Anuràdha như sau:

- Hoặc là vị Tỷ-kheo này mới tu học, xuất gia không bao lâu. Hay vị này là vị Trưởng lão, nhưng ngu dốt không có học tập.

7) Rồi các ngoại đạo du sĩ ấy sau khi chỉ trích Tôn giả Anuràdha là mới tu học, là ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

8) **Rồi Tôn giả Anuràdha, sau khi các ngoại đạo du sĩ ấy ra đi không bao lâu, liền suy nghĩ như sau:** "*Nếu ngoại đạo du sĩ ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các ngoại đạo du sĩ ấy, ta nói lên quan điểm của Thế Tôn, ta không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, ta có thể trả*

lời tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp, nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quả trách".

9) Rồi Tôn giả Anuràdha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

10) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuràdha bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con ở trong một cái chòi trong rừng không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi bạch Thế Tôn, nhiều ngoại đạo du sĩ đi đến con; sau khi đến... nói với con như sau: "Này Hiền giả Anuràdha, bậc Như Lai ấy là Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được Tối thắng quả, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: ‘Như Lai tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết’".

11) Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các ngoại đạo du sĩ ấy như sau: "Này chư Hiền. .. không tồn tại sau khi chết".

12) Được nghe nói vậy, các ngoại đạo du sĩ nói với con: "Hoặc là Tỷ-kheo này mới học... nhưng ngu dốt, không có học tập".

13) Rồi các ngoại đạo du sĩ ấy sau khi chỉ trích con là mới tu học... liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

14) Rồi bạch Thế Tôn, sau khi các ngoại đạo du sĩ ấy ra đi không bao lâu, con liền suy nghĩ như sau: "Nếu các ngoại đạo du sĩ ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các ngoại đạo du sĩ ấy, ta nói lên quan điểm của Thế Tôn. Ta không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, ta có thể trả lời với tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp, nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quở trách".

15) - *Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, sắc là thường hay vô thường?*

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
- Là khổ, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?
- Thừa không, bạch Thế Tôn.
- Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
- Là khổ, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?
- Thừa không, bạch Thế Tôn.

16-17) - Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "*Ta đã được giải thoát*". Vị ấy biết rõ: "*Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa*".

18) - Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "*Sắc là Như Lai không?*"

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "*Thọ... tưởng... các hành... thức là Như Lai không?*"

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

19) Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "*Như Lai ở trong sắc không?*"

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: "*Như Lai ở ngoài sắc không*"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: "*Như lai ở trong thọ... ở ngoài thọ... ở trong tưởng... ở ngoài tưởng... ở trong các hành... ở ngoài các hành... ở trong thức không*"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: "*Như Lai ở ngoài thức không*"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "*Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Như Lai không*"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

20) - Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "*Cái phi sắc, phi thọ, phi tưởng, phi hành, phi thức là Như Lai không*"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

21) Và ở đây, này Anuràdha, **ngay trong hiện tại không** tìm được một Như Lai thường còn, thường trú, **thời có hợp lý chẳng khi Ông trả lời**: "Này chư Hiền, vị Như Lai nào là bậc Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được quả Tối thắng, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp

như sau: ‘Nhu Lai tồn tại sau khi chết; Nhu Lai không tồn tại sau khi chết; Nhu Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết’”?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

22) -Lành thay, lành thay, này Anuràdha! **Trước kia và nay, này Anuràdha, Ta chỉ tuyên bố khổ và đoạn diệt khổ.**

51 Anuràdha, 584

Anuràdha – Tương IV, 584

- 1) Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm, ở Trùng Các giảng đường.
- 2) Lúc bấy giờ Tôn giả Anuràdha đang ở một ngôi chòi trong rừng không xa Thế Tôn bao nhiêu.
- 3) Rồi rất nhiều du sĩ ngoại đạo đi đến Tôn giả Anuràdha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuràdha những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.
- 4) Ngồi một bên, các ngoại đạo du sĩ ấy thưa với Tôn giả Anuràdha:

-- Nay Hiền giả Anuràdha, Như Lai là bậc Thượng Nhân, là bậc Tối thắng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy đã được trình bày dưới bốn trường hợp: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

-- Thừa chư Hiền, Như Lai ấy là bậc Thượng nhân, bậc Tối thắng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy được trình bày ngoài bốn trường hợp sau đây: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Khi được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Tôn giả Anuràdha:

-- Tỷ-kheo này có lẽ là mới tu, xuất gia không bao lâu. Hay nếu là vị trưởng lão, thời vị này là ngu si, không có thông minh.

5) Các du sĩ ngoại đạo ấy, sau khi chê trách (apasàdetvā) Tôn giả Anuràdha là người mới tu và ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

6) Rồi Tôn giả Anuràdha, sau khi các du sĩ ngoại đạo ấy ra đi không bao lâu, liền suy nghĩ: "Nếu các du sĩ ngoại đạo ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để câu ta trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy là đúng với lời Thế Tôn, ta không có xuyên tạc Thế tôn với điều không thật. Ta trả lời đúng pháp, thuận pháp, và những ai nói lời tương ứng đúng pháp, không có cơ hội để chỉ trích".

7) Rồi Tôn giả Anuràdha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

8) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuràdha bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, con trú trong một ngôi chòi trong rừng, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi, bạch Thế Tôn, rất nhiều du sĩ ngoại đạo đi đến con, sau khi đến, nói lên với con những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với con: "Này Hiền giả Anuràdha, Như Lai là bậc Thượng nhân, là bậc Tối thắng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy đã được trình bày dưới bốn trường hợp: ‘Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết’". Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, con nói với các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Thưa chư Hiền, Như Lai là bậc Thượng nhân, là bậc Tối thắng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thắng. Bậc Như Lai ấy được trình bày ngoài bốn trường hợp như sau: ‘Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi

chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"". Khi được nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với con: "Tỷ-kheo này có lẽ là mới tu, xuất gia chưa bao lâu. Hay nếu là vị trưởng lão, thời vị này là ngu si, không có thông minh". Các du sĩ ngoại đạo ấy, sau khi chê trách con là người mới tu và ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

9) Bạch Thế Tôn, khi các vị du sĩ ngoại đạo ấy đi không bao lâu con suy nghĩ như sau: *"Nếu các vị du sĩ ngoại đạo ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để câu trả lời của ta cho các du sĩ ngoại đạo ấy là đúng với lời Thế Tôn, ta không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật. Ta trả lời đúng pháp, thuận pháp và những ai nói lời tương ưng đúng pháp, không có cơ hội để chỉ trích"*.

10)-- Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, **sắc** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý **chăng** khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- **Thọ** là thường hay vô thường?... **Tưởng** là thường hay vô thường?... Các **hành** là thường hay vô thường?... **Thức** là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý **chăng** khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

11) -- **Do vậy**, này Anuràdha, **phàm có sắc** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; **tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ rằng**: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của tôi". Phàm có **thọ** gì, quá khứ, vị lai, hiện tại... Phàm có **tưởng** gì... Phàm

có các **hành** gì... Phàm có **thức** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi. Cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã của tôi".

12) **Thấy vậy**, này Anuràdha, vị Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với sắc, nhằm chán đối với thọ, nhằm chán đối với tưởng, nhằm chán đối với các hành, nhằm chán đối với thức. Do nhằm chán nên vị ấy ly tham. Do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

13) Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán **sắc** là Như Lai không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán **thọ** là Như Lai không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán **tưởng** là Như Lai không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán các **hành** là Như Lai không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán **thức** là Như Lai không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14-18) -- Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán Như Lai **ở trong** sắc không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán Như Lai **ở ngoài** sắc không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán Như Lai ở trong thọ không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán Như Lai ở ngoài thọ không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán Như Lai ở trong tưởng không?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán Như Lai ở ngoài tưởng không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán Như Lai ở trong các hành không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán Như Lai ở ngoài các hành không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán Như Lai ở trong thức không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán Như Lai ở ngoài thức không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

19-20) -- Ông nghĩ như thế nào, này Anuràdha, Ông có quán Như Lai là sắc, thọ, tưởng, hành, thức hay không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Ông có quán Như Lai là không có sắc, không có thọ, không có tưởng, không có các hành, không có thức hay không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

21) -- Ở đây, này Anuràdha, Ông ngay trong hiện tại không có nắm được Như Lai một cách chân thật, một cách xác chứng, thời có hợp lý chăng khi Ông tuyên bố về Như Lai rằng: "Thưa chư Hiền, Như Lai là bậc Thượng nhân, là bậc Tối thắng nhân, là bậc đã đạt được địa vị tối thượng. Bậc Như Lai ấy được biết đến ngoài bốn trường hợp sau đây: ‘Như Lai có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Hay Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết’".

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

22) -- Lành thay, lành thay! Này Anuràdha. *Trước đây và hiện nay, này Anuràdha, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.*

52 Anàthapindika Cấp Cô Độc - Tương I, 128

Anàthapindika Cấp Cô Độc – *Tương I, 128*

1) Đứng một bên, **Thiên tử Cấp Cô Độc** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đáng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.*

*Nghiệp, minh và tâm pháp,
Giới và tối thắng mạng,
Chính những diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ,
Không phải vì tài sản.*

*Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.
Như ngài Xá-lợi-phất,
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.*

2) Thiên tử Anàthapindika nói như vậy, nói vậy xong, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ ấy.

3) Rồi Thế Tôn sau khi đêm ấy đã qua, liền gọi các Tỷ-kheo và nói:

4) Nay các Tỷ-kheo, đêm nay có Thiên tử, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, nay các Tỷ-kheo, vị Thiên tử ấy nói lên bài kệ này trước mặt Ta:

*5) "Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đáng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.*

*Nghiệp, minh và tâm pháp,
Giới và tối thắng mạng,
Chính những diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ,
Không phải vì tài sản.*

*Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.*

*Như ngài Xá-lợi-phất,
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng."*

6) Nay các Tỷ-kheo, Thiên tử ấy nói như vậy, nói vậy xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

7) Được nghe nói như vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có phải vị Thiên tử ấy là Anàthapindika? Gia chủ Anàthapindika hết dạ tín thành đối với Tôn giả Sàriputta?

8) - Lành thay! Lành thay! Nay Ananda, **cho đến những gì có thể đạt được nhờ suy diễn, này Ananda, Ông đã đạt được.** Nay Ananda, Anàthapindika là vị Thiên tử ấy.

53 Ao Hồ - Tương V, 665

Ao Hồ – Tương V, 665

1) ...

2) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, có một hồ nước bề dài năm mươi do tuần, bề rộng năm mươi do tuần, bề sâu năm mươi do tuần, đầy nước tràn trên bờ để con quạ có thể uống được. Từ nơi hồ nước ấy, có người lấy lên một ít nước trên đầu ngọn cỏ kusa.*

3) *Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một ít nước lấy lên trên đầu ngọn cỏ kusa, hay là nước trong hồ nước?*

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là nước trong hồ nước. Còn ít hơn là nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ kusa. Chúng không có thể ước tính, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước ở hồ nước với nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ kusa.

4) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, được tiêu mòn này; và rất ít là khổ còn tồn tại, không có thể ước tính, không có thể so sánh, không

*có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn, tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: "**Đây là Khổ**"... đã rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".*

5) Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "**Đây là Khổ**". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

54 Arittha - Tương V, 469

Arittha – Tương V, 469

1-2) Tại Sàvatthi. Tại đây, Thế Tôn... nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, các Ông **hãy tu tập** niệm hơi thở vô, hơi thở ra.

3) Khi được nói vậy, Tôn giả Arittha bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, con có tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra.

-- *Này Arittha, Ông tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra như thế nào?*

4) -- Bạch Thế Tôn, đối với các dục (kàma) quá khứ, con đoạn trừ dục tham (kàmacchanda). Đối với dục tương lai, con từ bỏ dục tham. Đối ngại tưởng (pàtighasanna), đối với nội ngoại pháp, được khéo nhiếp phục nơi con. Chánh niệm, con thở vô. Chánh niệm, con thở ra. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm hơi thở vô, hơi thở ra.

5) -- **Đây cũng** là niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này Arittha, nhưng Ta tuyên bố là **không phải**. Này Arittha, Ta sẽ nói cho Ông như thế nào là niệm hơi

thở vô, hơi thở ra, được phát triển, được làm cho viên mãn. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Arittha vâng đáp Thế Tôn.

6) Thế Tôn nói như sau:

-- *Này Arittha, niệm hơi thở vô, hơi thở ra được phát triển, làm cho viên mãn như thế nào?*

7-13) Ở đây, này Arittha, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt; vị ấy chánh niệm hơi thở vô, chánh niệm hơi thở ra.

1. **Thở vô dài**, vị ấy **rõ biết**: "Tôi thở vô dài".
 - Thở ra dài, vị ấy **rõ biết**: "Tôi thở ra dài".
2. **Thở vô ngắn**, vị ấy **rõ biết**: "Tôi thở vô ngắn".
 - Thở ra ngắn, vị ấy **rõ biết**: "Tôi thở ra ngắn".
3. **"Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô"**, vị ấy **tập**.
 - "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy **tập**.
4. **"An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô"**, vị ấy **tập**.
 - "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy **tập**.
5. **"Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô"**, vị ấy **tập**.

- "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- 6. "**Cảm giác lạc thọ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy **tập**.
- 7. "**Cảm giác tâm hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- 8. "**An tịnh tâm hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- 9. "**Cảm giác về tâm**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- 10. "**Với tâm hân hoan**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- 11. "**Với tâm định tĩnh**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- 12. "**Với tâm giải thoát**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- 13. "**Quán vô thường**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- 14. "**Quán ly tham**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- 15. "**Quán đoạn diệt**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- 16. "**Quán từ bỏ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
- "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

14) Như vậy, này Arittha, niệm hơi thở vô, hơi thở ra được phát triển, được làm cho sung mãn.

55 Arunàvati - Tương I, 340

Arunàvati – Tương I, 340

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi.....

2) Ở đây, Thế Tôn gọi các vị Tỷ-kheo:

-- Này các Tỷ-kheo.

3) -- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

4) Thế Tôn nói như sau:

5) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có vị vua tên là **Arunavà**. Này các Tỷ-kheo, kinh đô vua Arunavà này tên là Arunavati. Này các Tỷ-kheo, gần kinh đô Arlunavati, **Thế Tôn Sikhi** bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác an trú.

6) Này các Tỷ-kheo, **Thế Tôn Sikhi**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có hai vị đệ tử xuất chúng, thượng túc, tên là **Abhibhu và Sambhava**.

7) Rồi này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác gọi Tỷ-kheo Abhibhu:

" -- Này Bà-la-môn, chúng ta hãy đi đến một Phạm thiên giới cho đến thời dùng bữa ăn".

8) "-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Abhibhu vâng đáp Thế Tôn Sikhi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác.

9) Rồi này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác và Tỷ-kheo Abhibhu, như nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy (hai vị) biến mất ở kinh đô Arunavati và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy.

10) Rồi này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhi, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác bảo Tỷ-kheo Abhibhu:

" -- Này Bà-la-môn, hãy nói bài pháp cho Phạm thiên này, cho Phạm phụ thiên và cho Phạm chúng thiên".

11) "-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn."

Tỷ-kheo Abhibhu vâng đáp Thế Tôn Sikhi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuyên thuyết bài pháp cho Phạm thiên ấy, cho Phạm phụ thiên và cho Phạm

chúng thiên, khích lệ, làm họ phấn khởi, làm họ hoan hỷ.

12) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên, Phạm phụ thiên và Phạm chúng thiên *cảm thấy xúc phạm, bức bối, tức tối và nói rằng*: "Thật là hy hữu, thật là vi diệu, làm sao một đệ tử lại thuyết pháp trước mặt bậc Đạo Sư?".

13) Rồi này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác bảo Tỷ-kheo Abhibhu:

"-- Này Bà-la-môn, Phạm thiên, Phạm thụ thiên, và Phạm chúng thiên ấy cảm thấy xúc phạm, bức bối, tức tối, nói rằng: "Thật là hy hữu, thật là vi diệu, làm sao một đệ tử lại thuyết pháp trước mặt bậc Đạo Sư?"
Vậy này Bà-la-môn, hãy làm cho Phạm thiên, Phạm phụ thiên và Phạm chúng thiên càng dao động bối phần hơn nữa".

14) "-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn ".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Abhibhu vâng đáp Thế Tôn Sikhi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, *hiện thân thuyết pháp, tàng thân thuyết pháp, hiện nửa thân dưới không hiện nửa thân trên thuyết pháp, hiện nửa thân trên không hiện nửa thân giữa thuyết pháp*.

15) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên, Phạm phụ thiên và Phạm chúng thiên, tâm khởi lên hy hữu, kỳ diệu nói rằng: "Thật là hy hữu, thật là kỳ diệu, đại thần lực và đại uy lực của vị Sa-môn".

16) Rồi Tỷ-kheo Abhibhu bạch Thế Tôn Sikhì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

*"-- Bạch Thế Tôn, con xác nhận với lời nói này giữa chúng Tỷ-kheo Tăng: **"Đứng ở Phạm thiên giới, con có thể khiến cho ngàn thế giới nghe được tiếng của con."***

17) "-- Này Bà-la-môn, nay là thời cho sự việc ấy. Này Bà-la-môn, nay là thời cho sự việc ấy. Này Bà-la-môn, Ông hãy đứng ở Phạm thiên giới và làm cho ngàn thế giới nghe được tiếng nói của ông".

18) "-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Abhibhu vâng đáp Thế Tôn Sikh, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, đứng ở Phạm thiên giới và nói lên bài kệ này:

***Hãy đứng dậy, lên đường,
Hãy dẫn thân Phật giáo,
Hãy đánh bại Ma quân,
Như voi phá chồi lá.***

***Ai trong pháp luật này,
An trú không phóng dật,
Đoạn tận vòng sống chết,
Sẽ chấm dứt khổ đau.***

19) Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Sikhi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và Tỷ-kheo Abhibhu, sau khi làm cho Phạm thiên, Phạm phụ thiên và Phạm chúng thiên dao động, như người lực sĩ... biến mất ở Phạm thiên giới ấy và hiện ra ở Arunavati.

20) Rồi này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikh, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác gọi các vị Tỷ-kheo:

"-- Nay các Tỷ kheo, các Ông có nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhu đứng tại Phạm thiên giới, nói lên không? "

21) "-- Bạch Thế Tôn, chúng con có nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhu đứng tại Phạm thiên giới đã nói lên."

22) "-- Nay các Tỷ-kheo, như thế nào các ông nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhu đứng lên tại Phạm thiên giới đã nói lên? "

23) "-- Bạch Thế Tôn, chúng con nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhu đứng tại Phạm thiên giới đã nói lên như sau:

*Hãy đứng dậy, lên đường,
Hãy dẫn thân Phật giáo.
Hãy đánh bại Ma quân,
Như voi phá chồi lá.*

*Ai trong pháp luật này,
Ai trú không phóng dật,
Đoạn tận vòng sống chết,
Sẽ chấm dứt khổ đau.*

24) Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con đã nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhu đứng tại Phạm thiên giới đã nói lên."

25) "-- Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo. Lành thay, này các Tỷ-kheo! Các Ông đã được nghe bài kệ do Tỷ-kheo Abhibhu đứng tại Phạm thiên giới, đã nói lên ".

26) Thế Tôn đã nói như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

56 Assaji - Tương III, 226

Assaji – Tương III, 226

1) Một thời Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Assaji trú ở vườn Kassapa, bị bệnh, đau đốn, trầm trọng.

3) Rồi Tôn giả Assaji gọi các người thị giả:

- Hãy đến, này chư Hiền! Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đánh lễ Thế Tôn: "Tỷ-kheo Assaji, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đốn, trầm trọng, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và thưa như sau: ‘Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Assaji!’"

4) -Thưa vâng, Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Assaji, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

5) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Tỷ-kheo Assaji, bạch Thế Tôn, bị bệnh đau đớn, trầm trọng... Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Assaji!

Thế Tôn im lặng nhận lời.

6) Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Assaji.

7) Tôn giả Assaji thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền cố gắng từ nơi giường ngồi dậy. Thế Tôn nói với Tôn giả Assaji:

- Thôi Assaji! Ông chớ có cố gắng từ giường ngồi dậy! Có chỗ ngồi đã soạn sẵn. Tại chỗ ấy, Ta sẽ ngồi.

9) Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Assaji:

10) - Ông có kham nhẫn được không, này Assaji? Ông có chịu đựng được không?... Có phải có những dấu hiệu thuyên giảm, không có tăng trưởng?

- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn!... Có những dấu hiệu tăng trưởng, không có thuyên giảm!

11) Này Assaji, Ông có phân vân gì, có hối hận gì không?

- Chắc chắn, bạch Thế Tôn, con có nhiều phân vân, có nhiều hối hận!

12) Nay Assaji, Ông có điều gì tự trách mình về giới luật hay không?

- Bạch Thế Tôn, con không có điều gì tự trách mình về giới luật.

13) Nay Assaji, nếu Ông không có điều gì tự trách mình về giới luật, Ông có phân vân gì, có hối hận gì không?

- Trước đây, bạch Thế Tôn, sau khi cố gắng làm cho lắng xuống cơn bệnh, con sống với thân hành, do vậy con không chứng được Thiền định. Dẫu cho không chứng được Thiền định, con tự nghĩ: "Ta sẽ không thôi thất".

14) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào kiên trì trong Thiền định, tập trung trong Thiền định, nếu họ không chứng đắc Thiền định, họ sẽ nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ không thôi thất!"

15-21) Nay Assaji, Ông nghĩ thế nào, **sắc** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, là khổ hay là lạc?
- Là khổ, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi "?
- Thừa không, bạch Thế Tôn.
- **Thọ... Tưởng... Các hành... Thức** là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
- Là khổ, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?
- Thừa không, bạch Thế Tôn.
- Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự

giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã được giải thoát"*. Vị ấy biết rõ: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*.

22)

- Khi cảm giác lạc thọ, vị ấy biết rõ: "Là vô thường"; vị ấy biết rõ: "Là không nên đắm trước"; vị ấy biết rõ: "Là không nên hoan hỷ".
- Khi cảm giác khổ thọ, vị ấy biết rõ: "Là vô thường"; vị ấy biết rõ: "Là không nên đắm trước"; vị ấy biết rõ: "Là không nên hoan hỷ".
- Khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy biết rõ: "Là vô thường"; vị ấy biết rõ: "Là không nên đắm trước"; vị ấy biết rõ: "Là không nên hoan hỷ".

23)

- Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy cảm thọ không có hệ lụy.
- Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy cảm thọ không có hệ lụy.
- Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy cảm thọ không có hệ lụy.

24)

- Nếu vị ấy cảm thọ một cảm thọ cùng tận về thân, vị ấy **biết** rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về thân".
- Nếu vị ấy cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng".
- **Vị ấy biết** rõ rằng: "Khi thân hoại mạng chung trên cho đến khi sinh mạng đi đến chỗ cùng tận, ở đây tất cả những gì vị ấy cảm thọ, tất cả những gì vị ấy hoan hỷ, sẽ trở thành thanh lương!"

25) Ví như, này Assaji, do duyên dầu, do duyên tim bắc, một cây đèn dầu được cháy đỏ. Khi dầu và tim bắc của (ngọn đèn) ấy đoạn tận, không có mang lại nhiên liệu, ngọn đèn ấy sẽ tắt.

Cũng vậy, này Assaji, Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ cùng tận về thân, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về thân". Khi cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng, vị ấy biết rõ: "Ta đang cảm giác một cảm thọ cùng tận về sinh mạng". Sau khi thân hoại mạng chung trên cho đến khi sinh mạng đi đến chỗ cùng tận, ở đây tất cả những gì vị ấy cảm thọ, tất cả những gì vị ấy hoan hỷ, sẽ trở thành thanh lương!

57 Asurindaka - Tương I, 356

Asurindaka – Tương I, 356

1) Một thời Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Bà-la-môn Asurindaka Bhàradvāja nghe như sau: "Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvāja đã xuất gia với Thế Tôn, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

3) Phẫn nộ, không hoan hỷ, vị ấy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, có những lời không tốt đẹp, ác ngữ, phỉ báng và nhiếc mắng Thế Tôn.

4) Được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng.

5) Rồi Bà-la-môn Asurindaka Bhàradvāja nói với Thế Tôn:

-- Này Sa-môn, Ông đã bị chinh phục. Này Sa-môn, Ông đã bị chinh phục!

(Thế Tôn):

*6) Kẻ ngu nghĩ mình thắng,
Khi nói lời ác ngữ,*

*Ai biết chịu kham nhẫn,
Kẻ ấy thật thắng trận.*

*Những ai bị phỉ báng,
Trở lại phỉ báng người,
Kẻ ấy làm ác mình,
Lại làm ác cho người.*

*Những ai bị phỉ báng,
Không phỉ báng đối lại,
Người ấy đã thắng trận,
Thắng cho mình cho người.*

*Vị ấy tìm lợi ích,
Cho cả mình và người,
Và kẻ đã phỉ báng,
Tự hiểu, lắng nguội dần.*

*Bậc y sư cả hai,
Chữa mình, chữa cho người,
Quần chúng nghĩ là ngu,
Vì không hiểu Chánh pháp.*

7) Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Asurindaka Bhàradvāja bạch Thế Tôn:

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama..., "... không còn trở lại đời sống này nữa."

8) Và Tôn giả Bhàradvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.

58 ÀNANDA - Tăng I, 237

ÀNANDA – Tăng I, 237

1. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên;ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Rất có thể, bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo được định như vậy, trong cái thân có thức này, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; đối với tất cả tướng ở ngoài, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; và do chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; vì ấy có thể chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy.

- Rất có thể, này, Ànanda, một Tỷ-kheo được định như vậy ... có thể chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy.

2. *Như thế nào, bạch Thế Tôn, rất có thể, một Tỷ-kheo được định như vậy ... có thể chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy?*

- Ở đây, này Ànanda, vị Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù diệu, tức là chỉ tức tất cả hành, từ bỏ tất cả sanh y, đoạn tận tham, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Như vậy, này Ànanda, rất có

thể Tỷ-kheo được định như vậy, ... có thể chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy.

Lại nữa, này Ànanda, liên hệ đến vấn đề này, Ta đã nói như sau trong kinh tên là "Những câu hỏi của Punnaka", chương về Pàràyana.

*Do phân tích ở đời
Những vật cao và thấp
Với vị không dao động
Bởi vật gì ở đời,
An tịnh, không tối mù,
Không phiền muộn, không cầu.
Ta nói người như vậy,
Đã vượt khỏi sanh già.*

59 ÀNANDA - Tăng III, 135

ÀNANDA – Tăng III, 135

1. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda thưa với Tôn giả Sàriputta:

2. - Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo nghe pháp trước kia chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rồi loạn, còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành, và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết?

- Tôn giả Ànanda là vị nghe nhiều, Tôn giả hãy nói lên!

- Vậy thưa Hiền giả Sàriputta, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói!

- Thưa vâng, hiền giả.

Tôn giả Sàriputta vâng đáp Tôn giả Ànanda. Tôn giả Ànanda nói như sau:

3. - Ở đây, thưa Hiền giả Sàriputta:

- Tỷ-kheo **học thông suốt pháp**, tức là Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bản sanh, Vị tăng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng.
- Vị ấy **thuyết pháp** cho các người khác một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt.
- Vị ấy **khiến cho các người khác nói pháp** một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt.
- Vị ấy **tụng đọc pháp** một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt.
- Vị ấy với **tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp** như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng.
- Tại trú xứ nào các Tỷ-kheo trưởng lão trú ở, các vị nghe nhiều, được trao truyền các tập Àgama, bậc Trì pháp, Trì luật, Trì toát yếu, tại các chỗ ấy, vị ấy an cư vào mùa mưa, thỉnh thoảng đến các Tôn giả ấy; sau khi **đến, phỏng vấn, đặt các câu hỏi: "Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì?"** Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với

những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các tôn giả ấy giải thích các sự nghi ngờ.

Cho đến như vậy, thừa Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo nghe pháp chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rối loạn, còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành, và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết.

4. - Thật vi diệu thay, thừa Hiền giả! Thật hy hữu thay, thừa Hiền giả! Khéo nói cho đến như vậy, chính là điều đã được Tôn giả Ànanda nói lên. **Và chúng tôi thọ trì rằng Tôn giả Ànanda đã được thành tựu sáu pháp.**

- Tôn giả Ànanda học thông suốt pháp, tức là Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vân tự thuyết, Như thị thuyết, Bản sanh, Vị tăng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng.
- Tôn giả Ànanda thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã nghe, như đã được học thông suốt.
- Tôn giả Ànanda khiến cho các người khác nói lên pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt.
- Tôn giả Ànanda đọc tụng pháp một cách rộng rãi, như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt.

- Tôn giả Ānanda với tâm tùy tâm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng.
- Tôn giả Ānanda, tại trú xứ nào các Tỷ-kheo trưởng lão trú ở, các vị nghe nhiều, được trao truyền các tập Āgama, bậc Trì pháp, Trì luật. Trì toát yếu, tại các chỗ ấy, Tôn giả Ānanda an cư vào mùa mưa, thỉnh thoảng đến các vị ấy, sau khi đến, phỏng vấn, đặt câu hỏi: "Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì? "Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các vị ấy giải thích các sự nghi ngờ.

60 ÀNANDA - Tăng IV, 444

ÀNANDA – Tăng IV, 444

1. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn với Tôn giả Ànanda đang ngồi một bên:

2. - Này Ànanda:

1. Tỷ-kheo nào **không có lòng tin**, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong pháp luật này, sự kiện này không xảy ra.
2. Tỷ-kheo nào **ác giới...**
3. ...**không nghe pháp...**
4. ...**khó nói...**
5. ...**làm bạn với ác...**
6. ...**biếng nhác...**
7. ...**thất niệm...**
8. ...**không biết đủ...**
9. ...**ác dục...**
10. Tỷ-kheo nào có **tà kiến** sẽ được tăng trưởng lớn mạnh, lớn rộng trong pháp luật này, sự kiện không xảy ra.

Này Ànanda, Tỷ-kheo nào thành tựu mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không có xảy ra.

3. Này Ànanda:

1. Tỷ-kheo nào **có lòng tin**, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra,
2. Tỷ-kheo nào **có giới**...
3. ...**nghe pháp, thọ trì điều đã nghe**...
4. ...**để nói**...
5. ...**làm bạn với thiện**...
6. ...**tinh cần, tinh tấn**...
7. ...**trú niệm**...
8. ...**biết đủ**...
9. ...**ít dục**...
10. Tỷ-kheo nào **có chánh tri kiến**, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

Này Ànada, Tỷ-kheo nào thành tựu mười pháp này sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

61 Ànanda - Tương V, 532

Ànanda – Tương V, 532

1) Một thời, Tôn giả Ànanda và Tôn giả Sàriputta trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Ànanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ànanda những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, Tôn giả ngồi xuống một bên. Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Ànanda:

3) -- *Do đoạn tận những pháp nào, này Hiền giả Ànanda, do nhân thành tựu những pháp nào, quần chúng ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thoái đạo, quyết chắc chứng quả giác ngộ?*

4) -- Do đoạn tận bốn pháp, thưa Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp, quần chúng ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là **bậc Dự lưu**, không còn bị thoái đạo, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

5) Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, không thành tựu tịnh tín đối với đức **Phật**, khi thân hoại mạng

chung, **sanh vào ác sanh**, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy là không có tịnh tín đối với đức Phật.

Và vị Đa văn Thánh đệ tử, thừa Hiền giả, thành tựu tịnh tín bất động đối với đức **Phật**, sau khi thân hoại mạng chung, được **sanh lên thiện thú**, thiên giới, cõi đời này. Như vậy là tịnh tín bất động đối với đức Phật: "*Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn*".

6) Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, không thành tựu tịnh tín đối với **Pháp**, khi thân hoại mạng chung, sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy là không có tịnh tín đối với Pháp.

Và vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với **Pháp**, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy là tịnh tín bất động đối với Pháp: "*Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu*".

7) Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, không thành tựu tịnh tín đối với chúng **Tăng**, khi thân hoại mạng

chung, sinh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy là không có tịnh tín đối với chúng Tăng.

Và vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, sau khi thân hoại mạng chung, được sinh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy là tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "*Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trục hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời*".

8) Kẻ vô văn phàm phu, này Hiền giả, thành tựu ác giới, khi thân hoại mạng chung, sinh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy là không có tịnh tín bất động...

Vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, sau khi thân hoại mạng chung, được sinh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy tịnh tín bất động đối với các giới: "*Các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định*".

9) Do đoạn tận bốn pháp này, này Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp này, quần chúng ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là **bạc Dự lưu**, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

62 ÁC GIỚI - Tăng II, 332

ÁC GIỚI – Tăng II, 332

1. - Này các Tỷ-kheo,

- Với người ác giới, với người phá giới, chánh định do vậy bị phá hoại.
- Khi chánh định không có mặt, với người chánh định bị phá hoại, như thật tri kiến do vậy bị phá hoại.
- Khi như thật tri kiến không có mặt, với người như thật tri kiến bị phá hoại, nhàm chán, ly tham do vậy bị phá hoại.
- Khi nhàm chán ly tham không có mặt, với người nhàm chán ly tham bị phá hoại, giải thoát tri kiến do vậy bị phá hoại.

2. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây, với cành và lá bị phá hoại, thời đốt cây ấy không đi đến viên mãn, vỏ cây không đi đến viên mãn, giác cây không đi đến viên mãn, lõi cây không đi đến viên mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với người ác giới, với người phá giới, chánh định do vậy bị phá hoại. Khi chánh định không có mặt, với người chánh định bị phá hoại, như thật tri kiến nhân vậy bị phá hoại. Khi

như thật tri kiến không có mặt, với người như thật tri kiến bị phá hoại, nhàm chán, ly tham do vậy bị phá hoại. Khi nhàm chán, ly tham không có mặt, với người nhàm chán ly tham bị phá hoại, giải thoát tri kiến do vậy bị phá hoại.

3. Nay các Tỷ-kheo,

- Với người có giới, với người gìn giữ giới, chánh định do vậy được đầy đủ.
- Do chánh định có mặt, với người chánh định được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu.
- Do như thật tri kiến có mặt, với người như thật tri kiến có mặt, nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu.
- Do nhàm chán, ly tham có mặt, với người nhàm chán ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu.

4. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây, với cành và lá được đầy đủ, thời đọt cây ấy đi đến viên mãn vỏ cây đi đến viên mãn, giác cây đi đến viên mãn, lõi cây đi đến viên mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với người có giới, với người gìn giữ giới, chánh định nhân vậy được đầy đủ. Do chánh định có mặt, với người chánh định

được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu. Do như thật tri kiến có mặt, với người như thật tri kiến được thành tựu, nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu. Do nhàm chán, ly tham có mặt, với người nhàm chán, ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu.

63 ÁC GIỚI PHÁ GIỚI - Tăng II, 716

ÁC GIỚI PHÁ GIỚI – Tăng II, 716

1. - Nay các Tỷ-kheo, có năm sự nguy hại này cho kẻ ác giới, phá giới. Thế nào là năm?

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, kẻ ác giới, phá giới, do nhân phóng dật, **bị tổn thất tài sản lớn**. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ nhất cho kẻ ác giới, phá giới.

3. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, đối với kẻ ác giới, phá giới, **tiếng ác đồn xa**. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ hai cho kẻ ác giới, phá giới.

4. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, kẻ ác giới, phá giới, khi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng Gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn, **vì ấy đi đến hội chúng ấy, có sợ hãi, có hoang mang**. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ ba cho kẻ ác giới, phá giới.

5. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, kẻ ác giới, phá giới, **khi mạng chung, tâm bị mê loạn**. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ tư cho kẻ ác giới, phá giới.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, kẻ ác giới, phá giới **sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ ác thú, đọa xứ, địa ngục**. Này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ năm cho kẻ ác giới, phá giới.

Này các Tỷ-kheo, có năm sự nguy hại này cho kẻ ác giới, phá giới.

7. **Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích cho vị có giới, đầy đủ giới**. Thế nào là năm?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, người giữ giới, đầy đủ giới, do nhân không phóng dật, **thâu được tài sản lớn**. Này các Tỷ-kheo, đây là lợi ích thứ nhất cho vị giữ giới, đầy đủ giới.

9. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, với người giữ giới, đầy đủ giới, **tiếng lành đồn xa**. Này các Tỷ-kheo, đây là lợi ích thứ hai cho kẻ giữ giới, đầy đủ giới.

10. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người giữ giới, đầy đủ giới, có đi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng Gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn, **vị ấy đi đến hội chúng ấy không sợ hãi, không hoang mang**. Này các Tỷ-kheo, đây là sự lợi ích thứ ba cho người giữ giới, đầy đủ giới.

11. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người giữ giới, đầy đủ giới, **khi mạng chung, tâm không bị mê loạn.** Này các Tỷ-kheo, đây là sự lợi ích thứ tư cho người giữ giới, đầy đủ giới.

12. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người giữ giới, đầy đủ giới **sau khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi lành, Thiên giới, cõi đời này.** Này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ năm cho người giữ giới, đầy đủ giới.

Này các Tỷ-kheo, có năm sự lợi ích này cho vị giữ giới, đầy đủ giới.

64 ÁC HÀNH - Tăng III, 265

ÁC HÀNH – Tăng III, 265

1. - Nay các Tỷ-kheo, có ba pháp này.
2. Thế nào là ba? - Thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành.

Nay các Tỷ-kheo, có ba pháp này.

Để đoạn tận ba pháp này, ba pháp cần phải tu tập.

3. Thế nào là ba?

- Để đoạn tận thân ác hành, **thân thiện hành** cần phải tu tập.
- Để đoạn tận khẩu ác hành, **khẩu thiện hành** cần phải tu tập.
- Để đoạn tận ý ác hành, **ý thiện hành** cần phải tu tập.

Để đoạn tận ba pháp này, nay các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải được tu tập.

65 ÁC NGÔN - Tăng III, 268

ÁC NGÔN – Tăng III, 268

1.- Nay các Tỷ-kheo, có ba pháp này.

2. Thế nào là ba? - Ác ngôn, ác bằng hữu, tâm dao động.

Nay các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Để đoạn tận ba pháp này, nay các tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập.

3. Thế nào là ba?

- Để đoạn tận ác ngôn, **thiện ngôn** cần phải tu tập.
- Để đoạn tận ác bằng hữu, **thiện bằng hữu** cần phải tu tập.
- Để đoạn tận tâm dao động, **niệm hơi thở vào hơi thở ra** cần phải tu tập.

Để đoạn tận ba pháp này, nay các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập.

66 ÁC THUYẾT - Tăng II, 606

ÁC THUYẾT – Tăng II, 606

1. - Lời nói của năm hạng người, này các Tỷ-kheo, là ác thuyết, khi có sự đối chứng giữa người và người.
2. Thế nào là năm?

- Nói về **tín** với người không tin, là ác thuyết;
- Nói về **giới** với người ác giới, là ác thuyết;
- Nói về **nghe nhiều** với người nghe ít, là ác thuyết;
- Nói về **bố thí** với người xan tham, là ác thuyết;
- Nói về **trí tuệ** với người ác tuệ, là ác thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nói về tín với người không tin là ác thuyết?

3. Người không tin, này các Tỷ-kheo, khi được nói về lòng tin liền tức tối, phẫn nộ, hiềm khích, mất bình tĩnh, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ lòng tin, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về tín với người không có lòng tin là ác thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về giới với người ác giới là ác thuyết?

4. Người ác giới, này các Tỷ-kheo, khi được nói về giới liền tức tối, phẫn nộ... Vì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ giới, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về giới với người ác giới là ác thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về nghe nhiều với người nghe ít là ác thuyết?

5. Người nghe ít, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến nghe nhiều liền tức tối, phẫn nộ... Vì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ nghe nhiều, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về nghe nhiều với người nghe ít là ác thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về bố thí với người xan tham là ác thuyết?

6. Người xan tham, này các Tỷ-kheo, khi được nói về bố thí liền tức tối, phẫn nộ... Vì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ bố thí, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về bố thí với người xan tham là ác thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về tuệ với người ác tuệ là ác thuyết?

7. Người ác tuệ, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến trí tuệ liền tức tối, phẫn nộ... Vì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ trí tuệ, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về trí tuệ với người ác tuệ là ác thuyết.

Lời nói của năm hạng người này là ác thuyết, khi có sự đối chứng giữa người và người.

8. Lời nói của năm hạng người này là thiện thuyết, khi có sự đối chứng giữa người và người.

9. Thế nào là năm?

- Thuyết về tín cho người có lòng tin, là thiện thuyết;
- Thuyết về giới cho người giữ giới là thiện thuyết;
- Thuyết về nghe nhiều cho người nghe nhiều là thiện thuyết;
- Thuyết về bố thí cho người bố thí là thiện thuyết;
- Thuyết về trí tuệ cho người trí tuệ là thiện thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thuyết về lòng tin cho người có lòng tin là thiện thuyết?

10. Người có lòng tin, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến lòng tin thì không tức tối, không phần nộ, không hiềm khích, không mất bình tĩnh, không biểu lộ phần nộ, sân hận, phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy thấy tự mình có đầy đủ lòng tin, do nhân duyên ấy, có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về tín với người có lòng tin là thiện thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về giới cho người giữ giới là thiện thuyết?

11. Người giữ giới, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến về giới thì không tức tối, không phần nộ, không hiềm khích, không mất bình tĩnh, không biểu lộ phần nộ, không sân hận, không phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy thấy tự mình có đầy đủ giới, do nhân duyên ấy, có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về giới với người có giữ giới là thiện thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về nghe nhiều cho người nghe nhiều là thiện thuyết?

12. Người nghe nhiều, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến nghe nhiều thì không tức tối, không phần nộ, không hiềm khích...không phiền muộn. Vì sao? Vì

rằng vị ấy thấy tự mình có nghe nhiều, do nhân duyên ấy, có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về nghe nhiều với người có nghe nhiều là thiện thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về bố thí cho người bố thí là thiện thuyết?

13. Người bố thí, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến bố thí thì không tức tối, không phẫn nộ, không hiềm khích...không phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy thấy tự mình có bố thí, do nhân duyên ấy, có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về bố thí với người có bố thí là thiện thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về trí tuệ cho người có trí tuệ là thiện thuyết?

14. Người trí tuệ, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến trí tuệ thì không tức tối...không phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy thấy tự mình có trí tuệ, do nhân duyên ấy, có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về trí tuệ với người có trí tuệ là thiện thuyết.

Lời thuyết của năm hạng người này, này các Tỷ-kheo, là thiện thuyết khi có sự đối chứng giữa người và người.

67 ÁC TÁNH - Tăng II, 247

ÁC TÁNH – Tăng II, 247

1.- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Thầy về có người ác tánh và người có ác tánh hơn cả người có ác tánh; về người có tánh hiền thiện và người có tánh hiền thiện hơn cả người có tánh hiền thiện. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2.- Này các Tỷ-kheo, thế nào là người ác tánh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh ... có tà kiến. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người có ác tánh.

3. Này các Tỷ-kheo, thế nào là người có ác tánh còn hơn cả người có ác tánh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình sát sanh, còn khích lệ người khác sát sanh ...; có người tự mình có tà kiến, còn khích lệ người khác có tà kiến.

Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người độc ác còn hơn người có ác tánh.

4. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người có tánh hiền thiện?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người **từ bỏ sát sanh ... có chánh tri kiến**. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người có tánh hiền thiện.

5. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người có tánh hiền thiện còn hơn cả người có tánh hiền thiện?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình từ bỏ sát sanh, **còn khích lệ người** khác từ bỏ sát sanh ...; tự mình có chánh tri kiến, còn khích lệ người khác có chánh tri kiến. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người có tánh hiền thiện còn hơn cả người có tánh hiền thiện.

TÁNH ÁC ĐỘC – Tăng II, 249 (Như kinh 208).

68 ÁI - Tăng II, 225

ÁI – Tăng II, 225

1.- Nay các Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng cho các Thầy về ái, lưới triền khiến cho lưu chuyển được rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, trôi buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quện lại như cỏ munja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.** Hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ nói.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế tôn nói như sau:

2.- Và nay các Tỷ-kheo, *thế nào là ái, thế nào là lưới triền, khiến cho lưu chuyển, được trải rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, trôi buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quện lại như cỏ munja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử?*

Nay các Tỷ-kheo, **mười tám ái hành này, liên hệ đến nội tâm, có mười tám ái hành này liên hệ với ngoại cảnh.**

3. Thế nào là mười tám ái hành liên hệ đến nội tâm?

- Nay các Tỷ-kheo,

1. *Khi nào có ý nghĩ: "Ta có mặt", thời có những ý nghĩ:*
2. *"Ta có mặt trong đời này";*
3. *"Ta có mặt như vậy";*
4. *"Ta có mặt khác như vậy";*
5. *"Ta không phải thường hằng";*
6. *"Ta là thường hằng";*
7. *"Ta phải có mặt hay không?";*
8. *"Ta phải có mặt trong đời này?";*
9. *"Ta phải có mặt như vậy";*
10. *"Ta phải có mặt khác như vậy";*
11. *"Mong rằng ta có mặt";*
12. *"Mong rằng ta có mặt trong đời này";*
13. *"Mong rằng ta có mặt như vậy!";*
14. *"Mong rằng ta có mặt khác như vậy!";*
15. *"Ta sẽ có mặt";*
16. *"Ta sẽ có mặt trong đời này";*
17. *"Ta sẽ có mặt như vậy";*
18. *"Ta sẽ có mặt khác như vậy".*

Có mười tám ái hành này liên hệ với nội tâm.

4. Thế nào là mười tám ái hành liên hệ với ngoại cảnh?

1. Khi nào có tư tưởng: "Với cái này, Ta có mặt", thời có những tư tưởng sau:
2. "Với cái này, Ta có mặt trong đời này";
3. "Với cái này, Ta có mặt như vậy";
4. "Với cái này, Ta có mặt khác như vậy";
5. "Với cái này, Ta không phải thường hằng";
6. "Với cái này, Ta là thường hằng";
7. "Với cái này, Ta phải có mặt hay không?";
8. "Với cái này, Ta phải có mặt trong thế giới này?";
9. "Với cái này, Ta phải có mặt như vậy";
10. "Với cái này, Ta phải có mặt khác như vậy";
11. "Với cái này, mong rằng ta có mặt";
12. "Với cái này, mong rằng ta có mặt trong đời này";
13. "Với cái này, mong rằng ta có mặt như vậy!";
14. "Với cái này, mong rằng ta có mặt khác như vậy!";
15. " Với cái này, tôi sẽ có mặt";
16. "Với cái này, tôi sẽ có mặt trong đời này";
17. " Với cái này, tôi sẽ có mặt như vậy";
18. " Với cái này, tôi sẽ có mặt khác như vậy".

Có mười tám ái hành này liên hệ với ngoại cảnh.

5. **Mười tám ái hành** này liên hệ với nội tâm, và **mười tám ái hành** này liên hệ đến ngoại cảnh. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là ba mươi sáu ái hành.

- Ba mươi sáu ái hành quá khứ như vậy;
- Ba mươi sáu ái hành vị lai như vậy;
- Ba mươi sáu ái hành hiện tại như vậy.

→ Như vậy là **một trăm lẻ tám ái hành**.

6. Đây các Tỷ-kheo, đây là ái này, lưới triền, khiến cho lưu chuyển, được trải rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, trối buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quện lại như cỏ munja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.

69 ÁI - Tăng IV, 140

ÁI – Tăng IV, 140

1. - Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về chín pháp lấy ái làm cội gốc. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

2. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là chín pháp lấy ái làm cội gốc?

1. Do duyên ái nên cầu tìm.
2. Do duyên cầu tìm nên có được.
3. Do duyên có được nên có quyết định.
4. Do duyên quyết định nên có dục tham.
5. Do duyên dục tham nên đắm trước.
6. Do duyên đắm trước nên có chấp trước.
7. Do duyên chấp trước nên có xan tham.
8. Do duyên xan tham nên có thủ hộ, chấp trước, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ, rất nhiều các ác, bất thiện pháp khởi lên.

Nay các Tỷ-kheo, đây là chín pháp lấy ái làm cội gốc.

70 ÁI SANH - 87 Trung II, 591

KINH ÁI SANH (*Piyajatika sutam*)

– Bài kinh số 87 – Trung II, 591

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anathapindika. Lúc bấy giờ con một của một gia chủ, khả ái, đáng thương, bị mệnh chung. Sau khi nó chết, (người cha) không còn muốn làm việc, không còn muốn ăn uống, luôn luôn đi đến nghĩa địa, người ấy than khóc: "*Con ở đâu, đưa con một của ta? Con ở đâu, đưa con một của ta?*"

Rồi người gia chủ ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với người gia chủ đang ngồi một bên:

– Này Gia chủ, có phải Ông có các căn để an trú tự tâm ông, có phải các căn của Ông đôi khác?

– Bạch Thế Tôn, sao các căn của con có thể đôi khác được? Bạch Thế Tôn, đưa con một khả ái, đáng thương của con đã mệnh chung. Sau khi nó chết (con) không còn muốn làm việc, con không còn muốn ăn uống, con luôn luôn đi đến nghĩa địa và than khóc: "*Con ở đâu, đưa con một của ta? Con ở đâu, đưa con một của ta?*"

– Sự thật là như vậy, này Gia chủ, vì rằng, này Gia chủ, sầu, bi, khổ, ưu não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

– Nhưng đối với ai, bạch Thế Tôn, sự tình sẽ như vậy: "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái?" Vì rằng, bạch Thế Tôn hỷ lạc (anandasomanassa) do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Rồi người gia chủ, không hoan hỷ lời Thế Tôn dạy, chống báng lại, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Lúc bấy giờ, một số người đánh bạc đang chơi đồ nhút lục không xa Thế Tôn bao nhiêu. Người gia chủ kia, đi đến những người đánh bạc ấy, sau khi đến nói với những người ấy như sau:

– Này Quý vị, ở đây tôi đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến, đánh lễ Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên. Này Quý vị, Sa-môn Gotama nói với tôi đang ngồi một bên:

– "Này Gia chủ, có phải Ông có các căn để an trú tự tâm ông. Có phải các căn của Ông đổi khác?" Này Quý vị, được nghe nói vậy tôi nói với Sa-môn Gotama:

– "Bạch Thế Tôn sao các căn của con có thể đổi khác được. Bạch Thế Tôn, đưa con một khả ái, đáng thương của con đã mệnh chung. Sau khi nó chết, con không còn muốn làm việc, con không còn muốn ăn uống, con luôn luôn đi đến nghĩa địa và

than khóc: "Con ở đâu, đưa con một của ta? Con ở
đâu, đưa con một của ta?"

– "Sự thật là như vậy, này Gia chủ. Vì rằng, này
Gia chủ, sầu, bi, khổ, ưu, não, do ái sanh ra, hiện
hữu từ nơi ái".

– "Nhưng đối với ai, bạch Thế Tôn, sự tình sẽ như
vậy! "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu
từ nơi ái". Vì rằng bạch Thế Tôn, hỷ lạc do ái sanh
ra, hiện hữu từ nơi ái". Này Quý vị, không hoan hỷ
lời Thế Tôn dạy, ta chống báng lại, từ chỗ ngồi
đứng dậy và ra đi.

– Sự thật là như vậy, này Gia Chủ! Sự thật là như
vậy này Gia chủ! Này Gia chủ, hỷ lạc do ái sanh,
hiện hữu từ nơi ái.

Rồi người gia chủ suy nghĩ: "Có sự đồng ý giữa ta
và những người đánh bạc, " rồi bỏ đi. Và cuộc đối
thoại ấy dần dần được truyền đi và truyền đến trong
nội cung. Rồi **vua Pasenadi xứ Kosala** cho gọi
hoàng hậu Mallika:

– Này Mallika, đây là lời Sa-môn Gotama nói với
các người ấy: "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra,
hiện hữu từ nơi ái".

– **Tâu Đại vương, nếu Thế Tôn đã dạy như vậy, thì
sự việc là như vậy.**

– Điều gì Sa-môn Gotama nói, Mallika này cũng
nói theo. Vì Mallika quá hoan hỷ với Sa-môn
Gotama. Vì vị Đạo sư nói gì cho đệ tử, và đệ tử quá

hoan hỷ với vị Đạo sư nên nói: "Sự thật là vậy, thưa Đạo sư! Sự thật là như vậy, thưa Đạo sư". Cũng vậy, này Mallika, điều gì Sa-môn Gotama nói, Hoàng hậu quá hoan hỷ với Sa-môn Gotama nên đã nói: "Nếu Thế Tôn đã nói như vậy thì sự việc là vậy". Hãy đi đi, Mallika, hãy đi đi!

Rồi hoàng hậu Mallika cho gọi Bà-la-môn Nalijangha và nói:

– Này Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú, và thưa: "Bạch Thế Tôn, hoàng hậu Mallika cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn lạc trú không, và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, có phải Thế Tôn đã nói như sau: Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái". Và nếu Thế Tôn trả lời Ông như thế nào, hãy khéo nắm giữ và nói lại với ta. Vì các Như Lai không nói phản lại sự thật.

– Thưa vâng, tâu Hoàng hậu.

Bà-la-môn Nalijangha vâng đáp hoàng hậu Mallika, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, Và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Nalijangha Bạch Thế Tôn:

– Thừa Tôn giả Gotama, hoàng hậu Mallika cúi đầu đánh lễ chân Sa-môn Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít nã, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú và thừa như sau: "Bạch Thế Tôn, có phải Thế Tôn đã nói như sau: "Sầu, bi, khổ, ưu, nã do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái"?

– Thật sự là như vậy, này Bà-la-môn. Thật sự là như vậy, này Bà-la-môn. Này Bà-la-môn, sầu, bi, khổ, ưu, nã do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái. Này Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này, cần phải được hiểu là sầu, bi, khổ, ưu, nã do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Này Bà-la-môn, thuở xưa, ở tại Savatthi này, bà mẹ của một người đàn bà mệnh chung. Từ khi bà ta mệnh chung, người đàn bà này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác và nói: "Người có thấy mẹ tôi đâu không? Người có thấy mẹ tôi đâu không?". Này Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này, cần phải được hiểu là sầu, bi, khổ, ưu nã do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Này Bà-la-môn, thuở xưa, ở tại Savatthi này, người cha của một người đàn bà mệnh chung... (như trên)..., người anh mệnh chung, người chị mệnh chung, người con trai mệnh chung, người con gái mệnh chung, người chồng mệnh chung. Từ khi

người chồng mệnh chung, người đàn bà này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, đi từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác và nói: "Người có thấy chồng tôi đâu không? Người có thấy chồng tôi đâu không?". Đây Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này cần phải được hiểu là sâu, bi, khổ, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Này Bà-la-môn, thuở xưa, ở tại Savatthi này, người mẹ của một người đàn ông mệnh chung. Từ khi bà ta mệnh chung, người đàn ông này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, đi từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác và nói: "Người có thấy mẹ tôi đâu không? Người có thấy mẹ tôi đâu không?". Đây Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này cần phải được hiểu là sâu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Này Bà-la-môn, thuở xưa, ở tại Savatthi này, người cha của một người đàn ông mệnh chung... (như trên)... người anh mệnh chung, người chị mệnh chung, người con trai mệnh chung, người con gái mệnh chung, người vợ mệnh chung. Từ khi người vợ mệnh chung, người đàn ông này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, đi từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác, và nói: "Người có thấy vợ tôi đâu không?"

Người có thấy vợ tôi đâu không?". Này Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này cần phải được hiểu là sâu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Này Bà-la-môn, thuở xưa chính tại thành Savatthi này, một người đàn bà đi về thăm gia đình bà con.

Những người bà con ấy của người đàn bà muốn dùng sức mạnh bắt người đàn bà ấy phải xa chồng và muốn gả cho một người đàn ông khác. Người đàn bà ấy không chịu. Rồi người đàn bà ấy nói với chồng mình: "Này Hiền phu, những người bà con này muốn dùng sức mạnh bắt tôi phải xa anh và muốn gả cho một người đàn ông khác. Nhưng tôi không muốn như vậy". *Rồi người ấy chặt người đàn bà ấy làm hai, rồi tự vận, nghĩ rằng: "Hai chúng ta sẽ gặp nhau trong đời sau".* Này Bà-la-môn, do pháp môn này cần phải được hiểu rằng sâu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Rồi Bà-la-môn Nalijangha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến hoàng hậu Mallika, sau khi đến, kể lại cho hoàng hậu Mallika toàn thể cuộc đàm thoại với Thế Tôn. Rồi hoàng hậu Mallika đi đến vua Pasenadi nước Kosala, và thưa:

Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có thương **công chúa Vajiri của thiếp** không?

– Phải, này Mallika, ta thương công chúa Vajiri.

– Tâu đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho công chúa Vajiri của Đại vương. Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Nay Mallika, nếu có sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho công chúa Vajiri của ta, thì sẽ có một sự thay đổi đến đời sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta, sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái".

Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? **Nữ Sát-đế-ly Vasabha**, Đại vương có thương yêu không?

– Nay Mallika, ta có thương yêu nữ Sát-đế-ly Vasabha.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho nữ Sát-đế-ly Vasabha, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Nay Mallika, nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho nữ Sát Đến Ly Vasabha, thì sẽ có một sự đổi khác xảy đến cho đời sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán,

Chánh Đăng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái".

Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? **Tướng quân Vidudabha**, Đại vương có thương quý không?

– Nay Mallika, ta có thương quý tướng quân Vidudabha.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho tướng quân Vidudabha, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Nay Mallika, nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho tướng quân Vidudabha thì sẽ có sự đổi khác xảy đến cho mạng sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta, sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái".

Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có yêu thương **thiếp** không?

– Phải, nay Mallika, ta có thương yêu Hoàng hậu.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho thiếp, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Nay Mallika, nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho Hoàng hậu, thì sẽ có một sự đổi khác

xảy đến cho mạng sống của ta, làm sao không khởi
lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương, mà
Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán,
Chánh Đăng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não
khởi lên do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái".

Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại
vương có yêu thương dân chúng Kasi và Kosala
không?

– Phải, này Mallika, ta thương yêu dân chúng Kasi
và Kosala. Này Mallika, nhờ sức mạnh của họ,
chúng ta mới có được gỗ chiên-đàn từ nước Kasi và
dùng các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có
một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho dân chúng
Kasi và Kosala, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ,
ưu, não không?

– Này Mallika, nếu có một sự biến dịch đổi khác
xảy đến cho dân chúng nước Kasi và Kosala, thì sẽ
có một sự đổi khác xảy đến cho mạng sống của ta,
làm sao không khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương, mà
Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán,
Chánh Đăng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não
khởi lên do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái".

– Thật vi diệu thay, này Mallika! Thật hy hữu thay,
này Mallika! Thế Tôn đã thể nhập nhờ trí tuệ, đã

thấy nhờ trí tuệ. Đến đây, Mallikā, hãy sửa soạn tẩy trần.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala từ chỗ ngồi đứng dậy đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay vái Thế Tôn và nói lên ba lần lời cảm hứng sau đây: "Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn... (như trên)... Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! ".

71 ÁNH CHIẾU - Tăng II, 80

ÁNH CHIẾU – *Tăng II, 80*

❖ Này các Tỷ-kheo, có **bốn loại ánh chiếu** này. Thế nào là bốn?

- Ánh chiếu mặt trăng,
- Ánh chiếu mặt trời,
- Ánh chiếu ngọn lửa,
- Ánh chiếu trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh chiếu này. Và này các Tỷ-kheo, **loại tối thượng trong bốn loại ánh chiếu là ánh chiếu trí tuệ.**

72 ÁNH LỬA - Tăng II, 80

ÁNH LỬA – Tăng II, 80

❖ Này các Tỷ-kheo, có **bốn loại ánh lửa** này. Thế nào là bốn?

- Ánh lửa mặt trăng,
- Ánh lửa mặt trời,
- Ánh lửa ngọn lửa,
- Ánh lửa trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh lửa này. Và này các Tỷ-kheo, **loại tối thượng trong bốn loại ánh lửa là ánh lửa trí tuệ.**

73 ÁNH SÁNG - Tăng II, 79

ÁNH SÁNG – *Tăng II, 79*

❖ Này các Tỷ-kheo, có **bốn loại ánh sáng** này. Thế nào là bốn?

- Ánh sáng mặt trăng,
- Ánh sáng mặt trời,
- Ánh sáng ngọn lửa,
- Ánh sáng trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh sáng này. Và này các Tỷ-kheo, **loại tối thượng trong bốn loại ánh sáng là ánh sáng trí tuệ.**

74 ÁNH ĐÈN - Tăng II, 80

ÁNH ĐÈN – *Tăng II, 80*

- Nay các Tỷ-kheo, có **bốn loại ánh đèn** này. Thế nào là bốn?

- Ánh đèn mặt trăng,
- Ánh đèn mặt trời,
- Ánh đèn ngọn lửa,
- Ánh đèn trí tuệ.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh đèn này. Và nay các Tỷ-kheo, **loại tối thượng trong bốn loại ánh đèn là ánh đèn trí tuệ.**

75 Ác Giới - Tương II, 290

Ác Giới – Tương II, 290

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ **bất tín** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ **không biết thẹn**. .. với kẻ không biết thẹn. Kẻ **không biết sợ**... với kẻ không biết sợ. Kẻ **ác giới**... với kẻ ác giới. Kẻ **ác tuệ** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

4) Kẻ có **tín** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín. Kẻ **biết thẹn**. .. với kẻ biết thẹn. Kẻ **biết sợ**... với kẻ biết sợ. Kẻ **trì giới**... với kẻ trì giới. Kẻ **có trí tuệ** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

76 Ác Giới hay Anàthapindika 1 - Tương V, 556

Ác Giới hay Anàthapindika 1 – Tương V, 556

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ, *gia chủ Anàthapindika đang bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.*

3) Rồi gia chủ Anàthapindika bảo một người:

-- *Hãy đến, này Bạn. Hãy đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Sàriputta và thưa: "Gia chủ Anàthapindika, thưa Tôn giả, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Sàriputta"; và thưa: "Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Sàriputta đi đến trú xứ của gia chủ Anàthapindika vì lòng từ mẫn!"*

-- Thưa vâng, Gia chủ.

Người ấy, vâng đáp gia chủ Anàthapindika, đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Sàriputta rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi một bên, người ấy thưa với Tôn giả Sàriputta:

-- Gia chủ Anàthapindika, thưa Tôn giả, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, xin cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Sàriputta, gia chủ thưa: "Lành thay, thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Sàriputta đi đến trú xứ của gia chủ Anàthapindika vì lòng từ mẫn!"

Tôn giả Sàriputta im lặng nhận lời.

5) Rồi Tôn giả Sàriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát với Tôn giả Ananda là Sa-môn tùy tùng, đi đến trú xứ của gia chủ Anàthapindika; sau khi đến, ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Tôn giả Sàriputta nói với gia chủ Anàthapindika:

-- Nay Gia chủ, Gia chủ có kham nhẫn nổi không? Gia chủ có chịu đựng nổi không? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không có tăng trưởng?

-- Thưa Tôn giả, con không thể kham nhẫn. Con không thể chịu đựng. Kịch liệt là khổ thọ nơi con. Chúng tăng trưởng, không có giảm thiểu. Có dấu hiệu chúng tăng trưởng, không giảm thiểu.

6) -- Vì rằng kẻ vô văn phạm phu, này Gia chủ, thành tựu lòng bất tín đối với Phật, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng Gia chủ không có lòng bất tín đối với

Phật. Trái lại, Gia chủ thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Nếu Gia chủ tự thấy lòng tịnh tín bất động của Gia chủ đối với đức Phật, thời lập tức các cảm thọ của Gia chủ được an tịnh.

7) Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này Gia chủ, thành tựu lòng bất tín đối với **Pháp**, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. **Nhưng Gia chủ không có lòng bất tín đối với Pháp. Trái lại, Gia chủ thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp:** "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu". Nếu Gia chủ tự mình thấy lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, thời lập tức các cảm thọ của Gia chủ được an tịnh.

8) Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này Gia chủ, thành tựu lòng bất tín đối với **chúng Tăng**, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. **Nhưng Gia chủ không có lòng bất tín như vậy đối với chúng Tăng. Trái lại, Gia chủ thành tựu tịnh tín đối với chúng Tăng:** "Điều hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử

của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".
Nếu Gia chủ tự mình thấy lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, thời lập tức các cảm thọ của Gia chủ được an tịnh.

9) Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này Gia chủ, thành tựu **ác giới**, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào... địa ngục. **Nhưng Gia chủ không có ác giới như vậy. Trái lại, Gia chủ có giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiên định.** Nếu Gia chủ tự thấy các giới được các bậc Thánh ái kính ấy, thời lập tức các cảm thọ của Gia chủ được an tịnh.

10) Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này Gia chủ, thành tựu **tà kiến** như vậy, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào... địa ngục. **Nhưng Gia chủ không có tà kiến như vậy. Trái lại, Gia chủ có chánh kiến.** Nếu Gia chủ tự mình thấy chánh kiến của Gia chủ, thời lập tức các cảm thọ của Gia chủ được an tịnh.

11-19) Vì rằng kẻ vô văn phàm phu, này Gia chủ, thành tựu **tà tư duy... tà ngữ... tà nghiệp... tà mạng... tà tinh tấn... tà niệm... tà định... tà trí... tà giải thoát** như vậy, nên sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh

vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng Gia chủ không có tà tư duy... tà ngữ... tà nghiệp... tà mạng... tà tinh tấn... tà niệm... tà định... tà trí... tà giải thoát như vậy. Trái lại, Gia chủ có chánh tư duy... chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định... chánh trí... chánh giải thoát. Nếu Gia chủ tự mình thấy chánh tư duy... chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định... chánh trí... chánh giải thoát của Gia chủ, thời lập tức các cảm thọ của Gia chủ được an tịnh.

20) Rồi các cảm thọ của gia chủ Anàthapindika lập tức được an tịnh.

21) Rồi gia chủ Anàthapindika mời Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Ananda dùng bữa ăn (từ nơi nồi nấu cơm của mình).

22) Sau khi Tôn giả Sàriputta ăn xong, tay đã rời khỏi bát, gia chủ Anàthapindika đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, lấy một ghế thấp và ngồi xuống một bên.

23) Tôn giả Sàriputta tán thán gia chủ Anàthapindika với những lời kệ này:

*Ai **tin** tưởng Như Lai,
Bất động khéo an lập.*

*Ai có **giới** thiện lành,
Được bậc Thánh ái kính.
Ai tin tưởng chúng **Tăng**,
Sở kiến được chánh trực,
Người ấy gọi "Không nghèo",
Đời sống không uổng phí.
**Do vậy, bậc Hiền minh
Cần tu tập tín giới,
Thấy rõ được Chánh pháp,
Không quên lời Phật dạy.***

24) Rồi Tôn giả Sàriputta, sau khi nói lời hoan hỷ tán thán với các lời kệ này, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

25) Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

26) -- *Này Ananda, Ông đi đâu để nghỉ trưa?*

-- Bạch Thế Tôn, gia chủ Anàthapindika đã được Tôn giả Sàriputta giáo giới với lời giáo giới như thế này, thế này...

-- **Hiền minh**, này Ananda, là Sàriputta! **Đại tuệ**, này Ananda, là Sàriputta! Vị ấy có thể **chia chẻ bốn Dự lưu phần thành mười tướng**.

Ác Giới hay Anàthapindika 2 – 561tu5

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ, gia chủ Anàthapindika bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3-5) ... (giống như kinh trước, chỉ khác, đây là Tôn giả Ananda chứ không phải Tôn giả Sàriputta, và Tôn giả Ananda đi chỉ có một mình, cho đến... có dấu hiệu tăng trưởng, không có giảm thiểu).

6) -- *Này Gia chủ, kẻ vô văn phạm phu thành tựu bốn pháp nên run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau.*

7) Thế nào là bốn?

- Ở đây, này Gia chủ, kẻ vô văn phạm phu **thành tựu lòng bất tín đối với Phật**. Khi vị ấy tự thấy lòng bất tín của mình đối với Phật, vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau.
- Lại nữa, này Gia chủ, kẻ vô văn phạm phu **thành tựu lòng bất tín đối với Pháp**. Khi vị ấy tự thấy lòng bất tín của mình đối với Pháp; vị

ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau.

- Lại nữa, này Gia chủ, kẻ vô văn phạm phu thành tựu lòng bất tín đối với chúng Tăng. Khi vị ấy tự thấy lòng bất tín của mình đối với chúng Tăng; vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau.
- Lại nữa, này Gia chủ, kẻ vô văn phạm phu thành tựu ác giới. Khi vị ấy tự thấy sự thành tựu ác giới của mình; vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau.

Do thành tựu bốn pháp này, này Gia chủ, kẻ vô văn phạm phu run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau.

8) *Do thành tựu bốn pháp, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử không có run sợ, không có hoảng hốt, không có sợ hãi về cái chết, về đời sau.*

Thế nào là bốn?

- Ở đây, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với **Phật**: "Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật,

Thế Tôn". *Khi tự thấy lòng tịnh tín bất động của mình đối với Phật, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.*

- Lại nữa, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với **Pháp**: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu". *Khi tự thấy lòng tịnh tín bất động của mình đối với Pháp, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.*
- Lại nữa, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng **Tăng**: "Điều hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời". *Khi tự thấy lòng tịnh tín bất động của mình đối với chúng Tăng, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.*

- Lại nữa, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu các **giới** được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, **đưa đến Thiền định. Khi tự thấy sự thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính của mình, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.**

Thành tựu bốn pháp này, này Gia chủ, bậc Đa văn Thánh đệ tử không có run sợ, không có hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.

9) -- Thừa Tôn giả Ananda, con không sợ hãi. Sao con có thể sợ hãi? Con đã thành tựu lòng tịnh tín đối với **Phật**: "Đây là bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn"... đối với **Pháp**... đối với chúng **Tăng**... thừa Tôn giả, phàm có những học **giới** hòa kính (sàmici) tại gia do Thế Tôn thuyết giảng, con thấy không có tự mình vi phạm một giới nào.

10) -- Lợi đắc thay cho Gia chủ, này Gia chủ! Khéo lợi đắc thay cho Gia chủ, này Gia chủ! **Gia chủ đã tuyên bố về Dự lưu quả rồi.**

Hận Thù hay Anàthapindika 3 – 564tu5

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi gia chủ Anàthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anàthapindika đang ngồi một bên:

3) -- *Khi nào vị Thánh đệ tử, này Gia chủ, làm cho **tịnh chỉ năm** sự sợ hãi, hận thù (pancabhayàni), thành tựu **bốn** Dự lưu phần, và nhờ trí tuệ, Thánh lý (nàya) được khéo thấy, được khéo thông đạt, nếu vị ấy muốn, sẽ tự mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận các loài bàng sanh; ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ; ta là **bậc Dự lưu**, không còn thoái đạo, quyết chắc chứng quả giác ngộ".*

Thế nào là năm sự sợ hãi, hận thù được tịnh chỉ?

4) Sự sợ hãi, hận thù, này Gia chủ, ngay trong hiện tại khởi lên cho người sát sanh. Do duyên sát sanh, sự sợ, hãi, hận thù khởi lên ở đời sau, sự khổ ưu do tâm người ấy cảm thọ. Với người từ bỏ sát sanh, thời sự sợ hãi, hận thù như vậy được tịnh chỉ.

... khởi lên cho người lấy của không cho...

... khởi lên cho người tà hạnh trong các dục...

... khởi lên cho người nói láo...

Sự sợ hãi, hận thù, này Gia chủ, ngay trong hiện tại khởi lên cho người say đắm rượu men, rượu nấu. Do duyên say đắm rượu men, rượu nấu, sự sợ hãi, hận thù khởi lên ở đời sau, khổ ưu do tâm người ấy cảm thọ. Với người từ bỏ say đắm rượu men, rượu nấu, thời sự sợ hãi, hận thù như vậy được tịnh chỉ.

Năm sự sợ hãi, hận thù này được tịnh chỉ.

5) *Với bốn Dự lưu phần nào, vị ấy được thành tựu?*

Ở đây, này Gia chủ,

- Vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu".
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn.

Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".

- Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên đình.

Bốn Dự lưu phần này được thành tựu.

6) *Thánh lý nào được vị ấy khéo thấy với trí tuệ, khéo thông đạt?*

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử khéo như lý tác ý lý duyên khởi:

- *Do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh khởi, cái kia sanh khởi. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt.*
- *Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, **sanh** duyên*

lão tử.** Như vậy là **sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

- ***Do sự ly tham, đoạn diệt vô minh không có dư tàn, nên hành diệt. Do hành diệt, nên thức diệt... nên lão tử diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này vậy.***

Đây là **Thánh lý**, với trí tuệ, được khéo thấy, khéo thông đạt.

7) Khi nào vị Thánh đệ tử, này Gia chủ, được **tỉnh chỉ năm** sự sợ hãi, hận thù này, được **thành tựu bốn Dự lưu phần** này, và **Thánh lý** nhờ trí tuệ được khéo thấy, khéo thông đạt thời nếu muốn, vị ấy có thể tự mình tuyên bố về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận loài bàng sanh; ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ; ta đã đoạn tận cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ".

77 Ác Giới hay Anàthapindika 2 - Tương V, 561

Ác Giới hay Anàthapindika 2 – *Tương V*, 561

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi.
- 2) Lúc bảy giờ, gia chủ Anàthapindika bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.
- 3-5) ... (giống như kinh trước, chỉ khác, đây là Tôn giả Ananda chứ không phải Tôn giả Sàriputta, và Tôn giả Ananda đi chỉ có một mình, cho đến... có dấu hiệu tăng trưởng, không có giảm thiểu).
- 6) -- *Này Gia chủ, kẻ vô văn phạm phu thành tựu bốn pháp nên run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau.*
- 7) Thế nào là bốn?
 - Ở đây, này Gia chủ, kẻ vô văn phạm phu **thành tựu lòng bất tín đối với Phật**. Khi vị ấy tự thấy lòng bất tín của mình đối với Phật, vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau.
 - Lại nữa, này Gia chủ, kẻ vô văn phạm phu **thành tựu lòng bất tín đối với Pháp**. Khi vị ấy

tự thấy lòng bất tín của mình đối với Pháp; vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau.

- Lại nữa, này Gia chủ, kẻ vô văn phạm phu thành tựu lòng bất tín đối với chúng Tăng. Khi vị ấy tự thấy lòng bất tín của mình đối với chúng Tăng; vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau.
- Lại nữa, này Gia chủ, kẻ vô văn phạm phu thành tựu ác giới. Khi vị ấy tự thấy sự thành tựu ác giới của mình; vị ấy run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau.

Do thành tựu bốn pháp này, này Gia chủ, kẻ vô văn phạm phu run sợ, hoảng hốt, sợ hãi về cái chết, về đời sau.

8) *Do thành tựu bốn pháp, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử không có run sợ, không có hoảng hốt, không có sợ hãi về cái chết, về đời sau.*

Thế nào là bốn?

- Ở đây, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với **Phật**: "Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ,

Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". *Khi tự thấy lòng tịnh tín bất động của mình đối với Phật, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.*

- Lại nữa, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với **Pháp**: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu". *Khi tự thấy lòng tịnh tín bất động của mình đối với Pháp, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.*
- Lại nữa, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng **Tăng**: "Điều hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời". *Khi tự thấy lòng tịnh tín bất động của mình đối với chúng Tăng, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.*

- Lại nữa, này Gia chủ, vị Đa văn Thánh đệ tử thành tựu các **giới** được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, **đưa đến Thiền định. Khi tự thấy sự thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính của mình, vị ấy không run sợ, không hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.**

Thành tựu bốn pháp này, này Gia chủ, bậc Đa văn Thánh đệ tử không có run sợ, không có hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.

9) -- Thừa Tôn giả Ananda, con không sợ hãi. Sao con có thể sợ hãi? Con đã thành tựu lòng tịnh tín đối với **Phật**: "Đây là bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn"... đối với **Pháp**... đối với chúng **Tăng**... thừa Tôn giả, phàm có những học **giới** hòa kính (sàmici) tại gia do Thế Tôn thuyết giảng, con thấy không có tự mình vi phạm một giới nào.

10) -- Lợi đắc thay cho Gia chủ, này Gia chủ! Khéo lợi đắc thay cho Gia chủ, này Gia chủ! **Gia chủ đã tuyên bố về Dự lưu quả rồi.**

78 Ác Hành - Tương V, 293

Ác Hành – Tương V, 293

1)...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) -- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn *thuyết pháp vẫn tắt* cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

-- Vâng, này Tỷ-kheo, ông *hãy làm cho thanh tịnh những căn bản trong các thiện pháp.*

Và thế nào là căn bản trong các thiện pháp?

4) Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo *sau khi đoạn tận thân ác hành, hãy tu tập thân thiện hành. Sau khi đoạn tận khẩu ác hành, hãy tu tập khẩu thiện hành. Sau khi đoạn tận ý ác hành, hãy tu tập ý thiện hành. Rồi này Tỷ-kheo, y cứ vào giới, an trú vào giới, Ông hãy tu tập bốn niệm xứ.* Thế nào là bốn?

5) Ở đây, này Tỷ-kheo, Ông hãy trú, quán thân trên thân... Ông hãy trú, quán thọ trên các cảm thọ... Ông hãy trú, quán tâm trên tâm... Ông hãy trú, quán pháp

trên các pháp, niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp
phục tham ưu ở đời.

6) Nay Tỷ-kheo, sau khi y cứ trên giới, an trú trên
giới, Ông tu tập bốn niệm xứ này như vậy; thời này
Tỷ-kheo, hoặc là đêm hay ngày, hãy chờ đợi ở nơi
Ông sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải
sự tổn giảm.

7-8). .. (như trên)...

9) Rồi Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

79 Ác Thú 1 - Tương V, 534

Ác Thú 1 – Tương V, 534

1-2) ...

3) -- Do thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử vượt qua sợ hãi của tất cả ác thú. Thế nào là bốn?

4-7) Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "*Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn*".
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp: "*Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu*".
- Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng: "*Điều hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trục hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung*

kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".

- Vị ấy thành tựu các **giới** được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, *đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định.*

8) Do thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử vượt qua sợ hãi của tất cả ác thú.

Ác Thú 2 – 534tu5

1-2) ...

3) -- Do thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử vượt qua sợ hãi của tất cả ác thú, đọa xứ. Thế nào là bốn?

4-7) ... (như đoạn số 4-7, kinh trên) ...

8) Do thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử vượt qua sợ hãi của tất cả ác thú, đọa xứ...

80 Ấch Phược - Tương V, 93

Ấch Phược – *Tương V*, 93 (Yogo)

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn ách phược này. Thế nào là bốn?

- Dục ách phược,
- Hữu ách phược,
- Kiến ách phược,
- Vô minh ách phược.

Nay các Tỷ-kheo, đó là bốn ách phược này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận bốn ách phược này, nay các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Thế nào là Thánh đạo Tám ngành cần phải tu tập?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định **liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, liên hệ đến đoạn tận, hướng đến từ bỏ.**

Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri...

81 Ái - Tương II, 434

Ái – Tương II, 434

1) Sàvatthi.

2) Này Ràhula, Ông nghĩ thế nào? **Sắc ái** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

3-7) **Thanh ái... Hương ái... Vị ái... Xúc ái... Pháp ái** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng, khi xem cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

8-9) Thấy vậy, này Ràhula, bậc Thánh đệ tử nghe nhiều nhàm chán sắc ái, nhàm chán thanh ái, nhàm

chán hương ái, nhàm chán vị ái, nhàm chán xúc ái, nhàm chán pháp ái.

Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành; những gì nên làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa".

82 Ái Nhiễm - Tương IV, 113

Ái Nhiễm – *Tương* IV, 113 (Ejà)

1) ...

2) -- **Ái nhiễm**, này các Tỷ-kheo, là bệnh tật; ái nhiễm là mụt nhọt; ái nhiễm là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, **Như Lai sống không ái nhiễm, không bị mũi tên làm bị thương.**

3) Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước vọng gì, **hãy ước sống không ái nhiễm, không bị mũi tên làm bị thương.**

4) **Chớ có nghĩ đến mắt**, chớ có nghĩ đến trong mắt, chớ có nghĩ đến từ mắt, chớ có nghĩ đến: "Mắt là của tôi".

Chớ có nghĩ đến các sắc, chớ có nghĩ đến trong các sắc, chớ có nghĩ đến từ các sắc, chớ có nghĩ đến: "Các sắc là của tôi".

Chớ có nghĩ đến nhãn thức, chớ có nghĩ đến trong nhãn thức, chớ có nghĩ đến từ nhãn thức, chớ có nghĩ đến: "Nhãn thức là của tôi".

Chớ có nghĩ đến nhân xúc, chớ có nghĩ đến trong nhân xúc, chớ có nghĩ đến từ nhân xúc, chớ có nghĩ đến: " Nhân xúc là của tôi ".

Do duyên nhân xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến: " Cảm thọ ấy là tôi ".

5-6) Chớ có nghĩ đến **tai**... Chớ có nghĩ đến **mũi**...

7-8) Chớ có nghĩ đến **lưỡi**... Chớ có nghĩ đến **thân**...

9) **Chớ có nghĩ đến ý**, chớ có nghĩ đến trong ý, chớ có nghĩ đến từ ý, chớ có nghĩ đến: "Ý là của tôi ".

Chớ có nghĩ đến các pháp, chớ có nghĩ đến trong các pháp, chớ có nghĩ đến từ các pháp, chớ có nghĩ đến: "Các pháp là của tôi".

Chớ có nghĩ đến ý thức, chớ có nghĩ đến trong ý thức, chớ có nghĩ đến từ ý thức, chớ có nghĩ đến: "Ý thức là của tôi .

Chớ có nghĩ đến ý xúc, chớ có nghĩ đến trong ý xúc, chớ có nghĩ đến từ ý xúc, chớ có nghĩ đến: " Ý xúc là của tôi ".

Do duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ ấy là của tôi".

10) **Chớ có nghĩ đến tất cả**, chớ có nghĩ đến trong tất cả, chớ có nghĩ đến từ tất cả, chớ có nghĩ đến: "Tất cả là của tôi".

11) *Vị ấy do không nghĩ đến nên không chấp thủ một vật gì ở đời. Do không chấp thủ, vị ấy không có dao động (paritassati). Do không dao động, vị ấy tự mình tịch tịnh một cách hoàn toàn. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".*

Ái Nhiễm – 115tu4

1) ...

2) -- **Ái nhiễm**, này các Tỷ-kheo, là bệnh tật, ái nhiễm là mục nhọt, ái nhiễm là mũi tên. **Do vậy**, này các Tỷ-kheo, **Như Lai sống không ái nhiễm, không bị mũi tên bắn**.

3) **Do vậy**, này các Tỷ-kheo, **nếu có mong ước, hãy mong ước không ái nhiễm, không bị mũi tên bắn**.

4-6) **Chớ có nghĩ đến mắt**, chớ có nghĩ đến trong mắt, chớ có nghĩ đến từ mắt, chớ có nghĩ đến: "Mắt là của ta".

Chớ có nghĩ đến **các sắc**, chớ có nghĩ đến trong các sắc, chớ có nghĩ đến từ các sắc, chớ có nghĩ đến: "Các sắc là của ta".

Chớ có nghĩ đến **nhãn thức**...

Chớ có nghĩ đến **nhãn xúc**...

Do duyên nhãn xúc khởi lên **cảm thọ** gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ ấy là của ta".

Này các Tỷ-kheo, nghĩ đến cái gì, nghĩ đến trong cái gì, nghĩ đến từ cái gì, nghĩ đến: "Cái gì là của ta", từ đây cái ấy đổi khác. Vì rằng bị đổi khác, vì chấp trước tái sanh (Bhavasatto), nên thế giới hoan hỷ tái sanh.

... tai... mũi...

7-8) ... lưỡi... thân...

9) **Chớ có nghĩ đến ý**, chớ có nghĩ đến trong ý, chớ có nghĩ đến từ ý, chớ có nghĩ đến: "Ý là của ta".

Chớ có nghĩ đến các pháp, chớ có nghĩ đến trong các pháp, chớ có nghĩ đến từ các pháp, chớ có nghĩ đến: "Các pháp là của ta".

Chớ có nghĩ đến ý thức, chớ có nghĩ đến trong ý thức, chớ có nghĩ đến từ ý thức, chớ có nghĩ đến: "Ý thức là của ta".

Chớ có nghĩ đến ý xúc, chớ có nghĩ đến trong ý xúc, chớ có nghĩ đến từ ý xúc, chớ có nghĩ đến: "Ý xúc là của ta".

Do duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ ấy là của ta".

Này các Tỷ-kheo, nghĩ đến cái gì, nghĩ đến trong cái gì, nghĩ đến từ cái gì, nghĩ đến: "Cái gì là của ta", từ đây cái ấy đổi khác. Vì rằng bị đổi khác, vì chấp trước tái sanh, nên thế giới hoan hỷ tái sanh.

Này các Tỷ-kheo, cho đến uẩn, giới, xứ... chớ có nghĩ đến cái ấy, chớ có nghĩ đến trong cái ấy, chớ có nghĩ đến từ cái ấy, chớ có nghĩ đến: "Cái ấy là của ta".

Vị ấy không nghĩ đến như vậy nên không chấp thủ một cái gì trong đời. Do không chấp thủ nên không có dao động. Do không có dao động, vị ấy tự mình tịch tịnh một cách hoàn toàn. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

83 Ái Nhiễm - Tương IV, 115

Ái Nhiễm – *Tương* IV, 115

1) ...

2) -- **Ái nhiễm**, này các Tỷ-kheo, là bệnh tật, ái nhiễm là mục nhọt, ái nhiễm là mũi tên. **Do vậy**, này các Tỷ-kheo, **Như Lai sống không ái nhiễm, không bị mũi tên bắn.**

3) **Do vậy**, này các Tỷ-kheo, **nếu có mong ước, hãy mong ước không ái nhiễm, không bị mũi tên bắn.**

4-6) **Chớ có nghĩ đến mắt**, chớ có nghĩ đến trong mắt, chớ có nghĩ đến từ mắt, chớ có nghĩ đến: "Mắt là của ta".

Chớ có nghĩ đến các sắc, chớ có nghĩ đến trong các sắc, chớ có nghĩ đến từ các sắc, chớ có nghĩ đến: "Các sắc là của ta".

Chớ có nghĩ đến nhãn thức...

Chớ có nghĩ đến nhãn xúc...

Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có

ngĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có ngĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có ngĩ đến: "Cảm thọ ấy là của ta".

Này các Tỷ-kheo, ngĩ đến cái gì, ngĩ đến trong cái gì, ngĩ đến từ cái gì, ngĩ đến: "Cái gì là của ta", từ đây cái ấy đôi khác. Vì rằng bị đôi khác, vì chấp trước tái sanh (Bhavasatto), nên thế giới hoan hỷ tái sanh.

... tai... mũi...

7-8) ... lưỡi... thân...

9) **Chớ có ngĩ đến ý**, chớ có ngĩ đến trong ý, chớ có ngĩ đến từ ý, chớ có ngĩ đến: "Ý là của ta".

Chớ có ngĩ đến **các pháp**, chớ có ngĩ đến trong các pháp, chớ có ngĩ đến từ các pháp, chớ có ngĩ đến: "Các pháp là của ta".

Chớ có ngĩ đến **ý thức**, chớ có ngĩ đến trong ý thức, chớ có ngĩ đến từ ý thức, chớ có ngĩ đến: "Ý thức là của ta".

Chớ có ngĩ đến **ý xúc**, chớ có ngĩ đến trong ý xúc, chớ có ngĩ đến từ ý xúc, chớ có ngĩ đến: "Ý xúc là của ta".

Do duyên ý xúc, khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; chớ có nghĩ đến cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến trong cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến từ cảm thọ ấy, chớ có nghĩ đến: "Cảm thọ ấy là của ta".

Này các Tỷ-kheo, nghĩ đến cái gì, nghĩ đến trong cái gì, nghĩ đến từ cái gì, nghĩ đến: " Cái gì là của ta ", từ đây cái ấy đổi khác. Vì rằng bị đổi khác, vì chấp trước tái sanh, nên thế giới hoan hỷ tái sanh.

Này các Tỷ-kheo, cho đến uẩn, giới, xứ... chớ có nghĩ đến cái ấy, chớ có nghĩ đến trong cái ấy, chớ có nghĩ đến từ cái ấy, chớ có nghĩ đến: "Cái ấy là của ta".

Vị ấy không nghĩ đến như vậy nên không chấp thủ một cái gì trong đời. Do không chấp thủ nên không có dao động. Do không có dao động, vị ấy tự mình tịch tịnh một cách hoàn toàn. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

84 Ái Tận - Tương V, 450

Ái Tận – *Tương V*, 450

- 1) Nhân duyên ở Sàvatthi...
- 2) Tại đây, Tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ-kheo:
- 3) -- **Bốn niệm xứ này, thừa chur Hiền, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận khát ái.**
Thế nào là bốn?
- 4) Ở đây, thừa chur Hiền, Tỷ-kheo trú, quán **thân** trên thân, **niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời**... quán **thọ** trên các cảm thọ... quán **tâm** trên tâm... quán **pháp** trên các pháp, **niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời**.

Thừa chur Hiền, bốn niệm xứ này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận khát ái.

85 Ái Đoạn Tận - Tương IV, 573

Ái Đoạn Tận – Tương IV, 573

1) -- **Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về ái đoạn tận, và về con đường đưa đến ái đoạn tận. Hãy lắng nghe.**

2) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ái đoạn tận? Này các Tỷ-kheo, **sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si.** Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ái đoạn tận.*

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến ái đoạn tận? **Thân niệm...**, này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến ái đoạn tận.*

4) Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta thuyết về ái đoạn tận, Ta thuyết về con đường đưa đến ái đoạn tận.

5) Này các Tỷ-kheo, những gì một bậc Đạo sư cần phải làm cho những đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng từ mẫn, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với họ; tất cả, Ta đã làm cho các Ông.

6) Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống, hãy tu tập Thiền định. Chớ có phóng dật. Chớ để hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

86 Ánh Sáng - Tương I, 39

Ánh Sáng – Tương I, 39

Vật gì chiếu sáng đời,
Do chúng, đời chói sáng?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Muốn biết lời giải đáp.

(Thế Tôn):

Bốn vật chiếu sáng đời,
Thứ năm, đây không có.
Ngày, **mặt trời** sáng chói,
Đêm, **mặt trăng** tỏ rạng,
Lửa cháy đỏ đêm ngày,
Chói sáng khắp mọi nơi.
Chánh giác sáng tối thắng,
Sáng này, sáng vô thượng

87 ĂN CÁC ĐỒ THỰC VẬT - Tăng II, 564

ĂN CÁC ĐỒ THỰC VẬT – Tăng II, 564

1. - Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, một con voi của vua ăn đồ ăn nhiều, choán chiếm nhiều chỗ, vung vãi đại tiện, nắm giữ thẻ đồ ăn được gọi là con voi của vua.

2. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua **không kham nhẫn** các sắc, không kham nhẫn các tiếng, không kham nhẫn các hương, không kham nhẫn các vị, không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, một con voi của vua ăn đồ ăn nhiều, choán chiếm nhiều chỗ, vung vãi đại tiện, nắm giữ thẻ đồ ăn được gọi là con voi của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp, Tỷ-kheo ăn đồ ăn nhiều, choán chiếm nhiều chỗ, làm đồ giường nằm và nắm giữ thẻ đồ ăn, được xem chỉ là một Tỷ-kheo.

3. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không kham nhẫn các sắc,
- Không kham nhẫn các tiếng,
- Không kham nhẫn các hương,
- Không kham nhẫn các vị,
- Không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo ăn đồ ăn nhiều, choán chiếm nhiều chỗ, làm đồ giường nằm và nắm giữ phiếu đồ ăn, vị ấy được gọi chỉ là một Tỷ-kheo.

88 ĂN TRỘM - Tăng I, 712

ĂN TRỘM – Tăng I, 712

1. - Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào **địa ngục**. Thế nào là bốn?

- Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên **cõi Trời**. Thế nào là bốn?

- Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo.

Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

NÓI LÁO – Tăng I, 713

(Như kinh trên, (81), chỉ khác bốn pháp là: nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm.)

89 ĂN TỪ BÌNH BÁT - Tăng II, 666

ĂN TỪ BÌNH BÁT – Tăng II, 666

1. - Nay các Tỷ-kheo, có năm hạng người ăn từ bình bát này.

2. Thế nào là năm?

- Hạng ngu si ăn từ bình bát;
- Hạng ác dục ác tánh ăn từ bình bát;
- Hạng kiêu mạn loạn tâm ăn từ bình bát;
- Hạng ăn từ bình bát vì được nghe Thế Tôn và các đệ tử Phật tán thán;
- Hạng vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này ăn từ bình bát.

Này các Tỷ-kheo, có năm hạng người ăn từ bình bát này.

3. Trong năm hạng người này ăn từ bình bát này, này các Tỷ-kheo, hạng ăn từ bình bát vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này ăn từ bình bát. Hạng người này trong năm hạng người ấy là đệ nhất, là tối thắng, là thượng thủ, là tối thượng, là tối diệu.

Ví như này các Tỷ-kheo, từ con bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thực tô, từ thực tô có đề hồ. Đây được gọi là đệ nhất.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong năm hạng người này ăn từ bình bát, này các Tỷ-kheo, hạng ăn từ bình bát vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này ăn từ bình bát. Hạng người này trong năm hạng người ấy là đệ nhất, là tối thắng, là thượng thủ, là tối thượng, là tối diệu.

90 Ẩn Sĩ Ở Bờ Biển Hay Sambara - Tương I, 502

Ẩn Sĩ Ở Bờ Biển Hay Sambara – *Tương I, 502*

1) Ở Sàvatthi.

2) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có nhiều vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện, sống cùng nhau ở trong những chòi lá, trên bờ biển.

3) Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, một trận chiến xảy ra giữa chư Thiên và các A-tu-la rất ác liệt.

4) Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy suy nghĩ như sau: "Chư Thiên sống như pháp, các A-tu-la sống phi pháp. Chúng ta có thể nguy hiểm từ phía A-tu-la. Vậy chúng ta hãy đi đến A-tu-la vương Sambara và xin được bảo đảm vô úy".

5) Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, như nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất trong các chòi lá trên bờ biển và hiện ra trước mặt A-tu-la vương Sambara.

6) Này các Tỷ-kheo, các vị ẩn sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy nói lên bài kệ với A-tu-la vương Sambara:

7) Các ả sĩ chúng tôi,
Đến với Sambara,
Để xin Ngài bảo đảm,
Thí cho sự vô úy.
Hãy làm như Ngài muốn,
Hãy thí cho chúng tôi,
Nhưng người đang sợ hãi,
Được khỏi phải sợ hãi.

(Sambara):

8) Ắn sĩ như các Ông,
Không thể có vô úy,
Đã phục vụ Sakka,
Vị trí không tốt lành,
Các Ông xin vô úy,
Ta cho sự sợ hãi.

(Các ả sĩ):

9) Chúng tôi xin vô úy,
Ông lại cho sợ hãi,
Ta nhận vậy từ Ông,
Trọn đời, Ông sợ hãi!
Tùy hột giống đã gieo,
Ông gặt quả như vậy.
Làm thiện được quả thiện,
Làm ác bị quả ác,
Giống đã gieo và trồng,

Ông sẽ hưởng kết quả.

10) Nay các Tỷ-kheo, các vị ân sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy, sau khi thốt lời chú nguyện chống A-tu-la vương Sambara, như người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, liền biến mất trước mặt A-tu-la vương Sambara và hiện ra trong các chồi lá trên bờ biển.

11) Nay các Tỷ-kheo, A-tu-la vương Sambara, bị các ân sĩ trì giới, tánh hiền thiện ấy chú nguyện như vậy, trong đêm ấy thức dậy hoảng hốt ba lần.